



Khai Thị

Quyển Năm

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

Trường Đại Học Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

Talmage, California

Mục lục:

1. Thông Suốt Mọi Pháp-Niệm Quán Âm
2. Quán Thế Âm Bồ-tát Là Huynh Đệ Của Chúng Ta
3. Khai Thị Thất A Di Đà
4. Qui Củ Thiền Thất
5. Tham Thoại Đầu-Dùng Vọng Tưởng Để Chế Phục Vọng Tưởng
6. Chân Thật Tu Hành, Chớ Buông Lung
7. Dùng Phương Pháp Điện Liệu Để Thanh Lọc Không Khí
8. Ma Tới Để Giúp Quý Vị Tu Đạo
9. Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma Tới Trung Quốc
10. Bí Quyết Khổng Chế Vọng Tưởng
11. Tham Thoại Đầu
12. Cảnh Giới Thiền
13. Ngồi Thiền Có Thể Chấm Dứt Sinh Tử
14. Tu Hành Cần Phải Nhấn Nại

15. Tham Thiền là Phương Pháp Khai Ngộ
16. Không Trừ Vọng Tưởng thì Chẳng Thể Khai Ngộ
17. Khai Ngộ Phải Được Ấn Chứng Mới Đúng Pháp
18. Thiện, Ác Không Rời Một Niệm Ở Tâm Ta
19. Sự Tích Ngài Huyền Trang Đi Thiên Trúc Thỉnh Kinh
20. Tham Thiền Phải Hồi Quang Phản Chiếu
21. Thiền Đường Là Đạo Tràng Tuyển Phật
22. Thế nào là "Vô Tâm Đạo Nhân"?
23. Tham Thiền Là Thực Tập Lục Độ Ba-La-Mật
24. Phải Thực Tập Công Đức Vô Tướng
25. Sự Tích Xuất Gia Của Hòa Thượng Hư Vân
26. Sự Tích Xuất Gia Của Hòa Thượng Tuyên Hóa
27. Nhân Duyên Xuất Gia Của Hành Giả Quả Tá
28. Nhân Duyên Xuất Gia Của Hành Giả Quả Thuần
29. Sáu Đại Tông Chỉ Của Người Tu Đạo
30. Tham Miết Sẽ Tự Nhiên Khai Ngộ
31. Tu Đạo Không Nên Tranh Hơn
32. Mục Đích Của Người Tu Hành Là Thành Phật
33. Hãy Chấm Dứt Vọng Tưởng!
34. Nhập Định Không Phải Là Ngủ
35. Kinh Lăng Nghiêm Là Kinh Ngự Tạo Chẳng?
36. Phải Thực Tập Bát Nhã Ba La Mật Đa
37. Người Tu Hành Không Được Nói Dối
38. Người Tu Hành Phải Chịu Khổ
39. Trừ Vọng Tâm, Giữ Chân Tâm
40. Khi Mê Thầy Độ, Khi Ngộ Tự Độ

41. Tham Thiên Phải Khắc Phục "Cửa Đau"
42. Thế Nào Là Đủ Tư Cách Tham Thiên
43. Thân Mang Bệnh Khổ Bởi Duyên Nào?
44. Tham Đắm Cảnh Giới Thì Chiêu Cảm Ma Chướng
45. Cảnh Giới Tứ Thiên Thiên
46. Bí Quyết Của Tham Thiên
47. Kiếm Báu Của Kim Cương Vương Chặt Đứt Vọng Tưởng

Sơ Lược Tiểu Sử Hòa Thượng Tuyên Hóa

Mười Tám Đại Nguyện Của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

Thông Suốt Mọi Pháp-Niệm Quán Âm

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta cứ sanh ra rồi chết đi, chết đi rồi lại sanh ra. Trải qua quãng thời gian dài có tới trăm ngàn vạn kiếp, chúng ta vẫn chưa từng gặp được Pháp-hội Quán-Âm. Chính vì thế nên các thói hư tật xấu của chúng ta chẳng giảm bớt một mảy may, trong khi vô minh, phiền não thì lại mỗi ngày một gia tăng! Nay được gặp Pháp-hội Quán Thế Âm Bồ-tát, có thể nói rằng nhờ những thiện căn chúng ta gieo trồng trong vô lượng kiếp về trước đã chín muồi cho nên chúng ta mới được tham gia một Pháp-hội vi diệu và bất khả tư nghị như thế này. Nếu không có thiện căn, không có đức hạnh, thì chẳng thể có được cơ hội tham gia Quán-Âm Thất. Do đó, quý vị phải biết quý bầy ngày quý báu này mà đừng khởi vọng tưởng, đừng phí thời giờ. Nếu quý vị cứ khởi vọng tưởng, thì có tham gia Pháp-hội cũng như không, bởi vì quý vị sẽ không đạt được một sự lợi ích nào cả!

Mặc dù Pháp-hội này chỉ mới bắt đầu được hai hôm nay, tôi biết rằng có người đã thấy Bồ-tát, hào quang, hoặc những cảnh giới bất khả tư nghị hiện ra; và cũng có người sắp được mở Ngũ nhãn nữa. Do đó, những người chưa đạt được sự lợi ích phải biết hổ thẹn, và chớ cho rằng bản thân mình không đạt được sự lợi ích thì người khác cũng giống như thế-không phải vậy đâu!

Có thể nói rằng Chùa Kim Sơn là nơi "đãi cát tìm vàng"-những ai muốn tu hành thật sự thì không thể rời khỏi Chùa Kim Sơn bởi vì tìm được một nơi để chân chánh tu hành thì không phải dễ. Những người ở Chùa Kim Sơn đều là những hành-giả có Đạo-tâm, dù lâm vào hoàn cảnh hết sức gian khổ, khó khăn, họ vẫn tinh tấn dụng công tu hành.

Pháp-môn tu Đạo thì có tới tám vạn bốn ngàn thứ và thứ nào quý vị cũng nên hiểu biết đôi chút, chứ đừng chỉ biết độc nhất có mỗi một thứ mà thôi. Nếu về pháp-môn nào quý vị cũng có được chút ít khái niệm thì dần dần quý vị sẽ hiểu được mọi các pháp-môn. Nếu chỉ hiểu một pháp-môn thì khó mà thể hội được cảnh giới "thâm sâu như biển cả" của Phật Pháp; và như thế, quý vị cũng chẳng khác gì "kẻ khờ nhìn trời qua ống tre," cứ đinh ninh rằng bầu trời chỉ lớn bằng miệng ống tre mà thôi! Nếu không dùng ống tre để nhìn thì quý vị sẽ thấy bầu trời rộng lớn vô cùng. Do đó, quý vị học Phật Pháp thì chớ nên chỉ biết về một pháp-môn duy nhất, mà cần phải thông suốt mọi pháp, hiểu rõ mọi pháp.

Hiện tại chúng ta niệm danh hiệu Quán-Âm Bồ-tát, đó chính là một phần của Phật Pháp vậy. Nếu quý vị chưa từng tu tập pháp-môn này thì nhất định phải đến tham gia thử một phen; đừng nên chưa thử mà đã không chịu tu! Nếu có thể tham gia trọn vẹn bảy ngày niệm danh hiệu Quán-Âm Bồ-tát này, thì chắc chắn quý vị sẽ thấu hoạch được nhiều điều lợi ích cho cả thân lẫn tâm. Do đó, quý vị chớ nên để lỡ dịp may, đừng bỏ qua cơ hội hiếm có trước mắt!

Bậc Bồ-tát thì tu Lục độ Vạn hạnh. Lục độ chính là:

1) *Bố thí*. Bố thí tức là tự chúng ta bố thí cho người khác, chứ không phải là muốn người ta bố thí cho mình.

2) *Nhẫn nhục*. Qua khóa Quán-Âm Thất này quý vị có thể biết được mình có khả năng nhẫn chịu hay không. Người có khả năng nhẫn chịu tất sẽ hoàn tất khóa Quán-Âm Thất này một cách mỹ mãn. Người không có khả năng nhẫn chịu thì suốt ngày chỉ toàn là khởi vọng tưởng, như: "Lát nữa mình phải đến nhà hàng nọ ăn một bữa cho thật no nê mới được," hoặc là: "Mình cứ ở đây niệm danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-tát thì có lợi gì đâu? Thật là vô ích! Thôi, mau mau đi về cho rồi!"

Không có khả năng nhẫn nại, chịu đựng, thì không thể tu Đạo! Quý vị muốn tu phép ngồi Thiền, phép niệm danh hiệu Phật hoặc niệm danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-tát đều được cả-bởi các pháp môn ấy là như nhau, hoàn toàn không có gì khác biệt. Bất luận tu theo pháp môn nào, chỉ cần có lòng nhẫn nại thì quý vị sẽ có được sự thành tựu. Nếu không có lòng nhẫn nại thì pháp môn nào quý vị cũng chẳng thể tu tập được! Người thiếu lòng nhẫn nại thì luôn luôn cảm thấy thế này là không đúng, thế kia là không phải, việc gì cũng không vừa ý; như vậy thì còn tu gì được nữa chứ?

Đạo vốn không có ngã-kiến, không có sự chấp trước về cái "ngã"; do đó, người nào có chấp trước thì vĩnh viễn chẳng thể nào tu Đạo được! Có người nói: "Tôi muốn tham Thiền!" Quý vị muốn tham Thiền ư? Thế thì quý vị càng cần phải có lòng nhẫn nhục hơn nữa!

3) *Trì giới*. Trì giới tức là: "Chư ác mạc tác, Chúng thiện phụng hành." (Không làm điều ác, Chỉ làm việc lành.)

4) *Tinh tấn*. Tinh tấn có nghĩa là siêng năng, không lười biếng, giải đãi.

5) *Thiền-định*. Hiện tại chúng ta niệm danh hiệu Quán-Thế-Âm Bồ-tát là cầu nguyện Đức Quán-Thế-Âm Bồ-tát giúp chúng ta có được Thiền-định.

6) *Trí huệ*. Một khi đã có Thiền-định, thì trí huệ sẽ nảy sanh. Do đó, sáu công hạnh này đều có quan hệ liên đới với nhau.

Có người nói: "Tôi thích chuyên về tu Thiền-định." Vậy bây giờ tôi sẽ nói cho quý vị biết về cách tu Thiền-định. Một khi đã đặt chân vào Thiền-đường thì bất luận thế nào, quý vị cũng không được rời khỏi Thiền-đường nửa bước! Có người thắc mắc: "Nếu bị bệnh thì phải làm sao?" Bị bệnh thì cứ việc bệnh thôi! Có bệnh cũng vẫn phải tham Thiền như thường!

"Thế rồi chết thì làm sao?" Chết rồi thì xác cũng không được mang ra khỏi Thiền-đường! Nếu có Thiền-sinh bị chết, thi hài của y sẽ được nhét vào dưới một bọc ngồi còn trống, và dù có sinh thối cũng vẫn phải để ở đó chứ không được đem ra ngoài. Người chết cũng không được rời Thiền-đường!

Có người nói: "Như thế thì có khác gì bị cầm tù đâu?" Quý vị tưởng rằng hiện tại quý vị không phải ở tù sao? Mọi người đều đang bị giam hãm trong nhà tù của chính họ, chẳng qua là họ không tự ý thức được điều đó mà thôi! Tự-tánh của quý vị muốn thoát ra mà ra không được, muốn trở về cũng không về được. Hễ đi ra rồi thì không về lại được, mà hễ về rồi thì lại không thể thoát ra được nữa-như thế mà gọi là "tự do" sao? Thân thể của mỗi người chính là một cái nhà tù; song, quý vị chưa hiểu được điều ấy!

Trong khóa Thiền-thất, một khi đã vào Thiền-đường rồi thì không được bước chân ra khỏi cửa Thiền-đường nữa. Người nào đi ra thì sẽ bị ấn đòn-cây hương-bản sẽ vun vút trên đầu, trên lưng. Đó là trong khóa Thiền-thất. Trong khóa Quán-Âm Thất cũng thế-không ai được phép rời Phật-điện! Người nào bất tuân thì sẽ bị ấn đòn, bởi vì, ai bảo quý vị đến đây làm gì!?

Có người nói: "Tôi đọc được thông báo nên mới đến tham gia." Thế nhưng trong bản thông báo không nói rằng hễ đến đây rồi là có thể tự ý bỏ đi kia mà! Muốn đi thì cũng được, tuy nhiên quý vị phải thanh toán chi phí ăn uống của mọi người rồi mới được đi; bằng không, quý vị không thể đi được. Tại sao vậy? Bởi vì nếu quý vị bỏ đi, những người khác thấy thế cũng bắt chước quý vị mà bỏ đi. Quý vị bỏ đi, người nọ bỏ đi, người kia cũng bỏ đi, rồi mọi người đều bỏ đi hết-như thế là quý vị "phá hoại đạo-tràng." Do đó, để khỏi mang tội "phá hoại đạo-tràng," quý vị phải trả tiền ăn của mọi người. Nếu quý vị trả không nổi thì tốt nhất là đừng bỏ đi!

Quý vị đều có thiện duyên với nhau nên mới cùng đến Chùa Kim-Sơn. Nếu không có thiện duyên thì không cách gì đặt chân tới ngưỡng cửa Chùa Kim-Sơn được. Đã có thiện duyên thì mọi người chớ ngần ngại mà không kết bạn với nhau trong Pháp-hội Quán-Âm này. Quý vị hãy nâng đỡ lẫn nhau và cùng nhau tiến tới phía trước. Tới đâu? Tới nơi mà thâm tâm mọi người muốn tới. Mỗi chúng ta đều nên giúp đỡ người khác. Vì sao tôi nói như thế? Vì tôi e rằng quý vị sẽ bị lầm đường lạc lối!

(Quán-Âm Thất, ngày 15 tháng 3 năm 1976)

Quán Thế Âm Bồ-tát Là Huynh Đệ Của Chúng Ta

Chúng ta ngày ngày niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, song "Quán Thế Âm" nghĩa là gì? "Quán" là quán xét âm thanh ở thế gian. "Quán" cũng là nhìn, nhưng không phải nhìn bên ngoài, mà là nhìn tâm của chúng sanh, xem chúng sanh nào tâm không còn vọng tưởng lăng xăng. Không còn vọng tưởng, tâm rỗng không, tức là khai ngộ. Do đó nói rằng:

"Thập phương cùng tụ hội,

Đồng học Pháp Vô-vi."

Niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ-tát cũng là một pháp vô vi. "Vô vi" là không làm nhưng chẳng gì là không làm-tức là dạy chúng ta chớ khởi vọng tưởng vậy.

Khi quý vị niệm "Nam Mô Quán Thế Âm Bồ-tát" thì Quán Thế Âm Bồ-tát cũng niệm quý vị-hai bên cùng niệm nhau giống như quý vị nhớ tưởng người thân, thì người thân của quý vị cũng nhớ tới quý vị vậy. Chúng ta và Quán Thế Âm Bồ-tát, từ vô lượng kiếp đến nay, chính là bà con trong Đạo-pháp, thân thích trong Phật-pháp. Bà con kể từ lúc nào? Tính từ thời Đức Phật A Di Đà đấy! Đức Phật A Di Đà là Giáo-chủ cõi Cực Lạc ở Tây Phương và cũng là sư-phụ của Quán Thế Âm Bồ-tát. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát giúp Đức Di Đà hoằng dương pháp môn Tịnh-Độ. Chúng ta chính là quý vị đồng môn với Đức Quán Thế Âm Bồ-tát. Đức Quán Âm Bồ-tát là vị anh cả đối với tất cả chúng sanh nào chưa vãng sinh cõi Cực Lạc, và do đó, chúng sanh là em của Ngài. Nói như vậy thì rõ ràng Ngài và chúng ta là bà con rất gần. Do đó, hễ mình nhớ tới anh mình, thì anh mình cũng nhớ tới mình. Mình là em của Đức Quán Âm, và Đức Quán Âm là anh của mình.

Có người nói: "Tại sao Đức Quán Âm có thể là anh của mình đặng? Nói như vậy chẳng phải là quá đáng chăng?" Chẳng những Đức Quán Âm xem chúng ta như em, Ngài còn xem tất cả chúng sanh là em út cả. Nếu không thế, thì sao Ngài lại tầm thanh cứu khổ? Vì sao hễ chúng sanh gặp khó khăn, Ngài liền cứu giúp? Đó là vì Ngài xem chúng sanh như tay chân ruột thịt của Ngài vậy, cho nên Ngài mới không sợ gian khổ, đi cứu độ tất cả chúng sanh đang đau khổ ở cõi Ta Bà này. Vì thế quý vị chớ quên người anh trong Đạo-pháp của mình-hễ chúng ta niệm một tiếng Quán Thế Âm Bồ-tát, Đức Quán Thế Âm Bồ-tát cũng liền nhớ niệm tới chúng ta.

Khi niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, chính là chúng ta kêu gọi người anh của mình. Khi Đức Quán Thế Âm Bồ-tát gọi tên chúng ta, chính là Ngài gọi các đứa em, tức là các Bồ-tát tương lai, các vị Phật tương lai vậy.

Nếu nhìn Quán Thế Âm Bồ-tát như vậy, chúng ta càng phải thành tâm, càng phải khẩn thiết niệm tên người anh ruột trong Đạo-pháp này, chớ để lỡ cơ hội. Khi niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ-tát,

quý vị chớ cúi đầu xuống mà phải ngược đầu lên, biểu thị một tinh thần dũng mãnh, tinh tấn. Chớ làm ra vẻ rũ rượi, lơ đãng. Khi Đức Quán Thế Âm Bồ-tát thấy quý vị có tinh thần tinh tấn, Ngài sẽ nói với quý vị rằng: "Hãy mau nắm lấy tay ta!" Thế rồi, Ngài sẽ đưa quý vị tới thế giới Cực Lạc.

Có người nghĩ vẫn vợ rằng: "Tại sao Đức Quán Thế Âm Bồ-tát từ sáng đến tối cứ nhìn, nhìn, nhìn hoài, còn tôi thì chẳng được phép nhìn gì cả?" Quý vị "nhìn" và Quán Thế Âm Bồ-tát "nhìn," hai cách nhìn khác nhau lắm! Đức Quán Thế Âm Bồ-tát nhìn bên trong, còn quý vị thì nhìn ra ngoài. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát nhìn tự tánh. Tâm tánh của Ngài giống như màn ra-đa, hiện ra tất cả mọi chúng sanh. Chúng sanh nào có vọng tưởng gì, Ngài đều biết hết. Ngài nhìn vào màn ra-đa bên trong, khác với cái nhìn của quý vị. Bởi vì chúng sanh ở cách xa Ngài quá, tuy rằng Ngài có ngàn tay ngàn mắt, song nếu dùng để nhìn vô lượng chúng sanh thì cũng không đủ dùng, không đủ nhìn. Do đó Ngài mới hồi quang phản chiếu (xoay ngược ánh sáng trí huệ, chiếu rọi tự tâm), phản văn văn tự tánh (xoay ngược cái nghe, lắng nghe tự tánh). Ngài quan sát tự tánh của chúng sanh xem ai là kẻ đang chịu khổ; rồi Ngài đi cứu độ chúng sanh ấy. Nhưng quý vị thì lại nhìn ra ngoài, quên bằng trí huệ căn bản của mình. Do đó, cái nhìn của quý vị với cái nhìn của Ngài hoàn toàn khác nhau.

Có người lại nghĩ rằng: "Thầy ơi! Tôi không tin điều Thầy khai thị đâu! Vì sao tôi không tin? Vì Thầy nói chúng tôi là anh em với Quán Thế Âm Bồ-tát, song Ngài là bậc thánh còn chúng tôi là phàm phu; phàm phu làm sao có thể là anh em với bậc thánh đặng? Điều này không hợp lý nên tôi không tin." Tốt lắm! Quý vị không tin cũng được, điều quý vị nói cũng có lý. Song, lý lẽ này thuộc tri kiến của kẻ phàm; bởi vì quý vị chưa thâm nhập Kinh Tạng, nên chưa có trí huệ rộng sâu như biển.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Bồ-tát suy nghĩ như vậy: Ta với chúng sanh, từ vô thủy kiếp tới nay đã từng là anh em, cha mẹ, chị em, vợ chồng với nhau." Quý vị nói quý vị không tin, chẳng qua là vì quý vị không hiểu rõ đạo lý Kinh Hoa Nghiêm đó thôi.

Hơn nữa, chẳng những Bồ-tát nhìn chúng sanh như vậy mà ngay cả Phật, Ngài cũng xem chúng sanh "tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta." Nếu Phật xem chúng sanh như cha mẹ thì tôi nói Quán Thế Âm Bồ-tát xem chúng sanh như anh em, có gì là không hợp lý? Quý vị nói quý vị không tin, đó là do quý vị không đủ trí huệ, thiếu kiến thức đó thôi. Hoặc giả cái nhìn của quý vị quá hạn hẹp, nên quý vị mới trở nên si mê, không tin những gì tôi nói.

Vì sao Phật muốn độ chúng sanh? Vì Ngài quan niệm *"tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta."* Vì cha mẹ Ngài đang thọ khổ trong lục đạo luân hồi nên bất luận thế nào, Ngài cũng phải cứu họ, khiến họ được ly khổ đặc lạc.

Mỗi ngày chúng ta đều niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, đều lạy Quán Thế Âm Bồ-tát; song khi Ngài hiện thân trước mặt chúng ta thì chúng ta lại chẳng hay biết. Do đó chúng sanh chúng ta thật rất đáng thương! Vì sao Quán Thế Âm Bồ-tát hiện ra trước mặt mà chúng ta không hay biết? Đây là thử thách đối với chúng ta. Khi quý vị niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị phải học làm sao để được như Ngài vậy. Đức Quán Thế Âm Bồ-tát thì có lòng đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực; do đó, khi niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, chúng ta phải học sao cho có lòng đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực - ai đối xử xấu với mình, mình chớ động tâm; ai mắng chửi mình, mình phải nhẫn lắng; ai đánh đập mình, mình hãy nhẫn chịu; thậm chí có ai giết hại mình, mình cũng phải chịu, coi như là trả nợ vậy! Thế nào là "trả nợ?" Ví như xưa kia mình không chửi rửa ai, thì sẽ không ai tới chửi rửa mình; xưa mình không đánh đập ai, thì cũng chẳng ai lại đánh đập mình. Vì sao có kẻ tới chửi rửa, đánh đập hay giết hại mình? Bởi vì xưa kia, khi mình còn si mê, mình đã từng chửi rửa, đánh đập, giết hại người khác; do đó, kiếp này mình cần phải thanh toán cho sạch nợ nần xưa kia. Khi xưa, vì si mê nên mình có nợ mà không trả. Ngày nay hiểu Đạo, mình phải chân thành trả sạch nợ kia. Hễ mình trả hết nợ thì sẽ thấy đặng Quán Thế Âm Bồ-tát và làm bà con trong Đạo với Ngài.

Thế nên, đã niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì khi gặp ai chúng ta cũng chớ tìm lỗi lầm của họ. Hễ cứ xoi mói lỗi lầm của người thì mình chưa hết khổ, chưa chặt đứt gốc rễ đau khổ. Do đó quý vị hãy nhận định rõ ràng mọi cảnh giới, thấu suốt căn nguyên mọi sự. Học Phật-pháp, quý vị phải biết vận dụng Phật-pháp. Nếu không biết vận dụng Phật-pháp, thì bất luận quý vị tu bao lâu, Phật-pháp vẫn là Phật-

pháp, mà quý vị vẫn là quý vị. Khi biết vận dụng thì quý vị nhập làm một với Phật-pháp, không còn ngăn cách gì nữa.

Nhẫn nại là pháp tối trọng yếu. Quý vị phải nhẫn được những việc khó nhẫn. Ví dụ, quý vị không thích bị chửi rủa, song hễ có ai mắng quý vị, quý vị hãy vui vẻ nhẫn nhịn. Tuy quý vị không thích bị đánh đập, song hễ ai đánh quý vị, quý vị hãy vui vẻ chịu đựng. Quý vị không muốn chết, vì mạng người quý báu lắm; song hễ có ai muốn giết quý vị, quý vị hãy xem như họ giải thoát một đời nghiệp chướng cho quý vị-họ chính thật là Thiên-tri-thức đây. Quý vị ơi! Khi học Phật-pháp, chúng ta phải đổi ngược thái độ lại mà học, tu Đạo cũng phải đổi ngược thái độ lại mà tu! Thế nào là đổi ngược thái độ? Tức là hãy thích làm những việc mà xưa kia mình không ưa thích; việc mình chẳng ưa thì chớ bao giờ bắt kẻ khác làm.

Nếu quý vị cũng hết như những kẻ tầm thường khác: chẳng thể nhìn suốt, chẳng thể buông bỏ, chẳng thể dứt trừ sự chấp trước vào cái "tôi" và vào cái "pháp," cứ giữ chặt bốn quan điểm phân biệt mình, người, chúng sinh và thọ-giả thì quý vị sẽ có rất nhiều rắc rối phiền hà. Nếu quý vị biết lùi một bước thì chuyện gì cũng tự nhiên yên bình như biển lặng trời trong. Khi học Phật-pháp, chớ học đòi thứ cao thâm diệu vợi, vì rằng:

"Bình thường tâm thị Đạo,

Trực tâm thị đạo tràng."

(Tâm bình thường-tâm không dục vọng-là Đạo,

Lòng thẳng thản là đạo tràng, nơi tu hành.)

Bởi thế chúng ta cần phải có tấm lòng chính trực, thẳng thản khi tu hành.

Khi niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị chớ có lòng tham lam. Đừng nghĩ: "Tôi niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, tôi sẽ phát tài!" Đó là việc không thể có! Khi quý vị không tham, giàu sang có thể tới; một khi nầy lòng tham, quý vị sẽ chẳng được gì đâu. Khi niệm Đức Quán Thế Âm Bồ-tát, quý vị đừng khoe khoang: "Tôi tới chỗ nọ chỗ kia tham gia Thất Quán Âm. Quý vị chưa hề tham gia thì đâu có bằng tôi!" Quý vị chớ khởi vọng tưởng như thế, cũng đừng ham danh, tham lợi hay thích hưởng thụ sung sướng.

Lúc niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, hãy niệm một cách bình thường, chớ cầu cạnh bất kỳ việc gì. Đừng nên bắt chước những kẻ vừa niệm Quán Thế Âm Bồ-tát vừa nghĩ: "Tôi hiềm muộn không con, cầu xin Đức Quán Thế Âm Bồ-tát cho tôi đứa con trai." Có người thì xin con gái; cũng có nhiều cậu niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu xin cóặng cô bồ xinh đẹp, và nhiều cô niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để cầu gặp bạn trai-những việc như thế đều chẳng thể được! Khi niệm danh hiệu Đức Quán Âm, hãy quét sạch những ý tưởng dơ bẩn ấy đi. Đừng nên có lòng tham lam, giận dữ hay si mê. Ví như ngày ngày mặc áo, chớ để ý áo đẹp hay không, chỉ cần ấm thân là tốt. Ngày ngày ăn cơm, chớ nầy lòng tham thức ngon vật lạ. Nếu có những ý tưởng ấy, quý vị chẳng còn dùng chân tâm để niệm Quán Thế Âm Bồ-tát nữa. Nếu quý vị quả thật thành tâm niệm đức Quán Thế Âm Bồ-tát, thì sao lại còn nghĩ tới chuyện ăn ngon, mặc đẹp? Quý vị đã quên những thứ ấy đi từ lâu rồi mới phải chứ! Chỉ có một cách là quên đi mọi chuyện thì chúng ta mới hợp nhất với Quán Thế Âm Bồ-tát đặng.

Trong lòng chúng sanh, ai ai cũng sẵn có một vị Quán Thế Âm Bồ-tát. Bây giờ chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ-tát chính là niệm Đức Quán Âm ở lòng mình. Có người nói: "Tôi tìm trong tâm, sao chẳng thấy tâm tôi đâu hết?" Nếu quý vị không có tâm, quý vị chẳng cần niệm Quán Thế Âm Bồ-tát làm gì. Bởi vì chính đó (tức là quý vị không có tâm) là Quán Thế Âm Bồ-tát. Quán Thế Âm Bồ-tát chính là sự không có tâm, bởi vì Ngài hoàn toàn không khởi vọng tưởng, cũng chẳng có tham, sân, si. Ngài không bao giờ tính toán hôm nay mặc áo gì cho đẹp, ăn món gì cho thật ngon, hoặc muốn hưởng thụ đồ cúng dường gì. Ngài không chấp trước gì cả, không mong cầu gì hết. Việc Ngài làm là cứu độ chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh ly khổ đặc lạc, liễu sanh thoát tử, thành tựu Phật Đạo. Ngài

không mong cầu gì ở chúng sanh cả. Ngài mong cho chúng sanh có thể chân chánh hiểu rõ Phật-pháp, hết sạch tham, sân, si.

Khi niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, chớ nghĩ lăng xăng suốt ngày: *"Sáng ra chẳng ăn gì cả, tối lại cũng chẳng có trà uống, thật khổ quá mức! Chịu không nổi nữa rồi, mau mau cuốn gói chạy thôi!"* Tu hành như vậy thật chẳng có giá trị gì cả!

(Giảng ngày 16 tháng 3 năm 1976)

Khai Thị Thất A Di Đà

Ở cõi Ta Bà, ai cũng thích sướng, ghét khổ. Chúng sanh ở địa ngục thì thích khổ, ghét sướng. Ngạ quỷ thì thích sân giận, ghét từ bi. Loài súc sanh thì vì thích ngu si, ghét trí huệ, nên mới đọa làm súc sanh.

Tuy con người thích vui sướng, ghét khổ não, song lại không biết làm sao để chẳng có khổ não. Ở cõi trời, ai cũng thích sướng ghét khổ. Trong lúc đó, đối với chư Phật và Bồ-tát thì cảnh giới của các Ngài không có khổ não hay vui sướng. Các Ngài quên bằng cả hai trạng thái khổ, vui. Đa số chúng sanh đều điên đảo-nhận đúng là sai, lấy sai làm đúng, đem đen làm trắng, thấy trắng cho là đen. Rốt ráo thì chúng sanh có biết chẳng mình đang điên đảo? Biết chứ! Tuy biết nhưng vẫn cứ làm chuyện sai trái; hiểu rõ là việc phi lý, thế mà cứ chuyên môn làm vậy; biết đâu là việc đúng đắn, nhưng lại không chịu làm.

Ví dụ như có kẻ lúc niệm Phật thì lại đi uống trà. Uống trà cũng có quy định thời gian, chẳng phải tùy tiện uống lúc nào nơi nào cũng được. Dùng thời giờ niệm Phật để uống trà là biếng nhác. Niệm Phật mệt quá rồi, đi uống một ly trà, nghỉ xả hơi một chốc, đó là làm biếng. Nếu thật lòng niệm Phật, sao còn nghĩ tới chuyện uống trà? Quý vị hẳn đã sớm quên phút việc uống trà rồi; càng không cần đề cập tới chuyện uống sữa, bởi vì chuyện gì cũng phải quên bằng hết rồi! Kẻ chân chánh niệm Phật thì ngay cả việc ăn cơm còn không biết, hà huống là chuyện uống trà?

Có người nói: "Niệm Phật thế thì nguy hiểm quá, bởi vì làm mình quên cả chuyện đã ăn cơm rồi hay chưa nữa!" Song chính đây mới là công phu của những người chân chính dụng công-ăn hay chưa ăn họ không biết đến; áo mặc hay chưa mặc họ cũng chẳng nhớ; nghỉ hay chẳng nghỉ họ nào hay. Quên bằng mọi sự! Ban ngày ư? Không biết! Ban đêm ư? Không biết. Trên không thấy có trời, dưới chẳng thấy có đất, ở giữa chẳng biết có người-mọi thứ đều không. Khi vạn sự đều không thì làm sao còn nhớ nghĩ tới việc uống trà, uống sữa?

Chùa Kim Sơn có một thầy chẳng dám uống sữa. Bởi vì sau khi uống sữa thì lòng dâm dục nổi lên, không sao kiềm chế được; do đó thầy chẳng uống sữa. Chúng ta ăn uống là để duy trì sinh mạng, lấy vật thực làm thuốc men. Không ăn thì chết đói, nên ăn để duy trì sự sống chứ chẳng phải chúng ta cần ăn các thức bổ dưỡng để nuôi thân. Khi thức ăn quá bổ béo thì rắc rối lắm đấy.

Người tu pháp môn Niệm Phật phải nhớ lúc nào cũng chỉ niệm một câu "Nam Mô A Di Đà Phật," không được ngừng nghỉ. Lúc thức niệm, ngủ cũng niệm. Phải niệm sáu chữ hồng danh "Nam Mô A Di Đà Phật" sao cho chẳng thứ gì có thể làm gián đoạn, dù dùng kiếm cũng chẳng chặt đứt được. Sức mạnh của niệm Phật phải kiên cố vượt hẳn sự cứng rắn của kim cương. Khi quý vị không thể dùng cách gì để phá hoại được tiếng niệm "Nam Mô A Di Đà Phật" thì lúc ấy mới gọi là "Niệm Phật Tam-muội."

Chẳng những niệm Phật như vậy, mà tụng Kinh và trì Chú cũng vậy. Khi ở trạng thái này, dù muốn khởi vọng tưởng quý vị cũng chẳng thể khởi được. Tu hành là việc không dễ đâu. Quý vị hãy xem Thầy Hằng Thực: Vì sao Thầy không uống sữa? Bởi vì Thầy biết sự lợi hại của sữa! Hễ Thầy uống sữa bò, thì *"tánh bò"* lập tức nổi dậy. Khi *"tánh bò"* (lòng dâm dục) nổi dậy thì còn dữ dằn hơn cả cọp nữa!

Thông thường, hể thân thể chẳng thiếu dinh dưỡng thì không cần ăn đồ bổ dưỡng. Ăn đồ bổ rồi thì sinh đủ thứ rắc rối. Do đó, "quá dư thì cũng như thiếu hụt," thái quá và bất cập đều không tốt cả.

Chúng sanh ở cõi Ta Bà này, mỗi cử động mỗi hành vi đều là tham, là sân, là si. Tu Pháp Thế-gian, chúng sanh dùng tham sân si để tu. Khi tu Pháp Xuất-thế-gian, họ cũng dùng lòng tham sân si để tu. Thành thử, khi tu họ cứ tham trước khai ngộ-ngôi Thiên mới hai ngày rưỡi mà đã muốn khai ngộ, tu hành chưa tới ba ngày đã đòi có thần thông, niệm Phật chưa được mấy bữa cũng đòi đắc Niệm Phật Tam Muội. Quý vị xem, lòng tham của họ to lớn đến thế! Đó toàn là biểu hiện của loài quỷ tham lam.

Chúng ta phải xem việc tu hành như là bốn phận của mình, không cần phải tham lam - lâu dần, công đức sẽ viên mãn, quả Bồ-đề cũng tự nhiên thành tựu. Đáng lẽ việc tu hành đã thành công rồi, nhưng chỉ vì quý vị tham nhiều nên rốt cuộc chẳng "tiêu hóa" nổi. Như ăn cơm, phải nhai từng miếng một; nếu một lúc mà dồn cả bát cơm vào miệng, đầy cả mồm thì làm sao ăn? Muốn nhai cũng nhai không đặt, nuốt cũng nuốt không trôi. Việc ăn uống là một thí dụ hết sức đơn giản. Nên có câu: "Tham nhiều thì nhai không được."

Khi tu hành, phải tu mà như chẳng có tu gì cả. Đừng sinh lòng tham lam, cũng đừng tính toán mình sẽ thế nào, sẽ có gì. Quý vị muốn khai ngộ, muốn đắc thần thông; song làm sao quý vị đạt kết quả mau chóng như vậy được? Khi gieo hạt giống xuống đất, phải chờ thời gian để nó từ từ mọc cao lên; rồi khi đã đủ giờ đủ ngày thì nó sẽ chín muồi. Cổ nhân dạy:

"Mài thỏi sắt thành kim,

Công đủ, tự nhiên thành."

Quý vị chớ sợ phí công, khi đủ thời gian rồi thì tự nhiên cục sắt cũng bị mài thành kim-có công mài sắt có ngày nên kim.

Việc tu hành, cốt yếu ở chỗ *trừ sạch thói hư tật xấu*. Thế nào là thói hư tật xấu? Thích uống trà là một tật xấu, thích uống sữa là một tật xấu, thích khởi vọng tưởng lăng xăng cũng là tật xấu. Nếu quý vị tham tiện nghi, thì dụng công không được cảm ứng. Khi dụng công, quý vị chớ sợ khổ, sợ khó khăn, sợ mệt nhọc, thì tu mới thành. Ở đây tôi phải xin lỗi quý vị, bởi vì tôi thích nói đùa, do đó quý vị nào mập mạp sau khi nghe tôi giảng xin đừng kiêng ăn cho tiêu mỡ, bớt mập. Nếu không, e quý vị sẽ "đầu thượng an đầu," nghĩa là làm những việc vô ích rồi tạo cho mình đủ thứ phiền não.

Hiện nay, toàn thế giới đâu đâu cũng tràn ngập thiên tai nhân họa. Nơi nơi đều trở nên hắc ám, không có ánh sáng, chứng tỏ rằng sinh mạng của nhân loại đang bị đe dọa trầm trọng. Cái không khí giết người ấy thật quá xưa nay chưa từng có. Quý vị đã biết về bom nguyên tử, bom khinh khí, vũ khí hạt nhân, và giờ đây còn có thêm tia laser nữa. Những thứ vũ khí ấy một khi được sử dụng thì toàn nhân loại chắc sẽ diệt vong. Vì thế, hiện nay toàn cầu đều bị bao phủ bởi ám khí, và ác nghiệp đen tối cũng bao phủ khắp nơi. Cách duy nhất để diệt trừ tai họa ấy là chúng ta phải nương theo Phật-pháp mà tu hành. Ở đâu có người chân chính tu hành, ở đó tai nạn sẽ giảm bớt. Nếu nhiều người cùng nhau kết hợp tu hành, thì sức mạnh tập thể sẽ tiêu trừ được tai nạn, hóa giải được độc khí tàn khốc ấy thành không khí hòa bình kiết tường. Muốn được vậy, mọi người cần phải thật sự tu trì, chân chính hành Đạo đúng theo Phật-pháp.

Quý vị hãy thành tâm niệm Phật. Khi niệm Phật một tiếng, *trong hư không sẽ có một ánh hào quang xuất hiện*. Nếu quý vị chí thành khẩn thiết niệm Phật thì ánh hào quang ấy sẽ chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, và có thể hóa giải mọi thứ ô nhiễm, bạo hành, tai họa, khiến cho bầu không khí trong cõi tam thiên đại thiên thế giới trở nên tốt lành.

Vạn Phật Thánh Thành là một nơi quang minh trên thế giới, phóng quang biến chiếu khắp hoàn vũ. Nếu như quý vị ở Vạn Phật Thánh Thành mà khởi vọng tưởng thì quý vị vẫn có công đức, mà lại còn lớn hơn công đức to tát nhất mà quý vị có thể có được ở thế giới bên ngoài. Tại sao tôi nói như vậy? Bởi vì những kẻ ở Vạn Phật Thánh Thành, ai ai cũng đều hướng thiện, nên dù họ có vọng tưởng thì đa số cũng là vọng tưởng tốt, rất ít khi họ nghĩ đến điều ác độc. Do đó, quý vị có thể nói rằng Vạn

Phật Thánh Thành là mặt trời và mặt trăng của thế giới, chiếu soi khắp nơi khiến toàn thể chúng sanh được thanh tịnh, mát mẻ.

Những người cư trú ở Vạn Phật Thánh Thành đều trồng nhiều căn lành từ thuở xa xưa. Họ đã từng phát nguyện cải thiện thế giới, khiến mọi tai nạn đều tiêu trừ. Do đó quý vị trú ở Vạn Phật Thánh Thành phải hướng vào đường chánh mà tu, ngay trong mỗi hành động mỗi lời nói. Quý vị chớ nên a dua với kẻ xấu, kẻ tầm thường. Người cư ngụ ở Vạn Phật Thánh Thành đều là người tốt, đàng hoàng. Những người tánh tình hung dữ, ác tâm, chẳng sớm thì muộn đều không thể ở được và sẽ tự ý rời chùa.

Vạn Phật Thánh Thành, từ dưới đất trời lên ở Tây Phương, là nơi mà tương lai tín đồ Phật-giáo toàn cầu sẽ quy tụ cùng nhau tu hành và nghiên cứu Phật-pháp làm cho Đạo Phật càng phát triển rực rỡ. Hễ ai có thể xuất gia tu Đạo ở Vạn Phật Thánh Thành thì tương lai nhất định sẽ thành Phật. Vì sao? Vì rằng:

Cận thủy lâu đài tiên đặc nguyệt.

(Ai ở lâu đài cạnh hồ nước thì sẽ thấy bóng mặt trăng trước.)

Nếu quý vị tới Vạn Phật Thánh Thành sớm thì sớm thành Phật. Kê tới sau, thì chậm thành Phật hơn.

Có nhiều người tới Vạn Phật Thánh Thành nhưng cảm thấy không thể ở được, bởi vì họ thấy ở đây chẳng có hoạt động gì mấy, luật lệ quá cứng rắn, lại chẳng có gì vui thú. Song quý vị phải biết rằng, chỉ hướng ngoại tìm thú vui thì quý vị sẽ đánh mất niềm vui chân chính. Ở đời, hễ tìm cầu thứ giả dối thì sẽ đánh mất cái chân thật. Muốn tìm thứ chân thật, trước tiên phải buông bỏ cái giả dối, hư ngụy đi. Chẳng thể nào vừa muốn tu Đạo Xuất-thế lại vừa ôm chặt pháp thế gian thường tình, cũng như bước lên hai chiếc thuyền cùng một lúc, vừa muốn lên Giang Bắc lại vừa muốn xuống Giang Nam. Đó là chuyện không thực hiện được!

Trong thất Niệm Phật này, quý vị cần phải "nhất môn thâm nhập"-chuyên tâm vào một pháp môn-chỉ dựa vào lòng chân thật, lòng thành khẩn, cung kính mà tu pháp niệm Phật, chớ để uổng phí thời gian dù chỉ một phút thôi. Quý vị nên biết, một chút thời gian là một chút sinh mạng. Nếu không dụng công, mình sẽ tăng gia tội nghiệp. Chân thật dụng công thì tăng trưởng thiện căn. Bởi vậy quý vị hãy thành tâm, thiết tha niệm Phật thì mới không phí thời giờ, mà đời quý vị mới thật có giá trị.

(Giảng vào Mùa đông, 1979, tại Vạn Phật Thánh Thành)

Qui Củ Thiên Thất

Năm 1959, Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới (Dharma Realm Buddhist Association) được thành lập. Tiền thân của Hội là Tổng Hội Phật Giáo Trung Mỹ. Từ ngày thành lập đến nay, mỗi năm Hội đều tổ chức nhiều khóa Phật-thất và Thiên-thất; song, những Thất ấy đều được tiến hành trong im lặng nên rất ít người biết là tại Chùa Kim Sơn có cả Phật-thất hay Thiên-thất. Đó cũng vì chúng ta không quảng cáo tuyên truyền, cũng không phan duyên, mà chỉ chân thật tu hành thôi. Nếu ai biết có cả Thiên-thất, muốn tới tham gia, thì vẫn được hoan nghênh. Song chúng ta tuyệt đối không cầu cạnh hay kêu gọi người khác giúp đỡ, nói rằng: "Chùa Kim Sơn đang đả Thất, có mấy vị ?vô-tâm đạo nhân? tu ở đó đấy. Quý vị hãy tới đó cúng dường thì công đức sẽ nhiều vô lượng." Từ xưa tới nay chúng ta không hề rêu rao, tự quảng cáo như thế!

Ở Trung Quốc, mỗi khi có Thiên-thất, tiền cúng dường của thí chủ có thể đủ để trang trải chi phí cho cả năm; đôi lúc còn dư là đằng khác. Lúc đả Thất, rất nhiều vị cư-sĩ phát tâm cúng dường để kết thiện duyên và cung cấp cho chùa nhiều phẩm vật như gạo, mì, đậu, tương, thực phẩm khô, v.v...

Tại Mỹ, Phật-giáo đang còn phôi thai nên phải chuyển hóa những sai lầm của quá khứ để hướng tới chỗ hoàn mỹ. Có câu: *"Bắt đầu tốt đẹp, tức là đã thành công được một nửa."* Chúng ta không dùng

thủ đoạn để được cúng dường. Nếu chúng ta dùng những thủ đoạn và phương pháp như ở Trung Quốc, có lẽ chúng ta đã thành công hơn!

Vì sao chúng ta không cầu xin cúng dường? Bởi vì chúng ta trước hết cần phải thành thật tu hành và thuận theo sự sắp đặt của chư Phật, Bồ-tát. Chư Phật, Bồ-tát, Thiên-long Bát-bộ, Hộ Pháp Thiện-thần thấy chúng ta dụng công tu Đạo, tự nhiên sẽ khiến cho có cảm ứng. Nếu chúng ta không chân thật tu hành, thì dù có người đến cúng dường, chúng ta cũng phải vô cùng hổ thẹn; vì:

Tam tâm bất liễu thủy nan tiêu,

Ngũ Quán nhược minh kim diệu hóa.

(Ba tâm chưa dứt, nước khó tiêu.

Năm Quán nếu rõ, vàng cũng hóa.)

Nếu chúng ta chưa đoạn ba tâm (tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai), thì dù thí chủ cúng dường một ly nước chúng ta uống cũng không tiêu hóa được. Nhưng nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý của năm điều quán tưởng thì dù ăn vàng ăn sắt cũng tiêu hóa dễ dàng. Thế nào là Năm Quán?

1. Hãy xét công lao nhiều ít đã tạo ra bát cơm này.
2. Hãy suy nghĩ xem đức hạnh của mình hoàn hảo hay khiếm khuyết mà nhận đồ cúng dường.
3. Hãy ngăn ngừa tâm mình, khiến xa lìa lỗi lầm, mà tham sân si là gốc.
4. Hãy coi thức ăn là vị thuốc, dùng nó để trị thân khô gầy.
5. Vì để tu thành Đạo-nghiệp, do đó mình mới thọ thực.

Đêm nay là bắt đầu Thiên-thất. Thiên-thất ở Chùa Kim Sơn chúng ta và Thiên-thất ở các tùng lâm bên Trung Quốc khác nhau lắm. Họ đá Thiên-thất thì cũng chính là đá "thực thất," bởi vì đêm nào họ cũng ăn bánh bao! Ngay cả Chùa Kim Sơn ở Trấn-giang và Chùa Cao Môn ở Dương-châu cũng không ra ngoài lệ ấy. Rất nhiều Thiên-sinh chuyên môn tới những chùa có ăn bánh bao tối để dự Thiên-thất. Chỗ nào có bánh bao ngon là họ tới tham gia. Họ không chọn lựa phẩm chất của khóa Thiên mà chỉ chọn bánh bao to hay nhỏ, ngon hay dở. Do đó, một số chùa nổi tiếng là do có bánh bao to, ngon, thơm tho. Tôi nói vậy chẳng có ý hủy báng kẻ xuất gia không chịu buông bỏ chuyện ăn uống, mà chính vì thực tế có chuyện như vậy.

Chùa Kim Sơn ở đây không có tục lệ ăn bánh bao, dù là một miếng nhỏ ăn lót dạ cũng không có.

Ở Trung Quốc, trong khóa Thiên có rất nhiều cư sĩ đến cúng dường Thiên-sinh. Sau một giờ ngồi Thiền là có cư sĩ tới cúng dường bốn trái long nhãn. Sau giờ Thiền kế tiếp lại có kẻ khác tới cúng dường hai cái kẹo đậu phụng, hoặc miếng bánh. Nói tóm lại, cứ sau mỗi giờ Thiền đều có người tới cúng dường, khiến những vị "vô tâm Đạo-nhân" nấy lòng tham lam, ăn no phình bụng, chẳng thể tịnh tọa được nữa. Ở Chùa này những việc ấy sẽ không có; vì đó là sự khác biệt.

Mỗi sáng, từ hai giờ rưỡi là bắt đầu tịnh tọa, rồi kinh hành-liên tục tới mười hai giờ khuya mới nghỉ ngơi. Phải tu khổ hạnh, khổ luyện. Phải làm chuyện chẳng ai làm được. Song, nếu chẳng đem hai chữ "sinh tử" treo trên lông mày, mà ngược lại, cứ cho rằng ngủ không đủ, rồi ngồi đó mà nhập "Tam-muội ngủ khi"- nếu quả như vậy thì vĩnh viễn sẽ chẳng thành tựu được.

Phải "chẳng màng cái chết, quên đi mạng sống" mà đá thất. Phải chân thật dụng công đá thất. Phải gặt hái được kết quả mình phải đạt tới thì mới có thọ dụng. Chớ nên "tùy sướng đưa đẩy," ai làm gì thì

làm theo. Thấy ai ngồi, ngồi theo; thấy ai ngủ, ngủ theo-như vậy là không được, chỉ lãng phí thời giờ, chẳng có ích gì cho chính mình cả.

Xưa kia tôi từng tham gia đả Thiền-thất ở nhiều nơi. Ở đâu tôi cũng *không* bị vị Giám-hương (người đi tuần coi ai ngủ gục lúc ngồi Thiền thì dùng gậy đánh cho thức tỉnh) đánh cả. Vì sao? Bởi vì tôi không ngủ gật. Ban ngày ngồi ở Thiền-đường, ban đêm cũng ngồi ở Thiền-đường-cả ngày hai mươi bốn giờ đồng hồ tôi đều ngồi ở Thiền-đường, chẳng biết nghỉ ngơi là gì, ngủ ngáy là chi cả. Dù là một giây, tôi cũng chẳng lãng phí-lúc nào cũng dụng công phu mình phải dụng, lúc nào cũng đề khởi công phu của mình.

Quý vị ở đây đều là những người có thiện căn sâu dày, thông minh, có trí huệ. Quý vị phải coi việc tu hành này thật quan trọng, chớ nên làm cho có lệ. Trong kỳ Thiền-thất này, nhất định phải có kẻ khai ngộ. Nếu không có ai khai ngộ thì sau khi Thiền-thất kết thúc, quý vị mỗi người phải chịu đòn một trăm gậy! Quý vị cảm thấy có thể chịu nổi một trăm gậy thì chẳng cần khai ngộ; nếu không chịu nổi thì phải ráng khai ngộ! Nếu ai sợ bị ăn đòn, thì bây giờ, lúc chưa bắt đầu Thiền-thất, có thể thôi lui! Một khi đã tham gia thì phải tham gia từ đầu tới cuối, không được thôi lui nửa đường. Theo quy ước của Thiền-đường, quý vị đã cáo biệt việc sống chết rồi-nếu có ai chết thì chỉ có cách vắt xác xuống dưới Thiền-sàng, không được phép khiêng ra ngoài. Huống hồ là không có ai chết, thì mình không được nửa đường rút lui.

Ngay đây quý vị phải vạch ra ranh giới giữa sống và chết. Nếu không sống tức là chết, nếu không chết tức là sống:

Xả bất liễu tử, hoán bất liễu sinh.

Xả bất liễu già, thành bất liễu chân.

(Vắt khôngặng cái chết, đổi khôngặng cái sống.

Bỏ khôngặng cái già, thành khôngặng cái thật).

Đó là cửa ngưỡng cửa của Chùa Kim Sơn. Do đó Thiền-thất năm nay, quý vị cần phải vô cùng nỗ lực. Bất kể ra sao đi nữa, quý vị phải nhận rõ "bản lai diện mục" của mình. Nếu không nhận thức được "bản lai diện mục," thì không ai được tính chuyện trốn khỏi cửa lớn của Chùa Kim Sơn! Nếu quý vị trốn đi, quý vị sẽ bị "ở tù"! Đại khái đó là quy luật của Thiền-thất năm nay, hy vọng quý vị sẽ tuân theo!

(Giảng ngày 6 tháng giêng, năm 1974 tại Chùa Kim Sơn, San Francisco)

Tham Thoại Đầu-Dùng Vọng Tưởng Để Chế Phục Vọng Tưởng

Bây giờ sắp bắt đầu Thiền-thất.

Ở Thiền-đường thì chúng ta không niệm Phật; trong lúc đả Phật-thất thì chúng ta không tham Thiền. Bây giờ, chúng ta phải "đi cũng Thiền, ngồi cũng Thiền, đứng cũng Thiền, nằm cũng Thiền"-nói chung là đi, đứng, nằm, ngồi đều tham Thiền.

Trước kia, kẻ tham Thiền thì chẳng hề khởi niệm; đó gọi là "vô niệm":

Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện.

Lục căn hốt động bị vãn giá.

(Một niệm chẳng sinh toàn thể (chân tâm) hiện.

Sáu căn bổn động, (Phật tánh) bị mây che.)

Tham Thiền tức là tham cứu "một niệm chẳng sinh." Tới đời Minh thì người ta mới áp dụng phương pháp "tham thoại đầu." Nay thì Thiền-đường nào cũng tham thoại đầu. Thoại đầu có nhiều loại, như "Ai niệm Phật?" hoặc "Khi cha mẹ chưa sinh ra ta thì mặt mày ta ra sao?" hoặc "Thế nào là 'chẳng có'?" v.v...

Tham Thiền là không khởi vọng tưởng gì cả. Thí dụ khi tham cứu câu "Ai Niệm Phật?" thì quý vị cứ suy nghĩ, tìm xem ai là kẻ niệm Phật. Song, kỳ thật đây cũng chỉ là một vọng tưởng; chẳng qua là chúng ta dùng một vọng tưởng để khống chế mọi vọng tưởng khác mà thôi. Biện pháp này gọi là "dĩ vọng chế vọng, dĩ độc công độc. Thậm chí niệm "A Di Đà Phật" cũng là "dùng vọng chế vọng"; nghĩa là cái ý nghĩ niệm Phật là vọng, không thật. Và ngay cả cái niệm tham cứu câu "Niệm Phật là ai" cũng là vọng; song đó là vì một vọng tưởng này có khả năng khống chế được tất cả các vọng tưởng khác. Đó là đạo lý tham Thiền.

Người tham Thiền thì "Phật tới chém Phật, ma tới chém ma," không chấp trước cảnh giới nào cả. Khi tham Thiền tới chỗ "trên không biết có trời, dưới không biết có đất, giữa chẳng biết có người; ngoài chẳng biết có vật, trong chẳng biết có tâm," thì bấy giờ quý vị sẽ hợp làm một với Pháp-giới, có thể hoát nhiên khai ngộ. Quý vị hãy nhớ: Đừng bị lay chuyển bởi thanh-trần (ngoại cảnh), đừng nhìn đông ngó tây, và cũng đừng để cho tâm loay hoay, không chuyên nhất!

Khi tham Thiền đạt tới chỗ "*không mình, không người, không chúng sinh, không thọ giả,*" thì quý vị sẽ chặt đứt được gốc rễ sinh tử và sẽ được gặp mặt Đức Phật Thích Ca Mâu Ni - bấy giờ quý vị mới biết được cái hay của việc tham Thiền.

Từ vô lượng kiếp tới ngày nay, chúng ta thật may mắn gặp được pháp môn "đả Thiền-thất." Do đó, chúng ta phải đặc biệt chuyên nhất, chí thành khẩn thiết, ra sức dụng công, đừng phung phí thời giờ quý báu, đừng nghĩ ngợi vẩn vơ về những chuyện ăn, mặc, hay chỗ ở; bởi "một chút thời gian là một chút mạng sống"-thời gian và sinh mạng đều quý báu như nhau:

Nhất thốn quang âm nhất thốn kim,

Thốn kim nan mãi thốn quang âm,

Thất lạc thốn kim dung dị đắc,

Quang âm quá khứ nan tái tầm.

Nghĩa là:

Một tắc thời gian, một tắc vàng,

Tắc vàng khó mua tắc thời gian,

Tắc vàng rơi mất còn dễ kiếm,

Thời gian trôi bằng mới khó tìm.

Bài thơ trên nói lên giá trị quý báu của thời gian lúc bình thường, huống hồ là lúc đả thất-thời gian ấy còn đáng quý hơn nữa. Không ai biết được vào phút nào, giây nào mình sẽ khai ngộ; do đó, quý vị nên tranh thủ từng giây từng phút, đừng lãng phí. Hy vọng quý vị tham gia Thiền-thất đều dũng mãnh tinh tấn, không phóng dật, buông lung. Phải nhẫn chịu mọi thứ khổ thì mới đạt được an lạc. Chịu đựng được điều mà người khác khó thể chịu đựng, nhẫn nại được điều mà người khác khó thể nhẫn nại, đó mới là tinh thần tu Đạo!

(Giảng vào tháng 9 năm 1975 tại Chùa Kim Sơn)

Chân Thật Tu Hành, Chớ Buông Lung

Kim Sơn Thánh Tự, trước kia được gọi là Phật Giáo Giảng Đường và tọa lạc tại tầng lầu thứ tư trong một chung cư thuộc khu phố Chinatown ở San Francisco, vốn do Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới kiến lập. Khóa tu học mùa hè đầu tiên được tổ chức tại đây năm 1968. Bây giờ có rất nhiều người từ Seattle đến tham gia khóa tu học 96 ngày ấy. Chương trình học tập rất bận rộn, hằng ngày không có giờ nghỉ; chỉ có ngày Thứ Bảy là được nghỉ buổi chiều để giặt giũ, hoặc giải quyết những công việc riêng tư.

Trong khóa tu học ấy, tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm và dự trù có thể giảng xong trước ngày mãn khóa. Ban đầu thì mỗi ngày thuyết giảng một lần, nhưng được một thời gian thì tôi nhận thấy là sẽ không kịp thời hạn nên tăng lên thành mỗi ngày giảng hai lần. Dần dần lại ngại rằng không thể giảng xong nên tôi phải tăng thành ba lần mỗi ngày; và cuối cùng thì thành ra mỗi ngày giảng bốn lần. Cứ như thế mà trong khóa hè ấy cũng giảng xong bộ Kinh Lăng Nghiêm, đem công đức viên mãn hồi hướng cho tất cả chúng sinh.

Sau khi giảng xong Kinh Lăng Nghiêm, có năm thanh niên nam nữ người Mỹ xin xuất gia. Đó là những người Mỹ đầu tiên xuất gia và thọ Cụ-túc Giới-ba vị Tỳ-kheo và hai vị Tỳ-kheo-ni.

Về sau, mỗi năm đều có khóa tu học mùa hè. Rất nhiều người tới học hỏi Phật-pháp và cũng có nhiều người xuất gia thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Tuy nhân số không nhiều, song đối với Chùa Kim Sơn vốn chú trọng phẩm chất chứ không chú trọng số lượng, chỉ cần chân thật tu hành và nghiên cứu Phật-pháp, thì một người cũng không phải là ít, hà huống là nào phải chỉ có một hoặc hai người thôi đâu?

Hằng tháng, Chùa Kim Sơn phát hành một tập nguyệt san song ngữ Anh-Hoa-Vajra Bodhi Sea (Kim Cang Bồ Đề Hải). Tập nguyệt san này chuyên đăng yếu nghĩa Phật-pháp để cho người Tây phương có thể am tường nguồn gốc của đạo Phật đồng thời có được sự nhận thức đúng đắn về Phật-pháp, để họ không còn cho rằng Phật-giáo là mê tín, sùng bái ngẫu-tượng, tiêu cực, bi quan, hoặc là "ký sinh trùng" của xã hội nữa. Tập nguyệt san này cho người ta biết Phật-giáo là tự do, bình đẳng, mà mục tiêu là để xướng thế giới hòa bình và hết thảy mọi người đều là đệ tử của Phật, tuyệt đối không có sự giới hạn về chủng tộc, quốc tịch hay địa giới. Phật-giáo từ khi có lịch sử đến nay chưa hề gây ra chiến tranh, bởi vì giới-điều đầu tiên trong Giới-luật nhà Phật là Không Sát Sinh-chẳng những không giết người mà ngay cả động vật cũng không sát hại, trái lại còn phóng sinh và bảo vệ mọi loài động vật-nhờ vậy mà không hề gây ra chiến tranh!

Chùa Kim Sơn cũng như là nơi "đãi cát tìm vàng"-nếu quý vị là "vàng" thì khi tới Chùa Kim Sơn quý vị sẽ cảm thấy nơi đây như là nhà của quý vị vậy. Ở đây, mọi người không nói chuyện nên rất thuận tiện để đọc sách, ngày ngày nghiên cứu Phật-pháp, chẳng bị ai quấy rầy-thật là một môi trường lý tưởng! Người Mỹ tuy nhiều, song có được bao nhiêu người chân chính phát tâm tới đây để nghiên cứu Phật-pháp, nghe Kinh học Pháp? Do đó, việc thành Phật là tùy thuộc ở cá nhân chứ không phải ở tập thể. Trên thế giới, cái gì ít thì đều quý cả-số người nghiên cứu Phật-pháp ở Chùa Kim Sơn tuy không nhiều, song đối với thế giới này thì như thế là vô cùng quý báu! Trong tương lai, khi quý vị đã thông suốt Phật-pháp rồi, quý vị có thể đi khắp nơi hoằng dương Phật-pháp, lợi ích chúng sinh, khiến mọi chúng sinh sớm thành Phật đạo-đó là điều tôi kỳ vọng ở quý vị!

Trong khóa tu học mùa hè kỳ này, mọi người cần phải biết quý trọng thời giờ, đừng để lãng phí. Có câu rằng:

"Một tắc thời một tắc vàng,

Tắc vàng khó chuộc tắc thời gian."

Cho nên, thời giờ là quý giá nhất, quan trọng nhất. Quý vị đến tham gia khóa tu học mùa hè năm nay hãy nỗ lực học hỏi Phật-pháp, chớ nên để thời giờ trôi qua một cách vô ích-quý vị nhất định phải học cho được đôi chút đạo lý chân chính.

Có một việc mà tôi muốn nói với quý vị. Thật sự thì tôi không muốn nói ra, song bây giờ thì tôi không thể không nói. Việc gì ư? Là người xuất gia thì nhất định phải biết tự trọng, không nên coi mình quá thấp hèn, nhưng cũng không được cống cao ngẫ mạn; lúc nào cũng phản tỉnh và tự kiểm thảo-*hể có làm lỗi lầm gì thì sửa đổi ngay, nếu không có lỗi gì thì phải tiến tu*; tuyệt đối không được cầu thả hoặc phóng dật, buông lung.

Một khi các vị đã là đệ tử xuất gia của tôi, hể tôi thấy lỗi lầm gì của các vị thì tôi nhất định sẽ nói ra để các vị biết mà sửa đổi. Nếu tôi không nói ra, thì tôi thật có lỗi với các vị. Sau khi tôi đã nói ra những điều mình thấy rồi, thì các vị nghe hay không, sửa đổi hay chẳng, đó là chuyện của các vị. Tôi chỉ làm tròn nhiệm vụ người Thầy, không hổ thẹn với lương tâm là đủ. Các vị chớ nên để đến khi đọa địa ngục rồi oán trách Sư-phụ: "Ôi! Tại sao lúc đầu Sư-phụ không dạy tôi nghiêm hơn một chút? Nếu quả Thầy dạy tôi kỹ hơn, nghiêm khắc hơn, thì làm sao tôi bị đọa địa ngục được chứ?"

Nay tôi đã nói ra điều mà tôi muốn nói rồi, các vị đã xuất gia phải ghi nhớ: Các vị không được quấy rầy hoặc can thiệp vào sự tự do của kẻ khác, và cũng đừng làm ảnh hưởng đến hành động của họ. Bản thân mình không muốn tu hành thì thôi, đừng làm trở ngại sự tu hành của người khác-mình không trì Giới, nhưng đừng cản trở người khác trì Giới; mình không tu bồi đức hạnh, nhưng chớ chướng ngại sự trau dồi đức hạnh của người khác! Người nào có tư tưởng và hành vi như trên thì nhất định phải sửa chữa, "đổi ác thành thiện" ngay. Người xuất gia thì từng giây từng phút, lúc nào cũng phải tự kiểm soát chính mình-mỗi lời nói, mỗi việc làm đều phải luôn luôn đúng theo Giới-luật. Các vị phải nghiêm chỉnh, không được phóng túng, vô kỷ luật; không được muốn gì thì làm nấy. Có câu:

Vô qui củ, bất năng thành phương viên.

(Không có khuôn phép thì chẳng thể thành vuông tròn.)

Do đó khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, Ngài dạy Tôn-giả A-Nan: "Hãy lấy Giới-luật làm Thầy!" Đó chính là điều mà người xuất gia phải ghi lòng tạc dạ.

Khi ăn cơm, chúng ta phải nhớ Tam Niệm, Ngũ Quán; bởi:

Thí chủ nhất lạp mễ,

Trọng như Tu Di sơn,

Thực liễu bất tu hành,

Bì mao đới giác hoàn.

(Một hạt gạo thí chủ,

Nặng bằng núi Tu Di,

Ăn rồi chẳng tu trì,

Mang lông đội sừng trả.)

Thật đáng sợ và nguy hiểm như vậy đấy các vị ạ! Đó gọi là "dưới tấm áo cà sa vượt mất thân người" vậy! Cho nên, người xuất gia dù ở bất cứ nơi đâu cũng đều phải nghiêm trì, giữ vững Giới-luật-khi

chưa dứt được sinh tử, chưa đoạn được *tâm dâm dục*, thì không lúc nào được biếng nhác, buông lung, phóng túng. Đức Phổ Hiền Bồ-tát dạy rằng:

"Một ngày đã qua, mạng cũng giảm dần,

Như cá cạn nước, thử hỏi vui gì?

Đại chúng!

Hãy siêng tinh tấn, như dầu bị đốt,

Chỉ nhớ vô thường, chớ mặc buông lung!"

Người xuất gia chúng ta phải biết quý trọng từng giây từng phút; hãy nhớ rằng:

"Một tắc thời gian: một tắc vàng,

Tắc vàng khó chuộc tắc thời gian."

Thời giờ quý báu như thế nên chúng ta không được lãng phí. Mỗi người đều phải dụng công tu hành, phải tinh tấn hơn nữa, thì mới mong có được sự thành tựu. Phàm là người dụng công tu hành thì không có thời giờ để nói chuyện thị phi, không có thời giờ để làm những việc lãng xắc, làm gián đoạn sự tu hành. Về điểm này, tôi hy vọng mọi người hãy chú ý.

Khi tôi thấy những người không chịu tu hành thì tôi cảm thấy vô cùng đau xót; bởi như thế chẳng phải là họ đã không thực hành các thệ nguyện mà họ đã lập lúc ban đầu, khi họ mới xuất gia tu hành hay sao? Những kẻ xuất gia mà "tâm nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo" thì có xứng đáng là Tăng Bảo hay không? Mong rằng các vị đều biết tự trọng!

Dùng Phương Pháp Điện Liệu Để Thanh Lọc Không Khí

Pháp môn Thiền là pháp chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật; cũng là môn Đốn-giáo. Đốn-giáo là do Tiệm-giáo siêng năng tu hành mà thành. Nên có câu rằng:

"Lý tuy đốn ngộ, sự tu tiệm tu."

(Nghĩa lý tuy hiểu lập tức, nhưng việc tu cần phải từ từ.)

Hiện nay đi, đứng, nằm, ngồi đều là pháp Tiệm-tu. Chờ tới một ngày nào đó, chân chính hiểu rõ, thì sẽ đột nhiên khai ngộ. Đó tức là "đốn." Thật ra, "đốn" không tách rời "tiệm"; "tiệm" chính là trợ giúp "đốn."

Thông thường người tu, ai tu pháp gì thì cho pháp ấy là hay nhất, là số một. Nếu không là số một thì y chẳng vui sướng đâu, và y cũng chẳng chịu tu hành nữa. Nếu quý vị chân chính hiểu rõ thì mọi pháp đều là Phật-pháp và đều không thể nắm bắt (bất khả đắc); do vậy, không có gì đáng chấp trước cả.

Thiền là cách điều hoà thân và tâm. "Điều thân" tức là làm cho thân không loạn động. "Điều tâm" là làm cho tâm không khởi vọng tưởng, thường thường thanh tịnh. Hễ tâm thanh tịnh thì tận hư không và khắp cả Pháp-giới, mọi thứ đều nằm trong tự-tánh. Tự-tánh bao hàm mọi thứ, dung nạp mọi thứ, và cũng chính là Phật-tánh xưa nay của chúng ta.

Từ vô lượng kiếp đến nay, đời này tiếp đời kia, chúng ta bị những thứ kiến giải sai lầm làm mê nhiễm quá sâu dày nên không dễ dàng minh tâm kiến tánh. Bởi vì lý do ấy, chúng ta mới "đả Thiền-thất."

"Đả thất" gọi là "khắc kỳ thủ chứng" tức là đặt ra một thời gian nhất định, một quá trình nhất định để dụng công, cầu đạt được sự thấu triệt sáng suốt.

Nếu quý vị muốn chân chính thấu triệt, thông suốt thì trước hết quý vị phải học làm như là không biết gì cả. Trong Thiền-đường, lúc dụng công, quý vị dùng phương pháp gì? Phương pháp "không biết"-trên không biết có trời, dưới không biết có đất, ở giữa không biết có người. Từ sáng tới tối, quý vị làm gì? Không biết! Ăn thức gì? Không biết! Mặc áo gì? Không biết! Cũng như đang hôn trầm, cái gì cũng không biết. Có câu:

Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo,

Học đáo như ngu thủy kiến kỳ.

Nghĩa là nếu quý vị làm sao thành như kẻ ngu đần nhất thế giới thì lúc ấy mới sinh ra sự xảo diệu. Bây giờ thì:

Nhất thông, nhất thiết thông,

Nhất liễu, nhất thiết liễu,

Nhất ngộ, nhất thiết ngộ.

(Thông suốt một, thông suốt hết thảy.

Tỏ rõ một, tỏ rõ hết thảy.

Giác ngộ một, giác ngộ hết thảy.)

Lúc ấy quý vị sẽ thông suốt mọi sự và triệt để khai ngộ. Quý vị đã học được gì? Cũng không biết, hết như người khờ vậy. Song, ngay lúc ấy, việc kỳ diệu mới hiện ra.

Khi đả Thiền-thất, *quý vị phải đi qua một bên tánh khôn vặt, tánh ranh mãnh*. Đừng nên cho rằng cái gì mình cũng biết, cũng thông suốt. Nếu cho rằng cái gì mình cũng biết là chẳng phải chân chánh hiểu biết Phật-pháp. Có câu:

"Đại trí nhược ngu."

(Kẻ có đại trí huệ thì ra vẻ như ngu si.)

Nhìn bên ngoài, họ giống như chẳng hiểu biết gì cả nhưng thật ra họ biết hết mọi chuyện. Đó gọi là "chuyện nhỏ thì mù mờ mà chuyện lớn thì thông suốt." Kẻ nào như vậy mới là bậc đại thành tựu.

Lúc chúng ta ở Thiền-đường, đại chúng chạy thì mình chạy, đại chúng ngồi thì mình ngồi, đông tây nam bắc mình chẳng cần biết. Lúc ấy, mình sẽ chân chính hiểu rõ, chân chính liễu giải. Hiểu gì? Hiểu rõ "bản địa phong quang." Liễu giải gì? Liễu giải "bản lai diện mục" của chính mình.

Tại Thiền-đường, quý vị cần dụng công tu hành, bớt nói lời vô ích, chớ lãng phí thời gian.

"Một tắc thời gian: một tắc vàng,

Tắc vàng khó đổi tắc thời gian."

Việc tọa Thiền quả thật rất là quý báu. Không biết phút giây nào quý vị sẽ khai ngộ, do đó phải tranh thủ từng phút từng giây, không để trôi qua giây phút nào. Nếu đi vệ sinh thì xong rồi phải lập tức

quay về Thiền-đường, tiếp tục ngồi. Tới nhà ăn, ăn uống xong cũng tức khắc quay về Thiền-đường; hoặc uống xong trà cũng lập tức quay về Thiền-đường. Nói tóm lại, quý vị chớ bỏ qua cơ hội khai ngộ vì không biết lúc nào sẽ là lúc khai ngộ. Nói cách khác, đi nhiều, chạy hay ngồi Thiền đều là cơ hội tốt để khai ngộ, chớ để vuột mất.

Vào đời nhà Thanh, có lần Hoàng-đế Ung Chính mời vị Phương-trưởng Chùa Cao Môn là Thiên Huệ Thiền-sư tới Bắc-kinh để đàm luận Thiền-lý. Hoàng đế hỏi Ngài có biết tông chỉ của Ngọc Lâm Quốc-sư chăng, thì Ngài không trả lời được. Hoàng đế bèn ra lệnh cho Ngài phải ở lại Thiền-đường và trong vòng bảy ngày phải tìm cho ra đáp án, nếu không sẽ bị chém đầu. Suốt sáu ngày, Ngài tìm không ra đáp án. Đến ngày cuối cùng vì gấp rút khẩn trương quá nên Ngài chạy vòng vòng trong Thiền-đường. Chạy tới chạy lui làm cho Ngài choáng váng mặt mày đâm đầu vào cột trụ, đầu u lên một cục! Ngay lúc ấy tâm trí đột nhiên sáng suốt, Ngài tìm ra được đáp án. Ngài bèn đến gặp Hoàng đế. Vua Ung Chính biết là Ngài đã lĩnh hội được tông chỉ của Ngọc Lâm Quốc-sư rồi. Từ ấy về sau mới có lệ chạy vòng (tức bảo hương) trong Thiền-đường.

Thiền-đường có hành-hương, bảo-hương, tọa-hương và tham thoại đầu. Hành-hương tức là bước mau. Bảo-hương là chạy chậm chậm. Tọa-hương là ngồi Thiền. Tham thoại đầu là nghiền ngẫm về một vấn đề. Như tham câu "Ai Niệm Phật?" Nhất tâm nhất ý tham cứu câu đó, tham cứu đến chỗ nhất tâm bất loạn, nhất trần bất nhiễm (chẳng một mảy bụi nào làm mình vẫn đục) thì đó là lúc khai ngộ vậy. Đó là những phương pháp dùng để ngăn ngừa, đình chỉ vọng tưởng. Không có vọng tưởng thì mới có giác ngộ. Mục đích tọa Thiền là để khai ngộ. Sau khi khai ngộ thì mới có trí huệ siêu phàm.

Bởi vậy, chư Tổ nghiên cứu phương pháp "dĩ độc công độc," dùng việc tham thoại đầu để khống chế vọng tưởng, tức là dùng một vấn đề để khống chế tất cả các vấn đề khác. Tham thoại đầu gì? Tham câu "Niệm Phật Là Ai?" Khi nào quý vị tìm ra "ai," hiểu biết rốt ráo "Ai Niệm Phật?" thì lúc ấy mới chân chính thấu suốt. Thấu suốt gì? Thấu rõ phải xa rời mọi thứ điên đảo, thị phi.

Tâm Kinh dạy rằng:

"Xa rời điên đảo mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết Bàn."

Quá trình này đòi hỏi phải trải qua một phen khổ công mới thành tựu nổi. Nếu tôi nói quá nhiều sẽ làm gián đoạn công phu của quý vị. Tốt hơn hết là quý vị hãy theo qui củ luật lệ, chân thật dụng công tu hành.

Có một điều quý vị cần hiểu rõ là trong "Tam Tự Kinh" có câu:

"Quý dĩ chuyên."

(Quý ở sự chuyên cần.)

Bất luận làm việc gì, nếu có thể chuyên tâm nhất ý, thì kết cuộc sẽ thành công. Cũng vậy, khi tham thoại đầu, chỉ nghĩ tới một câu - sáng nghĩ, chiều nghĩ, ăn nghĩ, ngủ cũng nghĩ, đi cũng nghĩ, ngồi cũng nghĩ về câu đó; nếu chưa nghiền ngẫm tới chỗ "*biến cạn, đá nứt*" thì chẳng bỏ cuộc. Nói cách khác, "chưa khai ngộ, thì chưa ngừng nghĩ." Chỉ nghĩ đến một vấn đề mới là chân lý, còn suy nghĩ nhiều vấn đề quá thì là vọng tưởng.

Có hai câu thơ thật đầy ý nghĩa:

Nhược nhân tính tọa nhất tu du,

Thẳng tạo hằng sa thất bảo tháp.

(Nếu ai tính tọa chỉ một sát-na,

Còn hơn xây hăng sa tháp bảy báu.)

Đó là hình dung công đức ngồi Thiền: nếu người ngồi Thiền có thể tịnh tâm chỉ trong một khoảnh thời gian ngắn ngủi thì công đức ấy so với công đức xây hăng hà sa số tháp bảy báu còn nhiều hơn gấp bội. Bởi vì tạo ra vô số tháp bất quá cũng để cúng dường xá-lợi của Phật; song nếu tịnh tọa chỉ trong giây lát, có thể tạo ra chân-thân của Phật. Do vậy, tịnh tọa chỉ một sát-na mà hơn xây nhiều tháp bảy báu.

Nếu tịnh tọa trong khoảnh khắc mà công đức lớn như vậy, thì hàng ngày tịnh tọa, công đức càng khó kể xiết. Nếu trong một thời gian ngắn ngủi quý vị chẳng khởi vọng tưởng, tâm được thanh tịnh, thì dần dà quý vị sẽ trở nên "trạm nhiên thường tịch."

Khi tịnh tọa ở Thiền-đường, không những công đức của quý vị vô lượng, mà đối với toàn thể giới nhân loại, công đức ấy cũng vô lượng. Có người hỏi: "Công đức của tôi làm sao san sẻ cho nhân loại, cho toàn thể giới được chứ?" Hiện nay nhân loại trên thế giới, do vì tranh danh đoạt lợi, nên tạo ra sát khí đặng đặng, ích kỷ tự lợi, nào là ta tranh, người giành, khiến thế giới biến thành đen tối u ám, đầy dẫy độc khí. Nhân loại đấu tranh ác liệt, càng ngày càng dữ dội càng ngày càng nguy hiểm, mỗi lúc mỗi thêm nghiêm trọng. Nếu chúng ta không tìm cách cứu vãn nguy cơ đang bao trùm thế giới, chắc hẳn một ngày nào đó địa cầu sẽ bùng nổ! Vì sao bùng nổ? Bởi vì giờ đây khoa học quá tiến bộ, các nước lớn đang nghiên cứu vũ khí giết người sao cho mau chóng; họ thi đua chế tạo những vũ khí hạt nhân, tia laser, v.v... Một khi chiến tranh phát sinh, những vũ khí ấy sẽ biến trái đất thành tro bụi. Lúc đó quả là ngày tàn của nhân loại.

Lúc dụng công tu hành trong Thiền-đường, vô hình trung chúng ta có thể tiêu diệt những thứ sát khí ấy, khiến thế giới tránh được nguy cơ. Làm sao tiêu diệt chúng? Bầu không khí đã bị ô nhiễm vì những chất độc, và hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp những khí độc ấy ảnh hưởng tới sức khỏe của chúng sinh, đe dọa sinh mạng của muôn loài. Quý vị hãy xem, hiện nay các thứ tật bệnh quái dị càng ngày càng nhiều, khiến các bác sĩ phải bó tay. Đó là do không khí bị ô nhiễm, chẳng được trong lành sạch sẽ, đâu đâu cũng toàn là độc khí. Người tu Đạo chúng ta phải dùng một loại điện liệu để làm tiêu tan chất độc trong không khí. Thế nào là "điện liệu"? Tức là tịnh tọa, và từ đó mà ánh sáng trí huệ được phóng đi. Ánh sáng trí huệ này chính là một luồng điện lực. Luồng điện ấy di chuyển trong không gian và sẽ có tác dụng giải độc, khiến cho không khí hỗn浊 biến thành thanh khiết. Đó gọi là cách chữa trị các căn bệnh của thế giới bằng phương pháp điện liệu.

Bây giờ có người hoài nghi về tánh khả thi của nguyên tắc ấy: "Tĩnh tọa làm sao có thể làm tiêu tan chất độc trong không khí được?" Tôi xin kể một câu chuyện như sau: Vào đời nhà Tống có một vị đại văn hào tên là Tô Đông Pha. Đương thời cũng có vị Thiền-sư pháp danh là Phật Ấn. Hai người là bạn Đạo, thường hay lui tới với nhau, nên có câu đối như sau để chứng minh tình quý vị gắn bó của họ:

Xuất nhập hữu tăng, giai Phật Ấn.

Vãng lai vô khách bất Đông Pha.

(Ra vào: có Sư Phật Ấn thường gần gũi.

Tới lui: chẳng bạn Đông Pha thì còn ai.)

Có lần Tô Đông Pha làm một bài kệ:

Khể thủ thiên trung thiên

Hào quang chiếu đại thiên

Bát phong xuy bất động

Đoan tọa tử kim liên.

(Đảnh lễ Thiên trung Thiên (tức là Phật)

Hào quang chiếu vũ trụ.

Tám gió thổi chẳng động.

Ngồi vững tòa sen vàng.)

Tô Đông Pha gợi cho Thiền-sư Phật Ấn bình luận, rồi vì đó mà hai người nảy ra tranh biện. Bây giờ chúng ta hãy lấy câu "Hào quang chiếu vũ trụ" để thuyết minh một nguyên lý. Hào quang này chính là điện liệu, rọi chiếu toàn đại thiên thể giới và làm cho tiêu độc. Hào quang này có thể làm tiêu trừ không khí hỗn浊 trong vũ trụ, tẩy sạch hoàn toàn cho đến một chút xíu độc tố cũng không còn.

Nếu quý vị có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ, thì phần độc khí của quý vị sẽ được tiêu tan. Nếu kẻ khác có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ thì phần độc khí của kẻ ấy sẽ được diệt trừ. Nếu mọi người có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ thì độc khí của mọi người sẽ được tiêu trừ.

Nếu ai ai cũng đồng tâm hiệp lực dùng phương pháp điện liệu để chữa trị các căn bệnh của thể giới thì không khí ô nhiễm sẽ càng ngày càng giảm bớt, không khí trong lành sẽ càng ngày càng gia tăng. Dần dần bầu không khí sẽ trở nên hoàn toàn trong sạch. Quý vị phải biết rằng không khí ô trước là độc tố, còn không khí trong lành là trí huệ.

Hiện tại vì sao không khí ô nhiễm? Vì đa số người ta không biết tu hành, không biết dùng pháp điện liệu, do đó không khí càng lúc càng ô trước. Người tu Đạo chúng ta phải nhận trách nhiệm làm cho không khí trở nên thanh khiết. Không những bản thân mình phải đứng mãnh tinh tấn tu Thiền, mà còn phải khuyến khích quý vị bè thân thích ngồi Thiền. Công đức tọa Thiền vô lượng vô biên, đối với thân tâm có ích lợi không thể nghĩ bàn. Nếu họ không tin, quý vị hãy bảo họ thử thí nghiệm xem, sớm muộn họ sẽ đạt được ích lợi khó nghĩ bàn. Quý vị hãy gắng công tọa Thiền. Khi hào quang của quý vị chiếu khắp đại thiên thể giới, độc tố trong không khí sẽ tự nhiên tiêu diệt hết.

Quý vị hãy chú ý! Chỉ cần quý vị ngừng bắt vọng tưởng thì có thể phóng ra trí huệ quang minh. Hào quang này có thể chiếu khắp đại thiên thể giới và trừ độc trong không khí. Quý vị sẽ gạt hái vô lượng công đức có lợi ích cho nhân loại toàn thể giới. Lợi ích gì? Tức là có thể tiêu diệt độc tố làm ô nhiễm không khí, khiến nhân loại không còn bị tai họa vì các chứng bệnh hiểm nghèo. Đây chính là lợi ích gián tiếp cho tất cả mọi người vậy.

Ma Tới Để Giúp Quý Vị Tu Đạo

Trước đây tôi có nói: "Nếu ai tĩnh tọa được một chốc lát thì còn hơn là xây hằng sa tháp bảy báu." Có vị ngồi trong Thiền-đường, nghĩ vẩn vơ rằng: "Tĩnh tọa một giây phút mà công đức còn hơn xây tháp bảy báu"; rồi nghĩ lui nghĩ tới, nên dù là một tích tắc cũng chẳng tĩnh tọa được, do đó một tí công đức cũng chẳng có được! Vì sao? Thì cũng giống như nhận ngón tay làm mặt trăng, chỉ thấy ngón tay chỉ mặt trăng mà không nhìn thấy mặt trăng, rồi cho rằng có công đức vô lượng! Vô lượng ư? Quý vị chỉ ngồi đó với vô lượng vọng tưởng thôi!

Lại nói: "Tôi có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ! Tôi có thể phóng hào quang chiếu khắp vũ trụ!" Cảnh giới này chẳng cần quý vị nghĩ tới, chẳng cần quý vị nói ra, mà cần quý vị thực hành. Nếu quý vị có khả năng chân chính thanh tịnh nhập Định thì mới phóng được hào quang chiếu khắp vũ trụ. Không thể nhập Định, nghĩ ngợi vớ vẩn chẳng ích lợi gì. Nghĩ lui nghĩ tới thì cũng đều là vọng tưởng, cách xa thực tại đến tám vạn bốn ngàn dặm.

Lại có vị nghĩ rằng: "Làm sao để tôi nhập Định? Làm sao để tôi khai ngộ?" Nếu quý vị có vọng tưởng đó, thì làm cách gì quý vị cũng chẳng thể nhập Định, chẳng thể khai ngộ. Vì sao? Vì quý vị chỉ dụng

công hời hợt ngoài da mà thôi, chứ chẳng phải dụng công nơi Trí Bát-nhã. Quý vị toàn là hướng ra ngoài tìm kiếm. Chẳng hướng nội mà tìm, thì mãi mãi chẳng tìm ra.

Quý vị hãy làm bác-sĩ điện liệu (electrotherapist) để giúp thế gian này. Hãy cứu giúp chúng sanh đang sống trong bầu không khí ô nhiễm này để họ có thể thành Phật trong một bầu không khí trong lành. Bây giờ quý vị phải ngồi tĩnh lặng, đừng có quá nhiều vọng tưởng, và tôi hy vọng quý vị biết rõ điều đó. Tôi đã giảng cho quý vị nghe về phương pháp điện liệu làm cho không khí trong sạch rồi. Quý vị hãy thử xem, coi hiệu quả ra sao?

Hôm nay là ngày thứ hai của Thiền-thất, quý vị đã "lên đường" chưa? "Lên đường" có nghĩa là lên con đường Chánh-giác, con đường Bồ-đề. Quý vị đã đề khởi được câu "Niệm Phật là ai" chưa? Quý vị đã buông bỏ vọng tưởng chưa? Nếu chưa đề khởi được câu "Niệm Phật là ai?" thì hãy mau mau làm đi. Phải tập như "mèo rình chuột" vậy, kiên nhẫn chăm chú chờ chuột. Lại cũng giống như "gà mẹ ấp trứng," một lòng một dạ nhớ nghĩ đến đám gà con sắp nở. Lại cũng giống như "rồng giữ hạt châu," cẩn thận chuyên nhất giữ chặt hạt bảo châu. Lúc nào cũng dụng công thì mới hy vọng thành tựu.

Chúng ta tu hạnh "ngày ăn một bữa, đêm chẳng nằm mà ngủ" là cách tu khổ hạnh mà tôi dám nói rằng hay nhất thế giới. Đặc biệt là lúc đả Thiền-thất, mỗi ngày ngồi mười hai giờ, đi nhiều sáu giờ. Sự thực hành khắc khổ này đòi hỏi Thiền-sinh phải ăn uống cho đầy đủ. Do đó tại Trung Quốc, khi nào có đả Thiền-thất, mỗi đêm mọi người đều được cho ăn hai cái bánh bao lớn nên ai cũng thích thú lắm. Song ở đây không có cái lệ này. Do đó bữa trưa, quý vị nên ăn thêm một chút, ăn cho no để đủ sức đi nhiều hoặc chạy.

Giới luật nhà Phật quy định "nhật trung nhất thực," tức là mỗi ngày chỉ ăn một bữa vào giờ ngọ (mười hai giờ trưa) mà thôi. Về sau, lệ này đổi thành "quá ngọ bất thực," tức là sau mười hai giờ trưa thì không được dùng bữa, nhưng buổi sáng có thể ăn cháo điểm tâm. Vì không phải ăn sau giờ ngọ nên việc này không phải là phạm giới.

Trong khóa Thiền, nếu ăn không đủ no thì sẽ không có đủ sức ngồi Thiền, đi nhiều hay chạy, do đó có thể sinh ra thối chuyển. Vì sao? Nếu quý vị tham Thiền đến tối, bao tử quý vị sẽ cồn cào và trách quý vị là đã quá ích kỷ, chỉ biết tu hành, chỉ chú tâm muốn khai ngộ, chẳng quan tâm đến nó, khiến nó phải đau khổ. Nó hỏi quý vị tu Đạo gì mà một chút từ bi cũng không có. Thế là nó chẳng hợp tác với quý vị nữa, khiến quý vị dễ thối tâm, không còn muốn tu hành, uống phỉ công phu khi trước. Bởi vậy trong khóa Thiền, quý vị cần phải ăn cho đủ no mới có năng lực để mưu cầu trí huệ giải thoát.

Hôm nay tôi kể cho quý vị nghe câu chuyện "Ăn bánh bao lúc đả thất." Đây là chuyện có thật, không phải bịa đặt. Ở chùa Thiên Đồng tại tỉnh Ninh-Ba bên Trung Quốc, có vị phương trượng tên Mật Vân. Ngài là một vị Minh nhãn Thiện-tri-thức. Thầy Duy-na cũng là một vị Minh nhãn Thiện-tri-thức. Song lòng từ bi của Thầy Duy-na thì quá rộng lớn còn lòng từ bi của Phương-trượng thì lại hạn hẹp. Ngài Mật Vân thì có tác phong "Ma-ha-tát chẳng để ý đến ai cả," còn ngài Duy-na thì chủ trương "Bồ-đề Tát-đỏa thích lo chuyện người." Vì hai vị có tư tưởng khác biệt nên lối cư xử cũng xung khắc.

Trong lúc đả Thất, ai cũng dừng mảnh tinh tấn ngồi Thiền, cầu trí huệ giải thoát. Một đêm nọ vị Duy-na từ bi này thấy đại chúng vì quá đói bụng nên chẳng còn tinh thần nào ngồi Thiền được. Có vị bị hôn trầm, có vị thì tâm tán loạn, hoặc nếu không ngủ gật thì cũng "ngồi sụm." Bình thường, khi ngồi Thiền người ta cao khoảng ba thước tây, nhưng vì bụng đói quá, không ngồi thẳng lưng được, phải khòm xuống nên chỉ còn cao hơn một thước, do đó gọi là "ngồi sụm." Khi hiện tượng này xảy ra thì chẳng ai còn tiếp tục ngồi Thiền được nữa. Thầy Duy-na thấy vậy mới nảy lòng thương và muốn giữ sức khỏe cho đại chúng, Thầy bèn nhập Định, dùng thần thông vào nhà bếp lấy cắp một ít cơm cháy đem phân phát cho mỗi người một ít. Khi ngồi Thiền xong, mọi người mở mắt ra thì thấy trên đùi họ có một miếng cơm cháy, liền rón rén ăn hết. Bởi vì "người là sắt, cơm là thép," nên ai ăn vào cũng khôi phục lại tinh thần. Lúc đi nhiều, cũng không cảm thấy mệt mỏi. Chẳng còn như trước, vì bụng đói không thể đi nhiều được nên phải ngồi qua một bên để nghỉ mệt.

Sau khi Thầy Duy-na có lòng từ bi này lấy cắp cơm cháy liên tiếp hai ngày để cho đại chúng ăn điểm tâm, thì đến ngày thứ ba bị vị Phương-trượng phát giác ra chuyện ăn cắp nên bị đuổi ra khỏi chùa.

Sự việc này xảy ra như sau: Buổi sáng ngày thứ ba, Thầy quản lý nhà bếp phát hiện ra rằng cơm cháy ngày hôm qua đã biến mất và Thầy nghi rằng đã bị chuột ăn hết. Vì là nhiệm vụ của Thầy, nên Thầy mới báo cáo chuyện này lên ngài Phương-trưởng để xin ý kiến. Ngài Phương-trưởng dạy rằng: "Được rồi, phải bắt con chuột đó!" Đến tối, ngài Phương-trưởng nhập Định quán sát mới phát giác là Thầy Duy-na đã trộm cơm cháy của nhà bếp trong lúc nhập Định. Nhân đó Ngài mới đem nhục thân của Thầy Duy-na giấu dưới ghế ngồi. Lúc Thầy Duy-na xuất Định thì không thấy "nhà" (nhục thân) của Thầy đâu nữa. Thầy tìm kỹ khắp nơi thì cuối cùng mới thấy nhục thân mình nằm ở dưới ghế nên kéo nó ra. Bấy giờ, Ngài Phương-trưởng mới bảo: "Thầy làm gì vậy? Thầy quả là một con chuột lớn. Thầy dám ăn cắp cơm cháy ở nhà bếp hả? Thầy có biết là Thầy đã phạm giới không? Ai phạm giới phải bị đuổi ra khỏi chùa! Ngày mai Thầy phải đi. Chúng tôi không thể lưu giữ Thầy ở đây nữa!"

Thầy Duy-na thưa: "Bạch Ngài, Ngài đuổi tôi thì được rồi, song tôi muốn xin Ngài một việc, mong Ngài thuận cho."

Vị Phương-trưởng hỏi: "Thầy sắp ra đi, còn muốn yêu cầu gì nữa?"

Thầy Duy-na thưa: "Các Thiên-sinh nhất định phải được ăn đủ no thì mới có thể dụng công tu hành. Nếu ăn không no, chắc chắn chẳng thể tu hành được. Do đó tôi mới vào nhà bếp lấy trộm cơm cháy để cho đại chúng dùng, chẳng phải để tôi ăn. Tôi hy vọng Ngài Phương-trưởng từ bi, mỗi tối cho mỗi người ăn hai cái bánh bao. Được vậy thì tôi xin cúi đầu đánh lễ Ngài. Tôi ra đi rồi, chẳng còn gì thắc mắc nữa!"

Vị Phương-trưởng suy nghĩ và thấy có lý: "Được rồi! Tôi sẽ thỏa mãn lời yêu cầu của Thầy." Từ đó về sau, khi nào đã Thiên-thất, mỗi người được ăn hai cái bánh bao vào buổi tối.

Thầy Duy-na lại hỏi Phương-trưởng: "Thưa Ngài, tôi nên đi về đâu?"

Phương-trưởng đáp: "Thầy hãy đến tỉnh Tứ-xuyên xây dựng đạo tràng. Các vị hộ pháp ở đó có thiện duyên với Thầy."

Bấy giờ Thầy Duy-na mới dùng phép Thần-túc-thông để đến tỉnh Tứ-xuyên. Thầy thấy hai cây quế cao to, cành lá sum sê, nên ngồi Thiền giữa hai cây quế ấy. Nhiều vị hộ pháp và cư sĩ thấy Thầy ngồi Thiền dưới gốc cây, nhận ra Thầy là bậc chân tu, một vị cao tăng đức hạnh, do đó họ xây một ngôi chùa dưới hai cây quế ấy lấy tên là "Song Quế Đường." Tại đây, Thầy truyền Pháp và thâm nhận đệ tử. Về sau, rất nhiều người tham Thiền được khai ngộ và Thầy trở thành vị Tổ đầu tiên.

Tham Thiền cũng như uống nước, nóng hay lạnh chỉ tự mình biết lấy. Dụng công tới chỗ vững vàng thì mình tự biết; dụng công mà chưa thành thực thì cũng chỉ có mình tự hay. Ai dụng công đã vững, đã thành thực thì cần phải liên tục nỗ lực. Kẻ chưa dụng công tới đâu cả thì chớ biếng nhác. Trong lúc tham gia Thiền-thất, quý vị phải buông xả hết mọi thứ. Có câu:

"Đề khởi được, buông xả được."

"Đề khởi được" cái gì? Đề khởi được câu "Niệm Phật là ai?"

"Buông xả được" thứ gì? Buông xả được mọi vọng tưởng. Phải buông xả được vọng tưởng và sự nghĩ ngợi lăng xăng thì trí huệ mới nảy sinh. Không buông xả được vọng tưởng thì dụng công sẽ không có kết quả.

Trong bảy ngày này, quý vị phải dừng mãnh tinh tấn, đừng sinh một mảy may tâm trạng biếng nhác hay một chút hoài nghi. Hãy cùng nhau dụng công. Khi dụng công tới chỗ "không thấy có mình, không thấy có người" thì sẽ khai ngộ. Nếu dụng công tới chỗ "phi sắc, phi không" thì sẽ hợp nhất với Đức Như Lai. Nếu quý vị chưa hiểu được cảnh giới "phi sắc, phi không" thì thật đáng hổ thẹn.

Vì sao dụng công mà không được tương ứng? Vì thói quen, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá sức sâu dày; do đó, tâm muốn hướng tới con đường Bồ-đề mà thân thì chẳng chịu tiến tới, cứ muốn thối lui. Quý vị phải biết rằng hễ tập khí, thói quen quá nặng nề, nghiệp chướng dày sâu, thì càng cần phải buông xả vọng tưởng. Buông xả vọng tưởng không khó, quý vị chỉ cần quên mình đi là vọng tưởng hết ngay. Chỉ vì còn có cái "tôi" nên quý vị mới không thể quên bằng được mình.

Khi tu hành ở Thiên-đường, quý vị phải tu làm sao cho "trên không biết có trời, giữa không biết có người, dưới không biết có đất." Trời, đất, người không còn, đông tay nam bắc cũng tiêu tan, thì lúc ấy một niệm cũng không khởi và toàn thể chân-tâm sẽ hiện bày. Quý vị sẽ đắc được *"toàn thể đại dụng."*

Nếu suốt ngày khởi vọng tưởng thì công phu sẽ không tương ứng. Do đó, phải dụng công tới chỗ không sinh khởi một niệm nào cả. Khi đi, không biết là mình đang đi; khi đứng, không biết là mình đang đứng; khi nằm, không biết là mình đang nằm; khi ngồi, không biết là mình đang ngồi. Đi, đứng, nằm, ngồi đều chẳng hay biết:

Cả ngày ăn cơm, nhưng chưa nuốt một hạt gạo.

Cả ngày mặc áo, nhưng chưa mặc một sợi tơ.

Lúc ấy, quý vị với hư không hợp làm một. Nếu hợp làm một với hư không thì mới hốt nhiên dung thông; đột nhiên quý vị sẽ hiểu rõ mọi sự. Đó là cảnh giới đốn ngộ.

Đốn ngộ là do bình thường dụng công, dụng đến chỗ tương ứng thì mới hốt nhiên khai ngộ. Nếu bình thường không dụng công thì không thể đốn ngộ được. Cũng như trẻ con sau khi sinh ra, nhờ ngày ngày được nghe tiếng nói nên tới một lúc nào đó chúng tự nhiên biết nói. Khi chúng thốt ra lời đầu tiên thì cũng tương tự như lúc chúng ta khai ngộ. Khi chúng bắt đầu biết đi, thì bước đầu tiên cũng có thể ví như lúc chúng ta khai ngộ vậy. Làm sao chúng đi được bước đầu tiên? Do bởi ngày nào chúng cũng nhìn thấy người lớn đi đi lại lại, cảnh tượng ấy huân tập vào đầu óc chúng, khiến chúng tự nhiên tập tễnh bước đi. Chúng ta dụng công cũng phải như vậy-hôm nay dụng công, ngày mai cũng dụng công. Tiếp tục như vậy, khi công phu chín muồi, không còn khởi ý tưởng gì, hết bật vọng niệm, thì quý vị sẽ khai ngộ.

Sự khai ngộ do ngày ngày dụng công tu hành hoặc do từng giờ từng phút dụng công tu hành rồi đến khi công phu đã chín muồi thì chợt khai ngộ, là sự khai ngộ do dụng công tu hành trong đời này.

Có người hỏi: "Tôi thấy vị kia chẳng chịu dụng công tu hành gì cả, song tới Thiên-đường chưa được bao lâu thì bỗng nhiên khai ngộ. Đó là vì sao?" Trường hợp này khá đặc biệt đấy. Đó là vì kiếp này tuy y không dụng công tu hành, song kiếp trước y đã tu rồi. Không phải chỉ tu bình thường, mà từng giờ từng phút y đều tu, và chỉ thiếu một chút nữa là khai ngộ. Do đó, trong kiếp này gặp được hoàn cảnh y liền khai ngộ.

Đốn-ngộ tuy là tức khắc khai ngộ, song cần phải vun bồi thiện căn từ kiếp trước. Giống như làm ruộng vậy-mùa xuân gieo giống, mùa hạ cày cấy, thì mùa thu mới thu hoạch. Nếu mùa xuân không gieo hạt thì mùa thu làm sao có thu hoạch? Có câu:

"Một phần canh tác thì một phần thu hoạch."

Người tu Đạo chúng ta cũng phải như thế-bất luận là khai ngộ hay chẳng khai ngộ đều phải dưỡng mãnh tinh tấn, nỗ lực tiến tới. Hy vọng trong một phút giây tới hậu chúng ta sẽ đạt kết quả, nhận ra "bản lai diện mục" của mình.

Vì sao chúng ta không nhận ra được "bản lai diện mục" của mình? Bởi vì tướng Ngã (cái "tôi") chưa trừ, lòng ích kỷ chưa dứt. Nếu không còn tướng Ngã và lòng ích kỷ thì có thể nhận ra "bản lai diện mục" ngay.

Nếu quý vị không muốn nhận ra "bản lai diện mục" thì không thành vấn đề-tu cũng được, không tu cũng xong, bởi vì quý vị chẳng có hy vọng gì cả. Song, người tu Đạo nhất định cần phải có hy vọng. Đó là hy vọng hiểu rõ mình từ đâu tới, rồi đi về đâu, muốn biết được mình từ đâu sinh ra và chết rồi thì đi về đâu. Nếu muốn biết "bản lai diện mục" của mình ra sao, thì quý vị phải không sợ khổ, sợ khó, sợ gian nan-như thế thì mới có thể phản bổn hoàn nguyên, đắc được "thân kim-cang bất hoại."

Chúng ta làm gì trong Thiền-đường? Chính là rèn luyện "thân kim-cang bất hoại." Một khi đã là "thân kim-cang bất hoại," thân ta ắt hẳn chẳng còn biết khổ sở, chẳng còn biết đau đớn. Do đó nếu chúng ta cứ sợ khổ sợ đau thì không làm sao thành tựu được "thân kim-cang bất hoại." Thân bất hoại này là do rèn luyện mà thành. Và công việc chúng ta đang làm đây chính là rèn luyện "thân kim-cang bất hoại"-rèn luyện thân này cho được kiên cố, vĩnh viễn không hư hoại.

Nghe vậy, có vị nghĩ rằng: "Tôi tu hành không phải vì cái 'túi da thối' này. Rèn luyện nó thành bất hoại để làm gì chứ?" Không sai! Lý luận của quý vị đúng lắm; song, "thân kim-cang bất hoại" mà tôi nói đây không phải là "túi da thối" này. Vậy thì là gì? Là "thân kim-cang bất hoại" của tự-tánh, cũng là Pháp-thân và huệ-mạng, mà cũng chính là "thân kim-cang bất hoại" của tự-tánh nguyên thủy thanh tịnh.

Quý vị nên nhớ: Tu Đạo không phải là chuyện dễ. Hễ quý vị muốn tu Đạo thì có ma tới phá. Ma này không phải chỉ từ một nơi, mà từ bốn phương tám hướng kéo tới. Có thứ là ma bệnh, có thứ là ma phiền não; lại có thiên ma, nhân ma, quỷ ma và cả yêu ma nữa. Chúng ma kéo tới từ chỗ quý vị chẳng ngờ chẳng biết, làm cho Đạo-tâm của quý vị lung lay, khiến quý vị thối lui trên đường tu tập. Chúng dùng đủ cách để dụ dỗ, uy hiếp, đe dọa, khiến quý vị phải thối chuyển, mất Định-lực, rồi bỏ tu luôn.

Quý vị ngồi Thiền tới một trình độ kha khá thì sẽ có ma tới thử thách xem Đạo-lực của quý vị ra sao. Có khi chúng hóa hiện làm kẻ nam hay người nữ với dáng mạo đẹp để dụ dỗ-nếu không động tâm thì quý vị vượt qua được thử thách, nếu động tâm thì quý vị sẽọa lạc. Đây là điều vô cùng quan trọng, quý vị hãy nhớ cho kỹ! Hễ sẩy chân lỡ bước là ôm hận ngàn đời!

Khi cảnh giới hiện ra để thử thách kẻ tu hành, thì chúng ta cần phải xét xem cảnh giới ấy là giả hay thật. *Dùng phương cách gì?* Rất đơn giản: niệm "A Di Đà Phật," chuyên nhất không loạn, chẳng khởi vọng tưởng. Nếu cảnh giới ấy là giả thì nó sẽ từ từ biến mất. Nếu là cảnh giới thật thì càng niệm, cảnh ấy càng hiện ra rõ ràng. Ai ngồi Thiền không hiểu phương pháp này sẽ bị "tẩu hỏa nhập ma" và Đạo-nghiệp sẽ tiêu tan. Lại có kẻ tự cho rằng mình đã nhập ma-cảnh, do đó sẽ bỏ lỡ cơ hội khai ngộ.

Lúc còn trẻ tôi có nghe nói rằng: "Tu Đạo thì có ma." Tôi không tin, lại còn kiêu ngạo nói: "Ma gì tôi cũng không sợ! Tôi chẳng sợ bất kỳ thứ yêu ma quỷ quái nào!" Tôi cho rằng nói như thế cũng không sao, chẳng có gì đáng e ngại. Nào ngờ chẳng bao lâu quả có ma lại phá tôi. Ma gì? Ma bệnh! Lần ấy tôi bệnh nặng, hôn mê suốt bảy, tám ngày, chẳng hay biết gì cả. Bấy giờ mới biết là công phu tu hành chưa đủ nên không vượt qua được thử thách. Yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo, tôi đều không sợ; chỉ sợ ma bệnh-không hàng phục được nó, mà cũng không chịu đựng nổi nó. Do đó, người tu Đạo chớ có khoe khoang, tự đắc, nói rằng mình chẳng sợ gì cả. Nếu quý vị tự mãn tự đắc thì rắc rối sẽ kéo tới ngay!

Người tu Đạo cần phải thế nào? Cần phải khiêm nhường, cẩn thận giống như đang đi trên bờ vực sâu, hay bước trên mặt băng mỏng vậy. Lúc nào cũng phải hết sức thận trọng, đề cao cảnh giác, thì mới tu Đạo được. Nói tóm lại, hãy "nói ít, ngồi thiền nhiều"; đó là căn bản của việc tu hành.

Người tu hành thành tựu được Đạo-nghiệp là nhờ ai trợ giúp? Chính là ma đấy! Cũng như muốn cho lưỡi dao được bén thì phải mài, người tu hành phát huy được ánh sáng trí huệ cũng là nhờ ma lại giúp. Do đó, quý vị hãy xem ma như là hộ pháp vậy. Cho nên có câu:

Kiến sự tình sự xuất thế gian

Kiến sự mê sựọa trầm luân.

(Thấy việc, hiểu rõ: xuất thế gian,

Thấy việc, si mê: chịu đọa lạc.)

Nếu quý vị có khả năng giác ngộ, gặp cảnh liền hiểu thấu suốt, thì quý vị sẽ siêu xuất thế giới. Nếu quý vị không thể giác ngộ, gặp chuyện gì thì mê mờ chuyện ấy, ắt sẽ đọa địa ngục. Cho nên, người tu Đạo không sợ gặp ma, chỉ sợ chẳng có Định-lực. Ma tới là giúp quý vị, thử thách quý vị, xem quý vị có công phu, có Định-lực hay không. Nếu quý vị có công phu, có Định-lực, thì bất luận là thứ ma gì đi nữa, chúng cũng không làm quý vị dao động tinh thần được.

Người tu hành lúc nào cũng phải treo mấy chữ "vấn đề sống chết" ngang mày, lúc nào cũng nghĩ cách để liễu sinh thoát tử. Quý vị nên biết rằng không có việc gì trọng yếu hơn "sinh tử sự đại"; cả. Nếu chuyện sinh tử chưa giải quyết, quý vị sẽ không biết vì sao mình sinh ra và chết rồi thì đi về đâu. Do đó, chưa chân chính thông suốt "vấn đề sống chết" thì cần phải nỗ lực dụng công; bằng không thì sẽ vĩnh viễn bị vòng sinh tử luân hồi ràng buộc, không sao giải thoát được.

Trên đường Đạo, quý vị hãy nghĩ tới "vấn đề sống chết" này, xem chúng ma như là kẻ hộ pháp giúp mình tu hành. Ai chửi quý vị, đánh quý vị, chính là giúp đỡ quý vị tu hành. Ai nói thị phi về quý vị, gây khó khăn cho quý vị, cũng chính là để giúp quý vị tu hành. Nói tóm lại, khi nghịch cảnh kéo tới, quý vị cứ thuận theo nó mà nhẫn chịu. Hãy coi chúng như là những bạn bè tới để trợ giúp cho quý vị thì phiền não sẽ hết. Hết phiền não thì trí huệ phát sinh. Có trí huệ chân chính thì tất cả ma quái không còn cách gì làm cho tâm quý vị dao động nữa.

Vì sao chúng ta bị cảnh giới của yêu ma làm cho dao động? Bởi vì trí huệ của chúng ta chưa viên mãn. Vì trí huệ không viên mãn nên gặp việc gì cũng sinh mê muội, không nhận thức được rõ ràng-ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng đều nẩy sinh, và phiền não cũng theo đó mà trỗi dậy. Nếu quả có trí huệ, thì không có những vấn đề ấy đâu!

Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma Tới Trung Quốc

Vào tháng chín, năm Phổ Thông thứ nhất (năm 520 sau Công-nguyên) thời Lương Võ Đế, Đức Tổ-sư Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ đáp thuyền sang Trung Quốc. Thuyền cập bến ở Quảng-châu, Ngài lên bờ tới Kim-lăng (Nam Kinh) cùng vua Lương Võ Đế đàm luận. Bởi vì vua không khế-cơ, nên Ngài rời Kim-lăng, đi lên phía Bắc về hướng Lạc-dương. Khi Ngài đi qua chỗ Pháp-sư Thần Quang giảng kinh thì thuận đường mới vào nghe. Khi Ngài phát hiện Pháp-sư Thần Quang có biện tài vô ngại, đến nỗi "trời mưa hoa xuống, đất trời bông sen lên," thì Ngài biết Thần Quang là một bậc Pháp-khí. Bấy giờ, Ngài Thần Quang thấy một vị sư Ấn Độ đến nghe kinh thì chẳng kèm được lòng ngã mạn, nên giảng kinh xong, Ngài nhảy Đức Bồ Đề Đạt Ma một cái.

Tổ-sư hỏi Ngài: "Thưa Thầy, Thầy đang làm gì ở đây?"

Ngài Thần Quang đáp: "Tôi giảng kinh."

Tổ-sư hỏi: "Thầy giảng kinh gì?"

Ngài Thần Quang khó chịu, vặn lại: "Thầy từ đâu lại?"

Tổ-sư trả lời: "Tôi từ Ấn Độ tới."

Ngài Thần Quang liền hỏi: "Thế ở Ấn Độ chẳng có giảng kinh sao?"

Tổ-sư trả lời: "Đương nhiên là có giảng kinh, nhưng giảng toàn là *'Vô tự chân kinh.'*" (kinh không có chữ).

Ngài Thần Quang lại hỏi: "Thế nào là *'vô tự chân kinh'*?"

Tổ-sư đáp: "Vô tự chân kinh là kinh chỉ có giấy trắng. Kinh mà Thầy giảng thì chữ đen, giấy trắng. Vậy Thầy giảng để làm gì?"

Ngài Thần Quang nghe vậy thì có ý bức bối, bèn nói: "Ta giảng kinh để dạy người ta liễu thoát sinh tử."

Tổ-sư hỏi: "Thầy dựa vào đâu mà dạy kẻ khác liễu thoát sinh tử? Bản thân Thầy còn chưa liễu thoát được sinh tử kia mà!"

Ngài Thần Quang nghĩ thầm: "Tên Hòa-thượng mặt đen này chắc là hóa thân của Ma vương tới đây để hủy báng Tam-bảo, mình phải thử coi pháp lực của y ra sao mới được!"

Bấy giờ, Ngài Thần Quang lấy râu tròng hạt (chuỗi hạt làm bằng sắt, là vũ khí hàng ma) đánh mạnh vào mặt Tổ-sư. Đức Tổ-sư không kịp phòng bị, chẳng may bị đánh trúng, gãy hai cái răng cửa. Đức Tổ-sư (đã đắc quả thánh) nghĩ thầm: "Răng của bậc thánh mà rớt xuống đất ở nơi nào thì nơi ấy sẽ bị hạn hán ba năm." Vì lòng từ bi thương xót chúng sinh nên Ngài liền nuốt chứng hai cái răng ấy vào bụng; thế nên mới có câu:

"Đã lạc môn nha hoà huyết thôn."

(Nuốt chứng răng gãy lẫn máu me).

Tổ-sư chẳng nói một lời, quay lưng đi ra khỏi chùa, rồi bước lên một cành lan để vượt qua sông Trường-giang, đến Chùa Thiếu Lâm ở núi Tung-Sơn, tỉnh Hà-nam. Tại đó, Ngài ngồi quay mặt vào vách tường suốt chín năm, quán sát Thiền-cơ.

Về phần Ngài Thần Quang, thì Ngài rất đặc ý, cho rằng mình đã thắng cuộc, không hề biết rằng Đức Tổ-sư làm thế là vì tu hạnh Nhẫn-nhục Ba-la-mật. Sau khi Tổ-sư Đạt Ma đi khỏi chùa, không lâu thì Quỷ Vô-thường tới và hỏi Ngài Thần Quang: "Thầy là Thần Quang phải không?"

Ngài Thần Quang đáp: "Ta là Thần Quang, có chuyện gì không?"

Quỷ Vô-thường nói: "Tôi vâng lệnh vua Diêm-la mời Thầy đến uống trà đồng thời hỏi xem Ngài đã giảng được bao nhiêu bộ kinh, tụng được bao nhiêu bộ, còn bao nhiêu bộ chưa tụng và bao nhiêu bộ chưa giảng."

Ngài Thần Quang nghe xong thì giật mình, hồn bay lên chín tầng mây. Ngài biết là mình sắp chết nên khẩn khoản hỏi rằng: "Có ai dứt được sanh tử, tránh khỏi sự phán xét của Diêm-vương chăng?"

Quỷ Vô-thường đáp: "Thì chính là vị Hòa-thượng da đen râu rậm bị Thầy đánh gãy hai cái răng cửa đó!"

Ngài Thần Quang nghe vậy thì rất hối hận vì đã không dẫn được sự nóng giận và đã xua đuổi một Thánh-nhân. Do đó Ngài xin với Quỷ Vô-thường: "Tôi có thể đi tìm vị Hòa-thượng đó để học pháp "liễu sinh thoát tử" chăng?"

Quỷ Vô-thường đồng ý: "Được! Nhưng Thầy phải đi nhanh rồi trở về ngay, bằng không tôi không chịu trách nhiệm đâu!"

Ngài Thần Quang liền lên đường, ngày đêm không ngừng nghỉ để đuổi theo Đức Tổ-sư Đạt Ma. Khi tới núi Tung-sơn, Ngài thấy Tổ-sư đang day mặt vào vách ngồi Thiền thì mừng quá, liền đến trước mặt Tổ-sư, cung kính đánh lễ và sám hối: "Xin Thầy từ bi, tha thứ cho đệ tử thô lỗ này không biết Thầy là bậc thánh-nhân nên đã phạm thượng. Xin Thầy dạy cho con pháp tu liễu thoát sinh tử."

Đức Đạt Ma ngoái đầu nhìn lại, rồi chẳng nói năng gì, cứ tiếp tục ngồi Thiền. Ngài Thần Quang liền quỳ xuống; và quỳ trong chín năm liên tiếp.

Chúng ta ngồi Thiền, ngồi chưa đến hai tiếng đồng hồ là đã đau lưng, đau gối, chịu không nổi, hoặc cứ vẩn vơ nghĩ chuyện ăn cơm, uống nước ngọt... Nói tóm lại là không sao khống chế nổi cái "tâm khi, ý ngựa" lúc nào cũng muốn chạy rông. Ngài Thần Quang với tinh thần "cầu Pháp quên mình" đã quỳ liên tục trong chín năm. Trong chúng ta đây, có ai có thể quỳ được chín giờ không? E rằng chẳng có một ai!

Một hôm, tuyết rơi tầm tã, ngập hơn hai thước, song Ngài Thần Quang vẫn quỳ bên cạnh Tổ-sư. Bấy giờ Tổ-sư mới ngẩng đầu lên, cảm động vì thành tâm cầu Pháp của Ngài Thần Quang nên cất tiếng hỏi: "Thầy quỳ ở đây để làm gì?"

Ngài Thần Quang đáp: "Xin Thầy từ bi truyền Pháp cho con để thoát khỏi tay Diêm Vương!"

Đức Tổ-sư nói: "Cầu Pháp nào phải là chuyện dễ dàng như vậy! Hãy chờ đến khi trời rơi tuyết đỏ thì ta sẽ truyền Pháp cho người!"

Ngài Thần Quang thầm nghĩ: "Xưa kia lúc Đức Thích Ca tu Bồ-tát hạnh, chỉ vì cầu nửa câu kệ mà dám xả cả thân mạng..." Nghĩ đến đó thì tâm cơ của Ngài xoay chuyển. Trông thấy một cây giới đao treo trên tường, Ngài liền lấy xuống rồi chặt đứt cánh tay trái của mình. Máu phun ra như suối, làm cho tuyết trắng hóa thành đỏ. Ngài hốt một bùm tuyết đỏ ấy dăng lên trước mặt Tổ-sư Đạt Ma để thỉnh cầu truyền Pháp.

Tổ-sư nói: "Người vì Pháp mà chặt tay, thật là chân thành cầu Pháp"; rồi truyền cho Ngài Thần Quang pháp "bất lập văn tự, giáo nghĩa biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật." Đức Tổ-sư lại đặt tên cho Ngài Thần Quang là Huệ Khả.

Ngài Huệ Khả thưa: "Tâm con không an, xin Thầy an tâm cho con."

Đức Tổ-sư bảo: "Đem tâm lại đây, ta sẽ an cho."

Ngài Huệ Khả suy nghĩ một hồi lâu rồi thưa: "Con đã tìm tâm con, song chẳng thấy được nó ở đâu cả."

Tổ-sư liền nói: "Ta đã an tâm cho người rồi đó!"

Ngài Huệ Khả hoát nhiên đại ngộ và trở thành vị Tổ thứ hai của Thiền-tông Trung Hoa. Sau đó Ngài truyền y bát và tâm pháp lại cho Ngài Tăng Xán làm Tổ thứ ba. Ngài Tăng Xán truyền cho Ngài Đạo Tín là Tổ thứ tư. Ngài Đạo Tín truyền cho Ngài Hoảng Nhẫn là Tổ thứ năm. Ngài Hoảng Nhẫn truyền cho Ngài Huệ Năng là Tổ thứ sáu. Đến đây, Thiền-tông phân làm hai phái. Ngài Thần Tú đại diện cho Bắc-phái, chủ trương "Quét sạch bụi trần, quan sát thanh tịnh," và trở thành phái Tiệm-ngộ. Ngài có kệ rằng:

Thân thị Bồ-đề thọ,

Tâm như minh kính đài,

Thời thời thường phát thức,

Vật sử nhạ trần ai.

Nghĩa là:

Thân là cây Bồ-đề,

Tâm như đài gương sáng,

Lúc nào cũng quét sạch,

Chớ để dính bụi trần.

Ngài Huệ Năng đại diện cho Nam-phái, chủ trương "Lập tức khai ngộ," và trở thành phái Đốn-ngộ.
Ngài có kệ rằng:

Bồ-đề bốn vô thọ,

Minh kính diệc phi đài,

Bổn lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trần ai?

Nghĩa là:

Bồ-đề không phải cây,

Gương sáng cũng không đài.

Xưa nay chẳng có vật,

Bụi trần bám vào đâu?

Về sau, Nam-phái lại phân làm năm tông là Quy Ngưỡng, Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.
Căn cứ vào bài kệ của Tổ Đạt Ma:

Ngã bổn lai tư độ,

Truyền Pháp cứu mê tình;

Nhất hoa khai ngũ diệp,

Kết quả tự nhiên thành.

Nghĩa là:

Ta vốn đến đất này,

Truyền Pháp cứu người mê;

Một hoa nở năm cánh,

Kết quả tự nhiên thành.

thì quả nhiên đến đời Lục-tổ, Thiên-tông phân ra làm năm tông. Pháp do đó được truyền thừa từ đời này qua đời khác ở Trung Hoa. Bây giờ Pháp lại được truyền tới nước Mỹ, song không ai cần phải quỳ để cầu Pháp. Chỉ cần quý vị thành tâm tu hành, thì có thể đắc được Pháp.

(Thiền thất tháng 12 năm 1980)

Bí Quyết Không Chế Vọng Tưởng

Vạn Phật Thánh Thành mỗi năm đều có tổ chức vài Thiên-thất, mỗi thất là bảy ngày. Trước lễ vía A-Di-Đà thì có một Phật-thất (7 ngày), rồi sau đó là liên tiếp ba Thiên-thất (21 ngày). Hằng năm, những người đến dự Thiên-thất đều tham gia từ đầu đến cuối, khiến công đức được viên mãn. Năm nay, hy vọng quý vị đến tham gia cũng giữ sự chung thủy, chẳng thối lui nửa chừng, bỏ Thiên-đường đi mất; bằng không thì công phu sẽ phải bỏ dở, lãng phí thời giờ, chẳng có sở đắc.

Tư thế lúc ngồi cần phải ngay ngắn, thẳng lưng. Đầu phải thẳng, không cúi xuống, không ngửa lui, không nghiêng trái, không quẹo phải. Sau đó, bắt chéo hai chân theo thể kiết-già-lấy chân trái bỏ lên đùi phải, kế đó lấy chân phải bỏ lên đùi trái-đó là tiêu chuẩn. Bởi vì tư thế kiết-già phu tọa khiến chúng ta dễ nhập Định, cho nên còn gọi là thể hàng ma tọa, thể kim-cang tọa, hay thể liên hoa tọa. *Tư thế này có thể giúp tiêu trừ nghiệp chướng trong vô lượng kiếp, khiến liễu sanh thoát tử, tạo được vô lượng công đức.*

Lúc bắt đầu ngồi Thiền, quý vị cần phải luyện tập tư thế căn bản này. Kế đến, quý vị hãy điều chỉnh thân thể-mắt nhìn xuống chót mũi, từ mũi nhìn xuống miệng, từ miệng nhìn xuống tâm. Đó là bí quyết để không chế vọng tưởng. Sau đó mới điều hòa hơi thở-đừng mau, đừng chậm-hãy thở một cách tự nhiên. Lúc này quý vị mới tham cứu câu "Ai là kẻ niệm Phật?" Trải qua một thời gian lâu dài, việc tham Thiền sẽ có tác dụng.

Việc dụng công tham Thiền cũng giống như "gà mẹ ấp trứng" vậy. Gà mẹ lúc nào cũng nghĩ đến gà con, cứ chuyên tâm hết lòng ấp trứng. Chẳng phải ấp được năm phút là chạy đi, rồi một lúc sau lại trở về ấp tiếp, ấp chưa tới năm phút lại chạy mất...; bởi làm như vậy thì vĩnh viễn không bao giờ trứng nở ra gà con đáng. Tham Thiền cũng thế-lúc nào cũng phải dụng công miên mật. Đừng sợ đau lưng, đừng sợ nhức chân, đừng sợ khổ cực, đừng sợ gian nan. Hãy một lòng một dạ tham Thiền. Tham cái gì? Tham câu "Niệm Phật là ai?" Tham cho tới khi "sông cạn, núi cùng, nước dừng, đá hiện" thì lúc đó mới khai ngộ được.

Tham Thiền lại cũng giống như "rồng ấp ủ hạt châu." Rồng lúc nào cũng ôm giữ bảo châu, chẳng hề lơ là hoặc không cẩn thận chú ý. Vì vậy, hạt châu ngày một sáng, còn rồng thì ngày đêm canh giữ hạt châu. Người tham Thiền cũng phải như thế-trong mỗi phút mỗi giây đều không khởi tạp niệm. Cổ nhân nói:

"Nhất niệm bất sanh, toàn thể hiện."

Nghĩa là khi một niệm không sanh khởi thì chân tâm, Phật-tánh hiện bày. Cũng có thể nói rằng:

"Vọng niệm bất sanh, toàn thể hiện."

Hễ vọng niệm không sanh khởi thì lúc ấy toàn thể sẽ hiện rõ. Khi ngừng bật vọng tưởng, quý vị sẽ có cơ hội thành tựu.

Người tham Thiền không nên nghĩ đến việc thành Phật, đừng để tâm tới chuyện khai ngộ, cũng chớ nghĩ tới chuyện đắc trí huệ. Cứ nỗ lực dụng công, cần cù chăm chỉ tu hành. Khi thời gian chín muồi thì sẽ khai ngộ. Ở trong Thiên-đường, quý vị cứ ngồi Thiền, xong lại đi kinh hành, rồi ngồi tiếp, xong lại đi kinh hành, rồi ngồi tiếp, xong lại đi tiếp... Cứ như vậy, tu một thời gian lâu dài thì quý vị sẽ có cơ hội thành tựu, bởi vì "cửu tọa hữu Thiền," ngồi lâu thì sẽ có Thiền.

Tham Thiền lại cũng giống như "mèo rình chuột." Mèo phải định thần chú ý rình tại ổ chuột, chờ chuột chui ra là chụp ngay. Mèo không thể giải đãi; hễ tâm tán loạn thì không còn chú ý đáng. Người tham Thiền cũng thế-lúc nào cũng phải giữ chặt chánh niệm, không được sanh vọng niệm. Đó là kiến thức vào Đạo sơ cấp nhất của việc tham Thiền.

Người tu Đạo chớ xuống Nam-sơn cũng chớ lên Bắc-hải mà tìm Đạo. Đạo vốn ở ngay thân ta. Nếu quý vị có thể ngồi kiết-già phu tọa, chuyên tâm chú ý tham Thiền, thì đó là Đạo. Không nên có tâm thích chuyện cao siêu diệu vội, hướng tâm ra ngoài tìm Đạo; vì như thế thì vĩnh viễn không tìm ra được đâu. Nếu quý vị bỏ cái gần kề để chạy đi tìm cái xa xôi, thì tới đâu quý vị cũng gặp toàn chuyện khó khăn, phiền toái. Đó là tự mình chuốc lấy rắc rối, tự mình rước khổ vào thân!

(Thiền-thất, 12/1980)

Tham Thoại Đầu

"Tham" nghĩa là tìm-tìm xem ai là kẻ niệm Phật.

"Tham thoại đầu" tức là nghiên cứu câu "Ai là người niệm Phật? Kẻ niệm Phật là ai?" Có câu:

Đại nghi, đại ngộ;

Tiểu nghi, tiểu ngộ;

Bất nghi, bất ngộ.

(Nghi lớn, ngộ lớn;

Nghi nhỏ, ngộ nhỏ;

Không nghi, không ngộ.)

Khi tham thấu triệt câu thoại đầu "Ai là kẻ niệm Phật?" rồi, thì sự tham Thiền ấy chính là thanh Kim-cang-vương Bảo-kiếm chặt đứt hết mọi dục niệm, chỉ còn một niệm tham cứu câu thoại đầu mà thôi. Lúc mọi ý niệm đều ngưng bật, bấy giờ, Đạo-tâm sẽ bùng dậy.

Trước khi đá Thiền-thất thường có đá Phật-thất. Phật-thất xong mới đá Thiền-thất thì hiệu quả mới tốt đẹp. Trước niệm Phật, sau mới tham cứu thoại đầu "Ai là kẻ niệm Phật?"

"Tham" có nghĩa là tìm-tìm xem ai là kẻ niệm Phật. Là quý ư? Vậy thì thuộc loại quý nào? Là người ư? Người nào vậy? Là mình ư? Mình chết rồi thì còn niệm được chăng? Bỏ vô quan tài rồi thì chẳng ai còn niệm Phật nữa cả! Hãy tìm xem, rốt ráo thì ai niệm Phật? Và niệm ai chớ? Hãy tìm xem, kẻ niệm Phật là ai? Ai đang niệm Phật? Quý vị tìm không ra ư? Dù quý vị vĩnh viễn tìm kiếm, cũng không tìm ra được! Nếu quý vị tìm ra được chữ "Ai" này, thì vọng tưởng gì cũng hết sạch. Vì sao quý vị vẫn còn vọng tưởng? Vì quý vị vẫn chưa tìm ra được cái "Ai"!

Tìm cái "Ai" này có thể mất đến cả đại kiếp. Khi quý vị thấy những người tu hành lão luyện ngồi Thiền chẳng động đậy, chính là họ đang tìm cái "Ai" này vậy! Bởi vì chuyên tâm tham cứu cái "Ai" này nên mọi vọng tưởng đều ngưng bật, thoát nhiên khai ngộ. Lúc ấy, trong bóng tối âm u bỗng xuất hiện ánh hào quang sáng chói, chuyện gì quý vị cũng thấy rõ cả. Rằng:

Mê thời thiên duyên thiếu,

Ngộ thời nhất tự đa.

(Lúc mê, ngàn sách còn ít,

Ngộ rồi, một chữ cũng dư.)

Đó là đạo lý của việc tham cứu câu "*Ai là kẻ niệm Phật?*" Do đó, hễ người nào không khởi vọng tưởng thì người ấy có công phu. Người luôn khởi vọng tưởng thì bất cứ công phu gì cũng không thành cả. Đó là điểm cốt tủy của việc tham Thiền.

Công phu tham Thiền cốt ở sự chuyên nhất tham cứu-đi cũng tham, ngồi cũng tham, đứng cũng tham, nằm cũng tham. Nói tóm lại, lúc nào cũng phải tham Thiền, chớ bỏ qua cơ hội tham Thiền. Vì thế, lúc đã Thiền-thất chúng ta không lạy Phật, không tụng Kinh, không lên chánh-điện, không cúng quá-đường. Hết giờ thì ăn; ăn xong lập tức tới Thiền-đường tiếp tục tham Thiền. Lúc cần đi nhà vệ sinh thì đi, xong rồi phải tức khắc trở lại Thiền-đường để tiếp tục tham Thiền. Đừng lãng phí một phút một giây, bởi vì biết đâu chính trong một phút một giây ấy quý vị có thể khai ngộ thì sao? Do đó, hãy tranh thủ từng giây, từng phút một!

Có câu: "Đừng rời *cái này!*" Không rời cái gì? Tức là không rời câu thoại đầu "*Ai là kẻ niệm Phật?*" Không rời xa câu này, nên đó chính là thanh gươm trí huệ cắt đứt thất tình, lục dục. Một khi thói hư tật xấu trừ sạch thì bốn tánh sẽ hiện tiền. Khi bốn tánh hiện tiền thì Đạo-quả Giác-ngộ sẽ thành tựu.

Trong thời gian tham Thiền, quý vị phải đối diện với thực tế, khắc phục mọi hoàn cảnh, giữ chặt tông-chỉ. Phải nhớ rằng khổ đau là khởi đầu của an lạc. Tôi thường nói với quý vị là:

"Chịu khổ thì hết khổ,

Hưởng phước thì mất phước!"

Cổ nhân có dạy:

"Họa là chỗ phước dựa vào,

Phước là nơi họa cựa nường."

Theo sau chuyện hung xấu thường có điềm lành tới; bên cạnh chuyện yên ổn có thể sẽ có chuyện không may. Pháp thế gian thì luôn ở thế đối đãi như vậy. Từ bao kiếp lâu xa đến nay không biết chúng ta đã tạo bao nhiêu ác nghiệp, thế nên giờ đây chúng ta phải chịu quả báo. Nếu quý vị biết nỗ lực dụng công, dũng mãnh tinh tấn, trả sạch hết nghiệp thì sẽ thành tựu Đạo-quả.

Quý vị hãy chú ý! Bất luận là cảnh giới thuận (theo lòng mình) hay cảnh giới nghịch (với ý mình) thì quý vị cũng hãy nhẫn chịu-nhẫn chịu không nổi cũng phải ráng nhẫn chịu! Tu Đạo chính là tu nhẫn nhịn; có câu:

"Nhẫn là bảo bối vô giá."

Nếu quý vị có thể nhẫn nhịn, chịu đựng mọi chuyện, thì sẽ có được sự an lạc chân chánh. Cũng như kẻ luyện võ mà chưa đủ kinh nghiệm-lúc phải vật lộn thì quên bẵng tất cả chiêu số, đến khi đánh đấm xong mới nhớ ra các thế võ để đánh thì đã quá muộn! Tham Thiền cũng vậy-khi cảnh giới đến thì quý vị phải nhẫn chịu, phải chịu thiệt thòi, phải can đảm chịu đựng; khivượt qua khó khăn rồi quý vị mới đạt được sự tự tại.

Khi tham Thiền, quý vị phải sáng tham như vậy, chiều cũng tham như vậy. Sáng tu Thiền, chiều cũng tu Thiền. Tu lâu ngày thì sẽ thành tựu. Nhẫn nại được, tức là dù đau lưng cũng chẳng màng, đau gối cũng mặc kệ, cứ nhất tâm nhất niệm tham câu "*Ai là kẻ niệm Phật?*" Nếu lúc nào cũng được như vậy thì quý vị sẽ chẳng khởi vọng tưởng, có thể nhiếp thọ, thâm phục thân tâm, khiến tâm trí thanh tịnh tới mức một vọng niệm cũng không dấy khởi. Quý vị hãy giữ cho tâm đừng rời câu thoại đầu "*Ai là kẻ niệm Phật?*"; lúc nào cũng đề khởi, lúc nào cũng chẳng quên-đó chính là mục tiêu của sự dụng công.

Việc tham thoại đầu thì chỉ có một vọng tưởng, còn tạp niệm thì có vô số vọng tưởng. Do đó, chúng ta dùng phương pháp "dĩ độc công độc"-lấy một vọng tưởng "tham cứu thoại đầu" để khống chế tất

cả các vọng tưởng khác-dần dần, từng vọng tưởng một sẽ bị tiêu diệt, không còn tái khởi. Lúc ấy, bất luận là cảnh giới gì đến quý vị cũng không còn bị mê hoặc; quý vị biết biện biệt rõ ràng thì không thể nào bị "tẩu hỏa nhập ma." Người xưa nói:

"Ninh khả thiên sanh bất ngộ,

Bất khả nhất nhật trước ma."

(Thà rằng ngàn đời không ngộ,

Chẳng để một ngày vướng ma.)

Khi tu Thiền-định, quý vị cần phải cẩn thận, dè dặt, chớ có cực đoan. Phải chánh đại quang minh, đừng để bọn ma quý vị có cơ hội hại quý vị. Khi quý vị có tạp niệm tức là quý vị mở cửa cho ma quý vị lọt vào! Do đó, tham thoại đầu chính là Pháp-bảo "đuổi ma"!

(Thiền-thất 12/1280)

Cảnh Giới Thiền

Ngồi Thiền, ngồi tới lúc trong không có thân tâm, ngoài không có thế giới, xa gần đều trống rỗng thì mới đạt đến chỗ không có ngã-tướng, không có nhân-tướng, không có chúng-sinh-tướng, không có thọ-giả-tướng; cũng là lúc "tâm quá khứ không có, tâm hiện tại không có, tâm vị lai cũng không có." Đạt tới cảnh giới này chưa phải là đắc được công phu thật sự, cũng chẳng có gì đặc biệt đâu. Dù quý vị ngồi được một giờ, hay ngồi được mười giờ, nhẫn đến ngồi suốt một tháng, mười tháng, đó chẳng qua là công phu của quý vị có được chút ít tương ứng, chỉ mới được chút ít cảnh giới khinh an mà thôi. Trải qua cảnh giới nhẹ nhàng khinh an, cứ tiếp tục tham Thiền thì quý vị sẽ nhập cảnh giới Sơ-Thiền.

Sơ-Thiền-Thiền gọi là "Ly Sanh Hỷ Lạc Địa," tức là cảnh giới xa rời những lạc thú của chúng sanh. Tại cảnh giới "Ly Sanh Hỷ Lạc Địa, quý vị rất mau nhập Định. Trong lúc nhập Định, hơi thở sẽ ngừng hẳn-không ra không vào, không đi không đến-giống như con rùa tới mùa đông thì rút đầu vào mu, đình chỉ sự hô hấp bên ngoài, song sự hô hấp ở bên trong vẫn tiếp tục. Đó là hiện tượng "đông miên." Người tham Thiền, khi nhập Định thì ngừng thở, nhưng khi xuất Định thì vẫn hít thở như thường. Quý vị hãy chú ý! Tới cảnh giới này quý vị chớ khởi vọng niệm: "A! Ngừng thở rồi!" Khi vọng niệm ấy nảy sinh thì hô hấp sẽ tiếp nối ngay. Do đó không thể thiếu cảnh giác, bằng không quý vị sẽ lỡ mất cơ hội và phải làm lại từ đầu.

Từ Sơ-Thiền, nếu quý vị tinh tấn tu tập thì sẽ nhập Nhị-Thiền. Nhị-Thiền-Thiền gọi là "Định Sanh Hỷ Lạc Địa," tức là trong cảnh giới Định, niềm hỷ lạc sanh khởi. Nên có câu:

Thiền duyệt vi thực, Pháp hỷ sung mãn.

(Thiền vị là thức ăn, sung mãn niềm vui Pháp.)

Nhập cảnh giới này, chẳng những ngừng thở, mà tim cũng ngừng đập. Mạch tim chỉ ngừng chớ không phải đứt hẳn, nên khi xuất Định sẽ trở lại bình thường.

Từ Nhị-Thiền, nếu quý vị tiến tu thì nhập Tam-Thiền. Tam-Thiền-Thiền gọi là "Ly Hỷ Diệu Lạc Địa," nghĩa là xa rời mọi sự hoan lạc thô thiển, chỉ còn niềm vui vi tế, vô cùng vi diệu. Nhập cảnh giới Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, thì không những hơi thở ngừng, tim hết đập, mà ý niệm cũng dứt hẳn, hết như một người chết vậy. Lúc ý niệm dứt thì mọi vọng tưởng mỏng lung cũng dứt.

Khi hơi thở ngừng lại máu huyết hết dưỡng khí nên sự tuần hoàn cũng đình chỉ, do đó tim cũng không đập, không còn có mạch nữa. Lúc ấy tạp niệm chẳng còn. Giả sử hơi thở là gió, mạch là sóng,

mà ý niệm là nước-nếu gió im thì sóng lặng, nước tự nhiên yên tịnh. Đó chính là đạo lý "giở ngừng, sóng lặng" vậy. Đây là tác dụng tạm thời lúc nhập Định chứ không phải là dứt hẳn như khi chết. Lúc nào muốn phục hồi hơi thở hay mạch đập thì chúng lại hoạt động bình thường.

Từ Tam-Thiền mà tinh tấn tu Thiền-định thì nhập cảnh giới Tứ-Thiền. Tứ-Thiền-Thiền gọi là "*Xả Niệm Thanh Tịnh Địa*," nghĩa là xả bỏ niệm vui vì diệu của Tam-Thiền, tâm niệm thanh tịnh. Hơi thở ngừng, huyết mạch ngừng, ý niệm ngừng; song cảnh giới ấy cũng phải xả bỏ luôn thì lúc đó bản tánh Chân-như thanh tịnh mới hiện tiền. Cảnh giới này, quý vị chớ nghĩ lầm là xuất sắc hay đặc biệt, bất quá chỉ là ở cõi Tứ-Thiền mà thôi, chưa phải là cảnh giới chứng đắc Đạo-quả. Đây vẫn còn là địa vị phàm phu, bởi vì dục vọng chưa đoạn tuyệt. Từ cảnh giới này, nếu quý vị tu phép Tà-định của ngoại đạo thì sẽ nhập Vô Tướng Thiền, thọ hưởng cảnh giới vô cùng an lạc. Nhưng nếu quý vị tu phép Chánh-định thì sẽ nhập Ngũ Bất Hoàn Thiền, tức là cảnh giới của bậc chứng quả.

Nếu chúng được Sơ-quả A-la-hán, tức là quả vị Tu-đà-hoàn, thì không những khi nhập Định không còn vọng niệm, mà khi đi đứng nằm ngồi đều chẳng có vọng tưởng, chẳng có chấp trước. Đạt được Sơ-quả thì chỉ mới đoạn được tám mươi tám phẩm kiến-hoặc (sự mê mờ do cái thấy) trong Tam-giới mà thôi. Hãy còn bảy vòng sinh tử nữa, chứ chẳng phải chứng Sơ-quả là nhập Niết-bàn được đâu. Lúc chứng được Sơ-quả, bất luận là gặp cảnh giới gì cũng không bị dao động, "đối cảnh vô tâm" (gặp cảnh, không khởi tâm tưởng), duy chỉ có Đạo-tâm, chuyên nhất tu Thiền. Giả như cảnh giới bên ngoài có trang nghiêm, đẹp đẽ ra sao, như là gái đẹp, trai bảnh, cũng không thể làm cho tâm quý vị dao động. Lúc bấy giờ quý vị cũng chẳng tham tiền, tham sắc, tham danh, tham ăn, hay tham ngủ nữa. Mọi thứ đều không tham thì mới có thể gọi là chứng quả. A-la-hán Sơ-quả đi không gây ra tiếng động bởi vì chân họ cách xa mặt đất ba phân. Vì sao vậy? Vì thánh-nhân đắc quả có lòng từ bi, sợ rằng sẽ đạp chết các côn trùng nhỏ, nên mới đi trong hư không.

Quý vị hãy chú ý! Không được tự xưng là đã chứng ngộ khi chưa chứng ngộ, hay là đã đắc quả khi chưa đắc quả. Như thế là phạm giới vọng ngữ, tương lai phải đọa địa ngục kéo lưới. Tôi phải nói trước cho quý vị rõ, còn tin hay không là tùy ở quý vị. Trong số Phật tử có kẻ chưa khai ngộ mà cứ tự rêu rao là đã khai ngộ, đó là hành vi không thể chấp nhận được. Dù thật quý vị đã khai ngộ, quý vị cũng không nên khoe khoang: "Tôi khai ngộ rồi! Tôi có Ngũ-Nhãn Lục-Thông rồi nè!" Quý vị chớ tự tuyên truyền, tự mình quảng cáo cho mình; vì như thế thật chẳng có ý nghĩa gì cả.

Ngay cả Phật và Bồ-tát, các Ngài cũng không tự tuyên truyền, tự quảng cáo. Nếu có ai biết vị này là Bồ-tát hay vị kia là Phật hóa thân thị hiện ở thế gian, thì các Ngài liền biến mất. Đời Đường có hai vị Đại-sư, một vị là Hàn Sơn, một vị là Thập Đắc. Hàn Sơn là hóa thân của Đức Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, còn Thập Đắc là hóa thân của Đức Phổ Hiền Bồ-tát. Cả hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc vốn là quý vị đồng tu rất thân với nhau. Ngài Thập Đắc khi còn thơ ấu được Phương-trượng Phong Can đem về Chùa Quốc Thanh nuôi nấng và dạy bảo. Ngài Thập Đắc chuyên việc nấu nước trong nhà trù và mỗi ngày góp nhặt đồ ăn thừa cho vào ống trúc đem cúng dường ngài Hàn Sơn. Ngài Hàn Sơn thì ngụ ở động Nguyệt-quang trên núi Thiên-thai, mỗi ngày tới Chùa Quốc Thanh nhận đồ thừa để ăn. Hai ngài tâm đồng ý hiệp, thường cười đùa bờn cợt với nhau, nên cả chùa ai cũng cho các ngài là hai người điên, chẳng ai đếm xỉa gì đến họ cả. Không ai biết rằng hai ngài là Bồ-tát hóa thân, du hý ở nhân gian để cứu độ những chúng sanh cần được độ.

Một hôm, quan Thái-thú Lã Khưu Yên tới gặp Hòa-thượng Phong Can và hỏi rằng: "Thưa Thiền-sư, trong quá khứ chư Phật và Bồ-tát thường hóa thân tới thế giới này, vậy thời nay chư Phật và Bồ-tát có còn hóa thân tới cõi này nữa hay không?"

Ngài Phong Can đáp: "Có chớ! Bất quá ngài không nhận ra mà thôi. Bây giờ tại Chùa Quốc Thanh núi Thiên-thai, vị Thầy chuyên nấu nước ở nhà trù chính là Phổ Hiền Bồ-tát đấy. Thầy có một người bạn là Hàn Sơn, tức là Văn Thù Bồ-tát. Sao ngài nói chẳng có ai?"

Lã Thái Thú nghe xong rất vui mừng, bèn đi gặp đến Chùa Quốc Thanh để đánh lễ hai vị Bồ-tát Hàn Sơn và Thập Đắc.

Thầy Tri-khách Chùa Quốc Thanh thấy quan Thái-thú đến viếng thì ân cần tiếp đãi. Nhưng khi nghe vị quan này muốn gặp Hàn Sơn và Thập Đắc thì ngạc nhiên vô cùng, chẳng biết vì sao ông ta lại muốn gặp hai người điên này. Tuy không hiểu được lý do, Thầy cũng dẫn quan Thái-thú tới nhà trù. Bấy giờ đúng lúc hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc đang cười nói bô bô như hai kẻ điên khùng khiến ai cũng nực cười. Nhưng Lã Thái Thú vô cùng cung kính đánh lễ hai Ngài, rồi cũng hết sức cung kính thưa: "Đệ tử là Lã Khuru Yên xin thỉnh cầu quý Đại Bồ-tát từ bi dạy bảo cho kẻ mê muội này!"

Ngài Thập Đắc hỏi: "Ông làm gì thế?"

Thái-thú đáp: "Con nghe Hòa-thượng Phong Can dạy rằng hai Ngài là hóa thân của Đức Văn Thù và Đức Phổ Hiền. Bởi vậy con đặc biệt tới đây để xin đánh lễ và khẩn cầu quý Ngài khai thị cho con."

Ngài Thập Đắc nghe xong thì vừa thụt lùi vừa nói: "Ngài Phong Can nói nhầm! Ngài Phong Can nói nhầm! Ngài Phong Can là hóa thân của Đức A Di Đà, sao không lạy Ngài mà lại tới đây quấy rầy chúng tôi?"

Nói xong thì chạy ra khỏi chùa, lên tới động Nguyệt-quang núi Thiên-thai rồi, cả hai ngài nhập vào vách đá. Thái-thú thấy vậy vô cùng thất vọng bởi vì hai vị Bồ-tát đã ẩn mình trong vách đá, không ra nữa. Ông ta nghĩ thầm: "Thôi hãy về lạy Đức Di Đà vậy!"; nhưng khi y về tới chùa thì mới hay Ngài Phong Can cũng đã viên tịch. Đúng là "đang diện thác quá" (vuột mất cơ hội trước mắt). Cho nên có câu rằng:

"Đối diện với Đức Quán Thế Âm mà chẳng nhận ra được Ngài."

Trong Thiên-đường này cũng có Quán Thế Âm Bồ-tát, song tôi không thể tiết lộ cho quý vị biết được, để Ngài khỏi bị quý vị đuổi chạy mất!

(Thiền thất 12/1980)

Ngôi Thiên Có Thể Chấm Dứt Sinh Tử

Vào những năm cuối của triều đại Bắc Tống, Trung Quốc có một vị anh hùng dân tộc tên là Nhạc Phi. Cha ông qua đời khi ông còn thơ ấu. Mẹ ông là một người hiền đức, trí huệ. Cả hai mẹ con nương tựa nhau mà sống. Nhạc Phi được mẹ dạy học và dạy viết. Bởi nhà quá nghèo, không có tiền mua giấy bút và mực nên Nhạc Phi phải tập viết chữ trên cát; thế mà về sau ông nổi tiếng viết chữ đẹp. Đến lúc trưởng thành thì ông đầu quân. Mẹ ông lúc ấy xăm trên lưng ông bốn chữ "tận trung báo quốc" để nhắc ông phải luôn ghi nhớ chí nguyện lớn lao cứu nước cứu dân.

Lúc bấy giờ quân Kim xâm lược Bắc Tống, chiếm Biện-kinh (Khai-phong), đày hai vua Hội Tông và Khâm Tông lên miền Bắc. Hội Tông là vua đã thoái vị, có hai người con là Khâm Tông và Khang Vương. Khang Vương lúc ấy đang ở Hàng-châu, liền lên ngôi, đặt tên nước là Nam Tống, tự xưng là Tống Cao Tông, phong Tần Cối làm Tướng-quốc. Đương thời, các quan văn thì chủ trương hòa giải với quân Kim, nhưng các quan võ thì chủ trương chiến tranh.

Bấy giờ Nhạc Phi đại thắng quân Kim ở trấn Chu-tiên (rất gần Biện-kinh) và dự định tiến đánh kinh đô quân Kim ở Hoàng-long (tức Kiết-lâm, Nông-an bây giờ). Chẳng may Nhạc Phi bị Tần Cối đồ kỵ và dùng mười hai đạo kim bài giả để triệu hồi về kinh thành. Nhạc Phi vốn mang tư tưởng "trung quân, ái quốc" nên vâng mệnh vua trở về kinh đô. Lúc tới sông Trường-giang, ngang qua Chùa Kim Sơn, ông đến bái kiến Thiền-sư Đạo Duyệt.

Thiền-sư Đạo Duyệt khuyên ông đừng trở về kinh thành, hãy ở lại Chùa Kim Sơn (Trấn-giang) xuất gia tu hành thì có thể sẽ tránh được tai nạn. Song, Nhạc Phi vốn đã coi thường sống chết và lại nghĩ rằng bốn phận kẻ làm tướng là phải tuân mệnh vua, không thể cho là "tướng ở ngoài có lúc không phải tuân theo lệnh vua." Do đó ông đã không nghe theo lời khuyên của Thiền-sư Đạo Duyệt. Lúc chia tay, Thiền-sư tặng ông một bài kệ:

Tuế để bắt túc,

Cẩn phòng thiên khốc,

Phụng hạ lưỡng điểm,

Tương nhân hại độc.

(Chưa đến cuối năm,

Đề phòng trời khốc,

Dưới "phụng" hai chấm,

Hãm hại người đấy!)

Khi Nhạc Phi về tới Hàng-châu, Tần Cối dùng ba chữ "Mạc tu hữu" (bịa đặt) để hạ lệnh bỏ tù hai cha con Nhạc Phi. Gần đến ngày thọ hình, Nhạc Phi mới chợt hiểu thâm ý bài kệ của Thiền-sư Đạo Duyệt. Năm ấy, ngày hai mươi chín tết, trời mưa tầm tã. Nhạc Phi ngồi trong ngục lắng nghe tiếng mưa rơi và chợt vỡ lẽ rằng đại nạn đã kề bên. Lời tiên tri của Thiền-sư Đạo Duyệt cuối cùng đã ứng nghiệm. "Phụng hạ lưỡng điểm" (dưới chữ "phụng" có thêm hai chấm) tức là chữ "tần," ám chỉ Tần Cối. Quả nhiên Nhạc Phi sau đó bị xử chém tại Phong Ba Đình.

Bấy giờ Tần Cối hỏi đao phủ: "Nhạc Phi khi sắp bị chém có nói gì chẳng?" Đao phủ đáp: "Tôi chỉ nghe y nói rằng y hối hận vì không chịu nghe lời Thiền-sư Đạo Duyệt ở Chùa Kim Sơn nên mới nhận lãnh hậu quả thê thảm này." Nghe vậy, Tần Cối vô cùng tức giận, liền phái Hà Lập tới Chùa Kim Sơn gấp để bắt Thiền-sư Đạo Duyệt. Song Thiền-sư trong khi nhập Định một ngày trước đó đã biết được nhân duyên này, nên Ngài đã để lại một bài kệ:

Hà Lập tự Nam lai,

Ngã vãng Tây-phương tẩu.

Nhược phi Phật-pháp đại,

Khải bất lạc tha thủ.

Nghĩa là:

(Hà Lập từ Nam đến,

Ta nhằm Tây-phương đi.

Phật-pháp nếu không tương,

Ắt lọt vào tay hãn.)

Chuyện này chứng minh rằng khi công phu Thiền-định của người tu hành đã tới cực điểm thì có thể khống chế được sinh tử, muốn lúc nào vãng sinh cũng được, tự mình điều khiển định mệnh-đó là một điều rất đương nhiên. Thuở xưa, các Thiền-sư đều có công phu như vậy-tự do sống chết, toại tâm như ý. Đời Đường có vị Thiền-sư tên Đặng Ấn Phong, có thể lộn ngược đầu xuống đất mà viên tịch. Gần đây có vị Phật Sống ở Chùa Kim Sơn đứng mà viên tịch. Đó đều là nhờ có công phu Thiền-định nên họ có thể đến và đi tự do, không bị hạn chế gì cả.

(Thiền thất tháng 12 năm 1980)

Tu Hành Cần Phải Nhẫn Nại

Đức Phật Thích Ca, từ lúc xa xưa còn tu phước và tu huệ, đã trải qua ba đại *A-tăng-kỳ* kiếp (vô lượng kiếp) mới thành Chánh Giác. Ngài đã:

"Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi,

Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi."

(Đừng cho việc thiện nhỏ mà không làm,

Đừng cho việc ác nhỏ mà cứ làm.)

Lúc Đức Phật Thích Ca hành đạo Bồ-tát, Ngài chẳng bao giờ bỏ qua việc thiện dù nhỏ như sợi tóc và cũng chẳng bao giờ làm việc ác, dù nhỏ như hạt bụi. Do đó, phước huệ công đức viên mãn rồi thì Ngài thành Lương Túc Tôn (đấng có đầy đủ phước và huệ).

Quý vị hãy chú ý! Việc thiện tuy nhỏ, quý vị cũng phải tu, bởi vì tích lũy từng hạt bụi hạt cát có thể xây dựng ngôi tháp, tức thành việc thiện lớn. Việc ác tuy nhỏ, nhưng nếu cứ làm mãi thì "tích tiểu thành đại," trở thành đại ác, rồi mãi mãi không sao thành Đạo được. Tu hành là:

"Chớ làm các việc ác, hãy làm mọi việc lành."

Nếu không làm việc ác thì phước càng ngày càng nhiều. Nếu làm mọi việc lành thì trí huệ càng ngày càng tăng. Càng tăng thì chúng ta càng phải tiếp tục tu hành, đừng để gián đoạn, mới thành tựu được.

Bây giờ ở trong Thiền-đường, khi quý vị đi rồi ngồi, ngồi xong lại đi, dụng công tu hành, chính là tu phước huệ. Tu phước ra sao? Tức là "không làm điều ác." Tu huệ thế nào? Tức là "làm mọi điều lành." Đến khi phước báo viên mãn, mà trí huệ cũng viên mãn, thì quý vị sẽ thành tựu Phật đạo rất nhanh chóng, chẳng cần phải trải qua ba *A-tăng-kỳ* kiếp.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật khi xưa, trong lúc tu hành Ngài đã đi lắm đường rất nhiều lần, song Ngài vẫn kiên nhẫn, chẳng chịu thua, cứ tiếp tục tinh tấn, siêng tu Giới Định Huệ, chấm dứt tham sân si, cuối cùng đạt thành quả vị Phật.

Giờ đây chúng ta tu hành Phật-pháp, so với Đức Thích Ca, chúng ta thật may mắn vô cùng. Đức Phật đã truyền lại cho chúng ta con đường chân chính, chỉ cần theo đó mà bước tới, thì chúng ta có thể đạt được mục tiêu (tới bờ bên kia, cõi Tịnh-độ) rất mau chóng.

Tiền thân của Phật Thích Ca là Bồ-tát Thường Bất Khinh, chuyên tu hạnh nhẫn nại. Gặp ai Ngài cũng lạy và nói rằng: "Tôi không dám khinh rẻ các vị. Các vị đều là Phật sẽ thành." Có người không ưa cứ chỉ đó nên khi Ngài lạy thì họ đánh chửi Ngài.

Có lần, khi thực hành đạo Bồ-tát, Ngài đang lạy thì bị đá gãy hai răng cửa. Song Ngài chẳng sân hận, vẫn tiếp tục thực hành khổ hạnh lễ lạy. Nhưng học được kinh nghiệm đó rồi, nên về sau hễ thấy ai đi tới thì Ngài chỉ ở xa xa mà lạy và nói: "Tôi không dám khinh rẻ các vị. Các vị đều là Phật sẽ thành." Nói và lạy xong là Ngài lập tức bỏ đi. Do đó ai muốn đánh Ngài cũng không sao đuổi kịp!

Bồ-tát Thường Bất Khinh dùng tinh thần "Vô Ngã Tướng" (không có quan niệm về cái tôi, về mình) để tu phước, tu huệ. Ai dạy Ngài tu như thế? Chẳng ai dạy Ngài phải lạy cả, chính Ngài cam tâm tình nguyện tu hành như thế. Dù bị đánh đập, bị chửi mắng, Ngài cũng chẳng sinh lòng giận dữ. Đó chính là tu pháp môn Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Pháp môn quan trọng nhất của người tu hành là *pháp nhẫn nại*. Khi gặp hoàn cảnh chẳng được như ý thì phải ráng nhẫn nại, nhường nhịn, đừng tranh giành với ai cả. Nếu không thể nhẫn nại được, cứ thường nóng giận bức dọc, thì tất cả công đức khổ nhọc để tu hành sẽ bị tiêu tan.

Quý vị hãy tự hỏi: "Nếu mình cúi đầu lay người mà lại bị người đánh đập thì mình có đủ sức chịu đựng mà không sân hận chăng? Nếu quý vị chịu được thì quý vị là đệ tử của Phật; bằng không thì quý vị phải nhiếp phục thân tâm, tiếp tục dưỡng mãnh tinh tấn tu hành. Ngược lại, quý vị chỉ lãng phí thời giờ mà thôi, chẳng thành tựu được gì cả."

Người tu hành cần phải chịu lạnh chịu nóng, chịu gió chịu mưa, nhìn đối nhìn khất, nhận chửi nhận đánh. Hãy bắt chước tinh thần của Thường Bất Khinh Bồ-tát: "Bất luận ai đối xử xấu với ta, ta cũng không tức giận hay oán hận. Ta phải dùng lòng thành mà đối xử thì đối phương sẽ tự nhiên được cảm hóa, và kẻ thù sẽ trở thành quý vị tốt của ta."

Người tu hành phải tu làm sao để dẹp bỏ "cái tôi" (ngã tướng). Nếu không còn "cái tôi" thì chuyện gì cũng nhẫn nại, cam chịu được. Cảnh giới có tới, quý vị cũng chẳng động tâm. Hãy xem mình như hư không. Cảnh vừa lòng tới, cũng cứ tu hành. Cảnh nghịch ý tới, cũng cứ tu hành. Nói cách khác, gặp cảnh vừa lòng cũng đừng sinh tâm hoan hỷ vui mừng, gặp cảnh trái ý cũng chớ lo âu sầu muộn. Bất luận là thuận hay nghịch, đều phải nhận thức cho rõ ràng. Nếu quý vị có thể "như như bất động" (không khởi tình cảm, vọng tưởng hay chấp trước), thì sẽ không bị cảnh giới làm cho lay chuyển. Nếu lúc nào cũng "liễu liễu thường minh" (sáng suốt chiếu soi nhân quả mọi sự), thì sẽ xoay chuyển được cảnh giới.

Ngày xưa, Đức Phật Thích Ca chuyên tu pháp môn Nhẫn-nhục, do đó Ngài được gọi là Nhẫn-nhục Tiên-nhân. Một bữa nọ, vô duyên vô cớ Ngài bị vua Ca-Lợi chặt đứt chân tay. Song, Ngài vẫn không sinh lòng oán hận, mà ngược lại, Ngài thương xót vua Ca-Lợi đã si mê. Do đó Ngài nói với vua rằng: "Khi tôi thành Phật, trước hết tôi sẽ độ cho Ngài tu Đạo." Vua Ca-Lợi nghe xong liền phát tâm đại sám hối, xin quy y với Nhẫn-nhục Tiên-nhân, và về sau chính là Tôn-già Kiều Trần Như (một trong năm vị Tỳ-kheo đầu tiên). Sau khi Đức Phật thành Đạo, Ngài vì năm vị Tỳ-kheo mà thuyết pháp Tứ Đế, chuyển Pháp-luân ba lần, và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Đức Thích Ca là Tổ-sư của Phật-giáo. Hạnh nhẫn nhục của Ngài đã rất rõ nên gặp bất kỳ chuyện gì Ngài cũng không tức giận bức dọc. Chúng ta là đệ tử Phật thì cần phải học tập công phu nhẫn nhục của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Nói tóm lại thì nhẫn nại, chịu đựng là phép tu then chốt nhất, không thể coi thường được. Cổ nhân có câu:

Nhẫn nhẫn khắc, phong bình lặng tĩnh,

Thối nhất bộ, hải khoáng thiên không.

Nghĩa là:

Nhẫn một giây, gió im sóng lặng.

Lùi một bước, biển rộng trời trong.

Bởi vậy cho nên: "Nhẫn nhục là viên ngọc quý vô giá." Nếu ai đập nát Vạn Phật Thánh Thành thì tôi cũng chẳng chấp trách, chẳng bận tâm, cũng tuyệt đối chẳng oán giận. Nếu ai ai cũng như vậy, thiên hạ mới được thái bình.

Người tu hành thì không thể thiếu nhẫn nại! Có sức nhẫn nại thì mới tu nổi. Không có sức chịu đựng thì khỏi nói tới. Những điều tôi nói hôm nay rất là tầm thường, giản dị, lạt lẽo, không mùi vị gì, song chính là Phật-pháp vi diệu và hy hữu. Tuy tầm thường, nhưng Đạo luôn từ chỗ bình thường mà phát sinh. "Đạo" (con đường) là do người dùng chân bước tới. Pháp Vô-vi (không có hình tướng, không có tạo tác) này, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được, cho nên quý vị chớ để lỡ cơ duyên. Nếu quý vị cho là "gió thổi qua tai," nghe rồi chẳng ghi nhớ, thì sau này hối hận sẽ không kịp nữa. Nếu những điều tôi giảng hôm nay, quý vị có thể vận dụng thì bất luận là chuyện gì, cảnh giới gì, quý vị đều chẳng sinh

phiền não. Nếu quý vị lại biết vận dụng trí huệ để phán đoán cảnh giới này, thì bất luận là chuyện gì cũng sẽ tự nhiên hóa giải, chẳng chút rắc rối. Cuối cùng, cầu mong quý vị nỗ lực tham Thiền, tham "Niệm Phật là ai?" Chưa tìm ra được "Ai" thì hãy tiếp tục và nhấn nạy tu hành.

(Thiền Thất 12/1980)

Tham Thiền là Phương Pháp Khai Ngộ

Phật-giáo sau khi được truyền sang Trung Quốc thì phân làm năm tông phái là Thiền, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Thiền là Thiền-định; Giáo là Giáo-lý; Luật là Giới-luật; Tịnh là Tịnh-độ; Mật là trì Chú. Lúc này là lúc đã Thiền-thất, nên chỉ giảng về lý Thiền, còn bốn tông phái kia thì tạm thời không đề cập đến.

Thiền-na, dịch là "Tư Duy Tu," nghĩa là thường tư duy, suy gẫm về một việc. Việc gì? Tức là thoại đầu. Xem xét "Ai Niệm Phật?" gọi là tham Thiền. Kỳ thật, tham thoại đầu cũng chỉ là vọng tưởng; bất quá chúng ta dùng vọng tưởng để chế phục vọng tưởng, "dĩ độc công độc," tức là lấy một vọng tưởng để tiêu diệt nhiều vọng tưởng khác. Công phu tham thoại đầu đòi hỏi phải trải qua thời gian dài thì mới thành tựu, do đó nói: "Tham cứu lâu mới có Thiền."

"Tham" cũng giống như lấy cái khoan đục vào gỗ vậy. Chưa đục xuyên thủng thì chưa ngừng, chẳng thể nửa đường bỏ phế; bởi nếu thế thì công phu từ trước hoàn toàn vất bỏ. Tham Thiền, quan trọng nhất là nhấn nạy được. Khi nhấn nạy đến chỗ tột đỉnh thì có thể chẳng nầy sinh một vọng niệm nào cả. Khi "một niệm chẳng sinh" thì có thể khai ngộ. Có câu:

"Đầu sào trăm thước, dẫn thêm một bước."

Nghĩa là khi quý vị ở đầu ngọn sào dài trăm thước, quý vị vẫn tiếp tục bước thêm một bước nữa. Lúc ấy, "mười phương thế giới đều hiện toàn thể." Song, pháp môn này mỗi niệm lúc nào cũng tu trì thì mới có hiệu quả; không thể lười biếng, không thể buông lung. Trong *Chứng Đạo Ca* có nói rằng:

Đốn giác liễu Như Lai Thiền

Lục Độ Vạn Hạnh thể trung viên

Mộng lý minh minh hữu Lục Thú,

Giác hậu không không vô đại thiên.

Nghĩa là:

Thiền Như Lai thoát hiểu rồi.

Lục Độ, vạn hạnh, thể tròn đầy.

Mộng thì rõ ràng có sáu nẻo,

Ngộ xong trống rỗng, chẳng đại thiên.

"Đốn" tức là lập tức giác ngộ một đạo lý. Rằng:

Lý khả đốn ngộ, sự tu tiệm tu.

(Lý có thể hiểu ngay lập tức, song sự thì phải từ từ tu.)

Về "sự" thì chúng ta cần phải tu từng bước một, còn về "lý" thì cần phải hiểu rõ ngay tức khắc. Khi đốn-ngộ thì chúng ta biết giếng ở đâu để đi lấy nước; còn lúc chưa đốn-ngộ thì chúng ta chỉ nghe tiếng dây ròng rọc kéo nước mà không biết giếng ở đâu. Ví dụ này thuyết minh Phật-tánh từ đâu lại. Làm sao để chứng đắc Phật-tánh? Chứng Phật-tánh không có pháp gì khác, chỉ một cách là tham Thiền, ngồi Thiền.

Lục Độ là pháp môn Bồ-tát tu hành. Bồ thí thì "độ" tánh bỏ xén và tham lam. Trì giới thì "độ" việc hủy phạm. Nhẫn nhục thì "độ" tánh sân hận. Tinh tấn thì "độ" thói giải đãi, biếng nhác. Thiền định thì "độ" sự tán loạn. Trí huệ thì "độ" tâm ngu si. Khi Lục Độ tu đến viên mãn thì mới khai ngộ đặng.

Chúng ta lúc nào cũng ở trong mộng. Rằng:

Nhân sinh nhất trường mộng,

Nhân tử mộng nhất trường.

Mộng lý thân vinh quý,

Mộng tỉnh tại cùng hương,

Triều triều thị tác mộng,

Bất giác mộng hoàng lương,

Mộng trung nhược bất giác,

Uống tác mộng nhất trường.

Nghĩa là:

Người sống: một tràng mộng,

Người chết: mộng một tràng.

Trong mộng thân vinh quý,

Tỉnh mộng vẫn nghèo xơ,

Ngày ngày cứ nằm mộng,

Chẳng biết mộng "kê vàng,"

Nằm mộng mà chẳng biết,

Uống thay mộng một tràng.

Lúc mộng, chúng ta thấy rõ ràng có Lục-thú (sáu nẻo: trời, người, A-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục); đến lúc giác ngộ mới thấy tam thiên đại thiên thế giới đều chẳng có. Vì sao? Vì không còn chấp trước. Chẳng còn chấp trước thì đem vạn vật "phản bổn hoàn nguyên"; như thế làm sao còn ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng đặng? Mọi thứ đều chẳng còn! Có người nghe rằng bốn tướng đều hết thì chẳng dám tu hành, vì ngộ nhận rằng: "Tu đến cực điểm thì người ta chẳng hiện hữu nữa, chúng sinh cũng hết sạch, thọ giả cũng không còn, vậy thì sao đây? Lúc ấy công việc làm cũng hết luôn, e rằng tôi sẽ thất nghiệp mất!"

Quý vị nhất định cần có việc làm sao? Vậy thì cứ tiếp tục điên đảo! Khi tu hành đến chỗ không còn bốn tướng, thì quý vị sẽ "quét sạch tất cả pháp, xa rời tất cả tướng," chúng đặc Thực-tướng của mọi sự. Rằng:

Nhất pháp bất lập, vạn pháp giai không.

(Một pháp chẳng lập, mọi sự đều không.)

Chẳng thể nói suông là mình hiểu đạo lý này, mà chúng ta bắt buộc phải chân chính chứng đắc cảnh giới "một pháp chẳng lập, mọi sự đều không." Lúc ấy sẽ chẳng còn gì là khổ, chỉ hưởng thọ sự an lạc.

Người ta ở đời, nếu không chấp trước danh vọng thì cũng ôm chặt lợi lộc, không chấp trước tiền tài, thì lại mê đắm sắc đẹp, do đó không thể nhìn thủng (hiện tượng), chẳng thể buông bỏ (mọi chấp trước). Muốn nhìn thủng, muốn buông bỏ, song lại chẳng đứng. Vì sao chẳng kham? Bởi vì trong tâm có "con quỷ" tinh tế và "con sâu" linh lợi tác quái, do đó rất nhiều việc mình để lỡ cơ hội, đối diện với Đức Quán Âm mà chẳng nhận ra Ngài. Đức Quán Âm Bồ-tát ở ngay trước mặt, thế mà cứ đi tìm kiếm khắp nơi. Đó chính là bị điên đảo vọng tưởng chi phối vậy.

Chữ "tham" trong tham Thiền có nghĩa là quán chiếu, quan sát. Quán chiếu cái gì? Quán chiếu Bát-nhã. Nghĩa là trong mọi ý niệm, mọi thời điểm, quý vị phải quan sát chính mình ở đây (*tự tại*), đừng quan sát kẻ khác (*tha tại*). Hãy quán sát xem mình có ở tại đây hay chẳng-nếu mình ở đây thì có thể tham Thiền, dụng công tu hành; nếu mình chẳng ở đây, tức là mình khởi vọng tưởng lăng xăng, nghĩ ngợi vớ vẩn. Thân tuy ở trong Thiền-đường, nhưng tâm lại dong ruổi tận Nữu Ước hay Ý Đại Lợi. Tới đâu cũng phan duyên, thành ra không tự tại nữa.

Quán chiếu tự tại tức là Bồ-tát. Quán chiếu không tự tại tức là phàm phu. Quán chiếu tự tại là thiên đường. Quán chiếu không tự tại là địa ngục. Nếu chúng ta quán chiếu với sự tự tại, tâm không chạy ra ngoài, thì có thể "thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu." Lúc tham Thiền, thân ngồi tại Thiền-đường, tâm miên mật tham cứu liên tục, không gián đoạn, thì mới đúng là thực hành Bát-nhã thâm sâu, tìm được trí huệ. Khi đắc đại trí huệ thì mới tới được bờ bên kia, bờ giải thoát.

Bí quyết tham Thiền là "*triều dã tư, tịch dã tư*" (ngày tham cứu, đêm cũng tham cứu). Tham cứu cái gì? Tham cứu "Niệm Phật là Ai?" Ngày nay tham cứu, ngày mai tham cứu. Ngày ngày tại Thiền-đường "thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu," song không phải chỉ một thời gian ngắn là có thể nếm được mùi vị Thiền ngay đâu. Quý vị phải trải qua thời gian dài lâu mới được. Khi có công phu "thực hành Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu" thì mới có thể "soi thấy năm Uẩn đều không."

Năm Uẩn còn gọi là năm Ấm. "Uẩn" có nghĩa là tụ tập; "Ấm" có nghĩa là che đậy, bao phủ. Vì sao chúng ta không được tự tại, không đắc giải thoát? Bởi vì chúng ta bị năm Ấm che phủ! Năm Uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, và thức.

1. Sắc-uẩn: Có chương ngại thì gọi là sắc, có hình tướng cũng là sắc. Sắc-uẩn chẳng không thì thấy sắc sẽ bị sắc-trần mê hoặc, nghe âm thanh thì bị thanh-trần mê hoặc, ngửi mùi hương thì bị hương-trần mê hoặc, nếm mùi vị thì bị vị-trần mê hoặc, tiếp xúc với vật thì bị xúc-trần mê hoặc. Nếu khiến cho sắc-uẩn là không, thì bên trong không có tâm, bên ngoài không có hình tướng, xa gần không có vật thể. "Sắc" cũng có nghĩa là đủ thứ sắc đẹp, nhan sắc khiến mắt ta hỗn loạn, không nhận biết rõ ràng, mờ mịt giống như kẻ mù vậy. Trong Đạo Đức Kinh có nói:

Ngũ sắc linh nhân mục manh,

Ngũ âm linh nhân nhĩ lung,

Ngũ vị linh nhân khẩu sàng.

Nghĩa là:

Năm sắc khiến mắt người mù,

Năm âm khiến tai người điếc,

Năm vị khiến miệng người dở.

Những thứ ấy đều do bị sắc-uẩn mê hoặc. Nếu phá được sắc-uẩn rồi, thì núi sông, đất đai, thành quách, nhà cửa đều rỗng *không* cả, chẳng còn gì rắc rối nữa. Do đó, sắc-uẩn chưa không, thì chúng ta còn chấp trước ở sắc. Khi chấp trước ở sắc thì không thể trừ khử được *kiến-hoặc* (sự mê muội của cái thấy).

Kiến-hoặc là do khi gặp cảnh thì khởi lòng tham ái. Cảnh giới tức là sắc. Khi đối trước cảnh giới nào cũng sinh lòng tham lam hay yêu thích, tức là có chấp trước. Kiến-hoặc có tám mươi tám phẩm; nếu chặt đứt hết được thì sẽ chứng Sơ-quả A-la-hán. Người tu Đạo chúng ta, trước tiên cần phải đoạn tám mươi tám phẩm kiến-hoặc vốn tồn tại trong Tam-Giới, rồi sau đó mới đoạn trừ tám mươi một phẩm *tư-hoặc* ở Tam-Giới.

Tư-hoặc là do mê muội chân lý nên khởi phân biệt, tức là đối với tất cả đạo lý mình không nhận thức được rõ ràng. Khi đoạn trừ hết tám mươi một phẩm tư-hoặc thì sẽ chứng Tứ-quả A-la-hán.

2. Thọ-uẩn. "Thọ" là lĩnh nạp lĩnh thọ, phát sinh cảm giác. Khi cảnh giới đến, chẳng cần suy nghĩ gì, liền tiếp thụ lĩnh nạp, phát ra cảm giác. Như ăn món gì, cảm giác thấy ngon, đó là "thọ." Mặc áo đẹp, cảm thấy vui, cũng là "thọ." Ở nhà tốt, cảm thấy thích, đó là "thọ." Ngồi xe tốt, có cảm giác êm ái, đó cũng là "thọ." Khi thân tiếp thọ bất kỳ thứ gì, cảm giác ra sao, đều gọi là "thọ."

3. Tưởng-uẩn: tức là tư tưởng, ý niệm. Vì năm Căn tiếp xúc, lãnh thọ cảnh giới của năm Trần nên phát sinh ra đủ thứ vọng tưởng, đủ thứ ý niệm. Chúng thoát sinh ra thoát diệt mất, khởi lên tác dụng suy nghĩ đến sắc, đến thọ.

4. Hành-uẩn. *Hành* có ý nghĩa thiên lưu, dời đổi, lúc tới lúc đi, lúc đi lúc tới, chẳng khi nào ngừng nghỉ, trôi mãi không dừng. Động cơ làm ác làm thiện là ở trong tâm, song do vọng tưởng, suy tư chi phối và phản ảnh qua những hành vi, cử chỉ của thân khẩu ý (mọi hành vi ấy đều thuộc hành-uẩn).

5. Thức-uẩn. *Thức* có ý nghĩa phân biệt; cảnh giới tới thì sinh tâm phân biệt. Ví dụ: Thấy sắc đẹp thì sinh lòng vui thích, nghe lời ác thì sinh lòng ghét bỏ, v.v...

Nếu phá thủng được năm Uẩn thì sẽ vượt qua mọi khổ ách, cũng chẳng còn tai ách gì cả. Vì sao chúng ta có tai ách? Bởi vì chúng ta chưa dẹp bỏ được hai thứ chấp trước là chấp ngã và chấp pháp (mọi sự mọi việc).

Trong bài *Chứng Đạo Ca* của Đại sư Huyền Giác có nói:

Ngũ Uẩn phù vân không khứ lại;

Tam Độc thủy bào hư xuất một.

Nghĩa là:

Năm Uẩn như mây trôi, chẳng đến đi,

Ba Độc như bọt nước, giả có, mất.

Năm Uẩn xưa nay vốn không có tự tánh, hết như đám mây trôi, thoát nhiên có, thoát nhiên mất. Khi không rõ thấu đạo lý này, chúng ta sẽ mãi bị năm Uẩn che lấp, không thể tự tại, không đạt giải thoát. Người tu Đạo phải phá năm Uẩn. Như mây bay lại, mặc nó lại; nếu nó trôi đi, mặc nó đi. Không

cần chú ý tới, không cần chấp trước nó. Ba thứ độc tham, sân, si thì giống như bọt nước, vốn không có thực thể. Chúng tự sinh ra rồi tự mất đi, nên đừng chấp trước vào chúng. Bài "Chứng Đạo Ca" lại nói:

Chứng Thực-tướng, vô nhân pháp,

Sát-na diệt khước A-tỳ nghiệp.

Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sinh,

Tự chiêu bạt thiết trần sa kiếp.

Nghĩa là:

Chứng Thực-tướng, không nhân, pháp,

Sát-na rũ sạch nghiệp A-tỳ.

Nếu đem lời dối, gạt chúng sinh,

Tự chịu cắt lưỡi hằng sa kiếp.

"Thực-tướng" tức là "vô tướng, vô sở bất tướng" (không có hình tướng gì, song không có gì chẳng phải là nó). Cũng có nghĩa là "tảo nhất thiết pháp, ly nhất thiết tướng" (quét sạch tất cả mọi pháp mọi sự; rời bỏ mọi hình tướng, mọi quan niệm). Có thể nói là "phản bản hoàn nguyên, chứng đắc tự tánh thanh tịnh." Tới được cảnh giới này thì cũng chẳng có người, chẳng có pháp. Nhân, pháp đều quên hết. Cũng không còn chấp người, hết luôn chấp pháp (mọi sự mọi việc). Đó là chứng đắc lý và thể của Thực-tướng. Lúc ấy chỉ trong sát-na, có thể tất cả tội nghiệp đọa địa ngục Vô-gián đã tạo ra trong vô lượng kiếp về trước lập tức tiêu diệt hoàn toàn. Đại sư Vĩnh Gia nói rằng: "Nếu tôi đem lời giả dối để gạt gẫm chúng sinh, tôi xin cam tâm tình nguyện xuống địa ngục rút lưỡi, chịu khổ trong vô số kiếp nhiều như cát bụi vậy."

Lúc ở Thiền-đường, quý vị hãy chân thật tu hành. Giống như kéo tấm, quý vị phải nhấn nạy, từ từ kéo từng sợi tơ thì mới không bị rối. Chớ nên tự cho mình là thông minh, muốn tìm đường tắt, muốn dùng phương pháp khoa học để khai ngộ; đó chỉ là suy nghĩ vớ vẩn. Nếu khoa học có thể làm cho khai ngộ, thì các nhà khoa học gia đã không tự chui vào thế kẹt, họ đã sớm khai ngộ từ lâu rồi và chẳng ai có thể dự phần để khai ngộ với họ đâu! Chớ nên nghĩ ngợi mong lung mà phải thành thật, đúng phép mà tham cứu "Niệm Phật là Ai?" Lưng mõi cũng phải chịu, chân đau cũng phải nhấn; nhấn nạy mãi sẽ tới lúc quý vị khai ngộ. Rằng:

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,

Chấm đặc mai hoa phác ty hương?

Nghĩa là:

Không qua một lần lạnh buốt xương,

Sao được hoa mai tỏa ngát hương?

Quý vị hãy chú ý! Chớ quá thông minh rồi lại bị sự thông minh đánh lừa mình. Phải nhớ: Một phần nỗ lực tu hành là một phần công phu. Tu hành là chân thật công phu, không phải "khẩu đầu thiền" (thiền nói suông). Chỉ nói suông mà không thực hành, thì không ích lợi gì. "Thiền nói suông" chẳng những không giúp gì việc khai ngộ mà ngược lại còn chướng ngại là khác. Do đó nói: "Không nói, mới là Thiền."

Một niệm linh quang có thể triệt chiếu thiên địa, quý vị cùng mười phương ba đời chư Phật chẳng hề khác biệt. Vì sao chúng ta không thể chứng đắc Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhãn, Lục Thông? Vì kẻ phàm phu chúng ta vọng tưởng quá nhiều, do đó trí huệ bị che khuất, chẳng có quang minh, thành ra vô minh. Cả ngày cứ khởi mê hoặc, tạo nghiệp, nên thọ nhận quả báo đau khổ trong vòng sinh tử.

Tam Thân tức là Pháp-thân, Báo-thân, Ứng-thân (hoặc Hóa-thân).

Tứ Trí tức là Thành-sở-tác Trí, Diệu-quán-sát Trí, Bình-đẳng-tánh Trí, Đại-viên-kính Trí.

Ngũ Nhãn tức là Nhục-nhãn, Thiên-nhãn, Pháp-nhãn, Huệ-nhãn, Phật-nhãn.

Lục Thông tức là Thiên-nhãn Thông, Thiên-nhĩ Thông, Tha tâm Thông, Túc-mạng Thông, Thần-túc Thông, Lậu-tận Thông.

Khi quý vị không có vọng tưởng gì thì mới chứng đắc những cảnh giới này. Đây chẳng phải là thứ triết lý, lý luận huyền diệu bí ẩn gì cả, chỉ là một thứ hiện tượng tự nhiên, từ chân thật công phu mà chứng đắc. Chẳng có chút gì kỳ lạ, rất là bình thường.

Từ vô thủy kiếp đến nay chúng ta bị vô minh che phủ, chẳng gặp được bậc Thiện-tri-thức dắt dẫn, không biết thế nào là *minh tâm kiến tánh* (minh ngộ tự tâm, triệt kiến bốn tánh), không biết thế nào là *phản bổn hoàn nguyên* (trở về nguồn cội). Chúng ta tu Thiền chính là để minh tâm kiến tánh, để phản bổn hoàn nguyên vậy. Nếu được giải thoát thì sẽ không còn quái ngại, ngăn trở, xa rời mọi *điên đảo mộng tưởng*, cuối cùng tới đặng Niết-bàn vậy.

Thiền thất 12/1980

Không Trừ Vọng Tưởng thì Chẳng Thể Khai Ngộ

Mục đích tham Thiền là để khai mở trí huệ, cầu giải thoát. Chúng ta phải chuyên tâm trì chí tham cứu câu "Ai là kẻ niệm Phật?" Khi tham tới cực điểm, quý vị sẽ quên bằng tất cả mọi vọng tưởng-quên ăn uống, phục sức, ngủ nghỉ, và thậm chí quên cả đại, tiểu tiện! Lúc bấy giờ, "gió thổi không lọt, mưa rơi không thấm," quý vị chỉ miên mật tham chữ "Ai" mà thôi! Một niệm duy nhất này kiên cố như kim cang, không gì phá hoại nổi. Bấy giờ, quý vị "trên không biết có trời, dưới không biết có đất, ở giữa không biết có người"-tức là đạt tới cảnh giới "không có người, không có mình, không có chúng sinh, không có thọ giả"; và đó cũng là lúc mà quý vị thể nghiệm được trạng thái "trong không có thân tâm, ngoài chẳng có thế giới"-mình cùng vũ trụ đã hợp thành một thể.

Xưa kia, nhiều bậc đại đức cao tăng đã có thể đạt tới trình độ "nhất niệm bất sinh" (không sinh vọng tưởng):

"Tuy suốt ngày ăn cơm, nhưng chưa hề ăn một hạt gạo.

Tuy suốt ngày mặc áo, song chưa hề mặc một sợi tơ."

Khi đạt tới cảnh giới "vô nhân, vô ngã," không còn sự chấp trước về mình, người, thì làm gì có thời giờ để khởi vọng tưởng nữa chứ? Các vị ấy cho rằng lãng phí một phút cũng có thể làm vuột mất cơ hội khai ngộ, do đó họ chuyên tâm tham cứu câu "Ai là kẻ niệm Phật?"; chưa tìm ra được chữ "ai" thì họ chưa chịu nghỉ ngơi. Tìm chữ "Ai" là phương pháp khống chế vọng tưởng tốt nhất.

Tại Chùa Cao Môn ở Dương-châu có một vị sư tên là Diệu Độ. Khi Thầy tham Thiền tới trình độ "đi mà không biết là mình đang đi, đứng mà không biết là mình đang đứng, ngồi mà không biết là mình đang ngồi, nằm mà không biết là mình đang nằm," thì cái gì Thầy cũng chẳng nghĩ tới, chỉ chú tâm vào câu "Ai là kẻ niệm Phật?" mà thôi. Có một hôm, Thầy muốn tiểu tiện nhưng vì chuyên tâm tham cứu chữ "Ai" quá miên mật nên Thầy vào lộn Thiền Vương Điện và lầm tưởng phía trước bệ Đức Bồ-tát Vi Đà là nhà xí! Ngay lúc sắp tiểu tiện, Thầy chợt ngẩng đầu lên và thấy Bồ-tát Vi Đà đang trừng mắt nhìn

mình, tay thì giơ cao cây bảo-xử, khiến Thầy sợ hãi đến tỉnh táo cả người! Biết là mình đã đến lộn chỗ, Thầy vội vã sụp lạy Bồ-tát Vi Đà, sám hối tội lỗi, cầu xin Bồ-tát tha thứ.

Vì sao có thể có chuyện như vậy? Là vì Thiên-sư Diệu Độ chuyên tâm dụng công, một lòng một dạ tham cứu chữ "Ai," hoàn toàn không để ý đến những việc khác, cho nên Thầy mới lầm tưởng Thiên Vương Điện là nhà vệ sinh!

Có người nghĩ vớ vẩn rằng: "Tôi cũng bắt chước Thiên-sư Diệu Độ, tôi sẽ lên đài Quán Âm thay vì dùng nhà vệ sinh!" Nếu quý vị cố ý làm như vậy thì quý vị cách xa Đạo mười vạn tám ngàn dặm rồi! Quý vị nên biết rằng Thiên-sư Diệu Độ chẳng bắt chước ai cả, Thầy chỉ nhất tâm tham cứu câu "Ai là kẻ niệm Phật?", mài miết tập trung tinh thần vào một vấn đề, do đó mới xảy ra cố sự như vậy. Nếu quý vị cố ý bắt chước đi sai đường thì thật là sai lầm vô cùng; cho nên, ngay cả cái ý tưởng muốn bắt chước này quý vị cũng chớ nên có! Phải nhớ rằng:

"Sai một ly, đi một dặm."

Nhiều người ở trong Thiên-đường song chẳng chịu dụng công, cứ ngồi nghĩ ngợi lằng nhằng: "Sao chưa có ai đánh khánh vậy kìa? Mau mau khai tịnh để mình đuổi chân đuổi tay, vươn vai ưỡn lưng cho đỡ mỏi đi chứ!" Hoặc có người thì vọng tưởng tới chuyện ăn uống: "Vẫn chưa tới giờ ăn sao? Đói bụng chịu hết nổi rồi!" Có người thậm chí tính toán: "Đã mười hai ngày rồi, như vậy là còn chín ngày nữa công đức mới viên mãn. Mong sao xong lẹ lẹ cho rồi để mình khỏi phải bị hành tội nữa!" Người ta tham gia Thiên-thất thì mong cho thời gian càng dài càng tốt để được có thêm cơ hội khai ngộ, còn những người này ngồi trên Thiên-sàng mà cứ như ngồi trên bàn chông, lúc nào cũng thấy bút rút xoắn xang-nếu không đổi chân thì lại vươn vai, không ngồi yên được. Người ta thì nhập Định, còn họ thì nhập "phi phi," vọng tưởng lằng nhằng không ngớt. Nếu đã như vậy thì việc gì phải đến tham gia Thiên-thất? Cứ làm bộ làm tịch ra vẻ tu hành để làm gì kia chứ? Chi bằng đừng tới tham gia để khỏi phải tự chuốc lấy đau khổ cho rồi!?

Song, quý vị nên biết rằng muốn chấm dứt sinh tử thì phải đem hai chữ "sinh tử" treo ngang mày để hể mở mắt là thấy vấn đề sinh tử, nhắm mắt cũng không quên chuyện tử sinh. Lúc nào cũng phải dụng công tu hành thì mới có thể chấm dứt được sinh tử. Nếu tại Thiên-đường mà quý vị không luôn luôn nghĩ đến việc "liễu sinh thoát tử," trái lại lúc nào cũng nghĩ ngợi lằng nhằng, cứ lo vọng tưởng của mình chưa đủ nhiều, thì thật là đáng thương biết bao!

Người dụng công tu Đạo thì không được khởi vọng tưởng dù chỉ trong một giây. Có câu rằng:

"Đại sự vị minh, như táng khảo tử."

(Việc lớn chưa rõ, như đưa đám cha mẹ.)

Khi chúng ta chưa hiểu được "sinh tử đại sự" thì cũng đáng buồn thảm, bị ai giống như cha mẹ qua đời vậy. Do đó, lúc tham Thiên thì phải luôn luôn dụng công tu hành, chớ lằng phí một giây một phút và cũng chớ buông lung. Dụng công tới lúc "lô hóa thuần thanh," công phu chín muồi, thì tự nhiên sẽ có cảm ứng. Có cảm ứng thì công phu mới tương ứng. Cho dù đã khai ngộ rồi quý vị cũng vẫn phải không ngừng cố gắng tiến tới trước. Đừng lười biếng, đừng tự giam hãm mình nơi "hóa thành;" đừng cho rằng tới đây là hết, rồi không muốn tiến thêm nữa. Những ý tưởng như vậy chính là các hòn đá cản trở sự tu hành.

Biết rõ ràng là vọng tưởng không làm ta khai ngộ, vậy thì tại sao vẫn cứ khởi vọng tưởng chứ? Biết rõ ràng đó là vọng tưởng mà tại sao không quét sạch chúng đi? Đó chính là khuyết điểm của đa số người đời - biết rõ mà vẫn cố ý vi phạm. Nói rõ ra tức là quý vị vẫn "không thể nhìn thủng, chẳng thể buông bỏ," vẫn còn chấp trước cái này, câu nệ cái nọ, chấp nam chấp nữ..., kết quả là lằng phí hết thời giờ quý báu.

Thời gian đã Thiên-thất là vô cùng quý giá, bởi vì không dễ gì mà gặp được cơ duyên tốt đẹp như thế. Trong thời gian này, quý vị hãy ném hết mọi vọng tưởng lên chín tầng mây để cho lòng được thanh

tịnh, chuyên chú vào câu "Ai là kẻ niệm Phật?" Đừng xao lãng! Mọi người hãy nỗ lực tham Thiền! Tham! Tham! Tham!

(Thiền thất 12/1980)

Khai Ngộ Phải Được Ấn Chứng Mới Đúng Pháp

Trước thời Oai Âm Vương Phật ra đời, ai ai cũng có thể khai ngộ mà chẳng cần người nào ấn chứng cả. Từ thời Oai Âm Vương Phật trở về sau, những ai tự giác khai ngộ đều nhất định phải có Tổ-sư hoặc bậc *Thiền-tri-thức* (đã khai ngộ) ấn khả, chứng minh thì mới đúng phép. Cũng như ở Pháp-hội Lăng-Nghiêm, có hai mươi lăm vị Thánh-nhân tường thuật sự chứng đắc viên-thông của họ và thỉnh Đức Phật Thích-Ca ấn chứng.

Bây giờ tôi kể cho quý vị nghe một công án về sự ấn chứng.

Đời Đường (nước Trung Hoa), có Đại-sư Vĩnh Gia. Ngài sinh ở huyện Vĩnh-gia, tỉnh Triết-giang. Bởi vì cả đời Ngài không rời huyện Vĩnh-gia nên người đương thời gọi Ngài là Đại-sư Vĩnh Gia. Sau khi xuất gia, Ngài nghiên cứu giáo lý Thiền-Thai Tông, thích tu Thiền-quán; nhờ xem *Kinh Duy Ma Cật* mà hoát nhiên đại ngộ. Về sau, khi gặp Thiền-sư Huyền Sách (đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng), ngài Vĩnh Gia bèn thuật lại tự sự. Thiền-sư Huyền Sách khuyên ngài nên đến Tào-khê tham bái Lục Tổ để thỉnh cầu ấn chứng; nếu không, chẳng nhờ thầy mà ngộ, thì là hàng "ngoại đạo Thiên-nhiên."

Khi ngài Vĩnh Gia tới Chùa Nam Hoa ở Tào-khê, gặp đúng lúc Lục Tổ đang tọa Thiền. Ngài rất cố gắng cố gắng, tới bên Thiền-sàng của Lục Tổ, cũng chẳng vái chào, chẳng đánh lễ, cầm cây tích-trượng đi nhiều quanh Thiền-sàng ba vòng, rồi đứng chống tích-trượng.

Lục Tổ mới hỏi: "Một vị Sa-môn cần hội đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Một hạnh cũng không khiếm khuyết thì được gọi là Sa-môn (dịch là Cần Túc-cần tu Giới Định Huệ, tức diệt Tham Sân Si-siêng tu Giới Định Huệ, dứt bỏ Tham Sân Si). Đại-đức từ nơi nào tới, sinh lòng đại ngã mạn như thế?"

Ngài Vĩnh Gia đáp: "Chuyện lớn là sinh tử, vô thường quá chóng vánh."

Lục Tổ hỏi: "Sao không thể hội cái *vô sinh*? Sao chẳng liễu ngộ thứ chẳng chóng vánh?"

Ngài Vĩnh Gia đáp: "Thể hội tức là vô sinh. Liễu ngộ vốn không chóng vánh."

Lục Tổ dạy rằng: "Ông thật hiểu ý nghĩa của vô sinh vậy."

Ngài Vĩnh Gia hỏi vặn: "Vô sinh mà còn có ý hay sao?"

Lục Tổ trả lời rằng: "Không có ý thì ai đang phân biệt?"

Ngài Vĩnh Gia đáp: "Phân biệt cũng chẳng phải là ý!"

Lục Tổ dạy: "Nhuệ! Như thế!"

Rồi ngài Vĩnh Gia được ấn khả chứng minh, trở thành Pháp-tự của Lục Tổ.

Sau khi được Lục Tổ ấn chứng, ngài Vĩnh Gia muốn lập tức trở về Chùa Khai Nguyên ở Vĩnh-gia. Song Lục Tổ lưu ngài ở lại một đêm, hôm sau mới xuống núi về quê nhà. Bởi vì chỉ trong một đêm mà giác ngộ được chân-đế của Phật-pháp nên người đương thời gọi ngài là "Nhất Túc Giác Hòa Thượng" (vị Sư giác ngộ nội trong một đêm). Về sau ngài cực lực tuyên dương pháp Đốn-ngộ của Thiền-môn, viết tác phẩm *Chứng Đạo Ca* thuyết minh cảnh giới đốn-ngộ. Đó là một tác phẩm bất hủ, đã trở thành bản văn phải học trong Phật môn.

Khi chúng ta ngồi trong Thiền-đường, cứ nhìn bề ngoài thì giống như chúng ta đang dụng công tu hành, song thật ra thì chỉ ngồi nghĩ ngợi, vọng tưởng lăng xăng, chẳng dụng công tu hành chút nào cả. Có vị nghĩ rằng: "Bây giờ là thời đại khoa học, phải dùng phương pháp khoa học để khai ngộ"; nhưng lại nghĩ lui nghĩ tới mãi, chẳng chút khoa học gì cả, đó chính là "kẻ ngốc nói chuyện mộng mỵ."

Kẻ nào khai ngộ rồi thì đều phải thẳng được mọi khảo nghiệm, nếu không y sẽ mắc tội đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục Vô-gián. Phàm lẹ, ai tự rêu rao về mình: "Tôi đã khai ngộ rồi! Tôi đã chứng quả rồi!" thì đều phải chịu quả báo (đọa địa ngục). Hy vọng quý vị đều hết sức cẩn thận, không tùy tiện nói càn, kéo về sau phải chịu quả báo!

Ở đây quý vị dậy rất sớm, ngủ thật trễ. Vì sao lại tu cực khổ như vậy? Bởi vì thêm một phút tham Thiền là thêm một cơ hội giác ngộ. Hiện tại quý vị ngồi ở Thiền-đường tập trung tinh thần, dụng công tham cứu câu "Niệm Phật là ai?", tuy chẳng phải là không có vị chuyên tâm dụng công, song những vị chân chính muốn giác ngộ, đắc được thọ dụng, thì ít lắm. Phần đông người ta không biết rõ việc tham Thiền ra sao, cũng không nhiệt tâm; họ chỉ tu cho có lệ, làm cho qua ngày. Với thái độ giả Thiền-thất như vậy thì dù có đa thất tới "tận vị lai kiếp" cũng chẳng thể khai ngộ được. Tôi hy vọng mỗi quốc gia đều có nhiều vị giác ngộ, để họ giúp ích cho tiền đồ Phật-giáo mai sau.

Trong lúc giả Thiền-thất, quý vị chớ nói chuyện, đừng nghĩ ngợi lăng xăng. Quý vị hãy chân thật dụng công thì mới có cảm ứng, mới khai trí huệ. Có trí huệ thì mới không điên đảo. Không điên đảo thì mới có thể giáo hóa chúng sinh. Nếu chính mình không hiểu rành mạch chân lý thì lấy tư cách gì để dạy kẻ khác? Đây chẳng phải là "kẻ dui dắt người mù" sao? Thật là vô cùng nguy hiểm!

Việc tham Thiền thì cũng tương tự như bác nông phu gieo hạt ngũ cốc vào mùa xuân; đến mùa hè thì cày cấy, tưới nước, nhổ cỏ, bón phân; qua mùa thu mới gặt được mùa tốt và khi mùa đông tới thì bác mới được no ấm. Hy vọng suốt một năm của bác nông phu là được đủ ăn đủ mặc. Tham Thiền cũng vậy. Quý vị cần cẩn thận giữ chặt tâm niệm, lúc nào cũng quán thúc chính mình. Trong Thiền-đường, lúc đi mình có dụng công chăng? Lúc ngồi mình có dụng công chăng? Nói tóm lại, đi, đứng, nằm, ngồi, đều phải dụng công tu hành. Quý vị cảm thấy dụng công làm sao thích hợp, thì cứ theo đó mà dụng công, chẳng có gì hạn chế. Ví dụ, quý vị cảm thấy tham thoại đầu chẳng tương ứng, thì có thể niệm Phật, hoặc tu chỉ-quán. Chỉ cần phương pháp ấy thích hợp, tương ứng với quý vị thì quý vị sẽ có cơ thành tựu.

Vô luận là dụng công ở pháp môn nào, tâm phải chuyên nhất, đừng có vọng tưởng. Khi dụng công tới cực độ thì sẽ có tin tức tốt đẹp. Nếu có vọng tưởng, suy nghĩ lăng xăng hoài, thì dụng công ở pháp môn nào cũng chẳng có tương ứng. Phàm nếu là người chân chính dụng công, thì đi chẳng biết là đi, ngồi cũng chẳng biết là ngồi-đi hay ngồi-đều không để ý thì làm sao khởi vọng tưởng được chứ? Quý vị chỉ cần biết "Niệm Phật là ai? Niệm Phật là ai?" Cứ một câu này, niệm niệm chớ để gián đoạn, luôn luôn tham cứu trong lòng. Bây giờ, dù khát quý vị chẳng biết khát, đói cũng chẳng biết đói; nóng cũng không biết là nóng, lạnh cũng chẳng hay là lạnh. Vì sao không biết? Vì tâm chuyên nhất vậy. Lưng đau cũng quên đau, chân nhức cũng không biết nhức, mọi ý niệm đều tiêu vong cả. Chỉ còn có một niệm: "Ai niệm Phật?" Luôn đề khởi nó, rồi buông bỏ. Buông bỏ xong lại đề khởi. Lúc nào cũng miên mật, dụng công liên tục, không gián đoạn. Dụng công tới chỗ cực độ, thì bất kỳ một va chạm ngẫu nhiên nào cũng có thể làm quý vị hốt nhiên khai ngộ.

Tại sao quý vị không hốt nhiên khai ngộ? Vì quý vị chưa chuyên tâm trì chí, chưa hiểu đạo lý *minh tâm kiến tánh*, không biết cảnh giới *phản bốn hoàn nguyên*, cũng chẳng biết cổ hương ở nơi đâu nên lưu lạc nơi đất khách như tên ăn mày.

Cuối cùng tôi nói với quý vị câu này: Hãy tham cứu câu "Niệm Phật là ai?" cho tới chỗ "núi cùng nước cạn, nghi hết đường"; bấy giờ, quý vị sẽ thấy cảnh giới "bóng liễu, hoa xinh hiện một thôn."

(Thiền thất 12/1980)

Thiện, Ác Không Rời Một Niệm Ở Tâm Ta

"Không làm việc ác,

Làm mọi việc lành,

Tự thanh tịnh tâm mình,

Là điều Phật dạy."

Đây là chân-đế của đạo Phật. Ai cũng hiểu đạo lý ấy, song chẳng ai thực hành được cả, nên thiên hạ đại loạn.

Đa Thiên-thất tức là cơ hội tốt nhất để chúng ta "sửa ác hướng thiện, sửa lỗi đổi mới." Với một ý niệm ác độc, thiên địa có thể sinh ra cuồng phong, bão táp, tạo đủ tai ương. Nếu nhân loại khắp toàn cầu ai ai cũng biết thọ giữ Năm Giới, thực hành Mười Thiện, thì trời đất sẽ mưa thuận gió hòa, thế giới nơi nơi an lạc. Nói tóm lại, nếu trên từ bậc nguyên thủ xuống tới nhân dân trăm họ, ai cũng giữ Năm Giới, làm Mười Thiện, thì quốc gia ấy hẳn được cơm ăn áo mặc sung túc, người người an cư lạc nghiệp. Nếu mọi người phạm Năm Giới, tạo Mười Ác, thì chẳng phải nghi ngờ gì nữa, tại quốc gia ấy, gia đình sẽ không hòa thuận, xã hội không an ninh, đất nước chẳng giàu mạnh, nhân dân phải sống cuộc đời lầm than, vất vả.

Tham Thiền chính là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Tại Thiền-đường, quý vị hãy chuyên tâm tham Thiền, đề khởi thoại đầu, buông bỏ mọi chuyện, chuyên tâm vào chữ "Ai." Lúc nào cũng chiếu tìm, khiến tất cả mọi vọng tưởng khác đều ngừng lại hết, đó chính là trì giữ Năm Giới, cũng là thực hành Mười Thiện. Do vậy, tọa Thiền ở Thiền-đường thì đầy đủ Năm Giới, Mười Thiện vậy. Vì thế, chớ nên lãng phí thời giờ, nghĩ chuyện vớ vẩn vô ích, mà phải nắm lấy thời cơ tham cứu "Niệm Phật là ai?"

Lúc tham Thiền, chúng ta cần phải nỗ lực dụng công, dùng mãnh tinh tấn. Chúng ta phải *hồi quang phản chiếu* (thâu nhiếp tâm trí, chiếu ngược nội tâm), tự vấn lòng mình, hỏi xem mình đã sinh bao nhiêu niệm thiện, dấy bao nhiêu niệm ác, khởi bao nhiêu vọng tưởng. Hãy thống kê xem.

"Chưa sinh niệm thiện, khiến sinh thiện niệm

Đã sinh niệm thiện, khiến nó tăng trưởng

Chưa sinh niệm ác, khiến nó chẳng sinh

Đã sinh niệm ác, khiến nó diệt mất."

Đó là bước đầu căn bản của việc tu hành.

Vì sao thế giới bị hủy diệt? Vì người ta khởi "ít niệm thiện, nhiều niệm ác." *Với một niệm thiện, trời đất tăng thêm chính khí. Chỉ một niệm ác, trời đất chất thêm trược khí.* Vì thế chúng ta phải làm sao để biến khí ác-trược thành khí an-lành. Trược-khí chính là độc-khí, mà hễ chúng ta sinh một niệm tham lam thì độc-khí trong vũ trụ sẽ tăng lên một chút, nảy một niệm sân hận thì độc-khí trong vũ trụ cũng tăng lên một ít, khởi một niệm si mê thì độc-khí trong vũ trụ lại thêm hơn một tí. Nếu chúng ta dùng tham, sân, si để xử lý mọi việc thì trời đất sẽ u ám đen tối, tai nạn sẽ nảy sinh; nhưng nếu dùng Giới Định Huệ để giải quyết mọi sự thì trời trong đất lặng, nơi nơi an bình. Do đó nói rằng, nơi kẻ ác ở đông, chỗ đó tai nạn dấy dầy; nơi đồng người tốt cư ngụ, điều lành tăng gia. Nói tóm lại, tại ương hay cát tường đều do con người tạo ra cả.

Cổ nhân nói: "Thiện ác hai con đường, ai tu thì tu, ai tạo (nghiệp) thì tạo." Kẻ tu thiện thì sẽ thoát khỏi Tam Giới, kẻ tạo ác thì sẽ đọa Tam Ác Đạo. Thiện, ác chỉ ở trong một ý niệm cách biệt. Có trí huệ tức là thiện niệm, có ngu si tức là ác niệm.

Mọi sự trên đời đều nói pháp (hiển bày chân lý). Có thứ nói pháp lành, có thứ nói pháp ác. Có thứ nói pháp bằng môn tả đạo, quan điểm sai lầm. Có thứ nói pháp Trung Đạo Liễu Nghĩa, quan niệm đúng đắn. Nói cách khác, nói pháp lành tức là dạy người ta nhìn thông suốt mọi hiện tượng, buông bỏ mọi chấp trước, đạt được tự tại; còn nói pháp ác tức là dạy người ta đừng nhìn thủng, đừng buông bỏ chấp trước, chẳng đạt được tự tại. Vì sao con người điên đảo? Bởi vì chấp trước, không chịu buông bỏ. Câu thơ xưa nói rằng:

Cổ lai đa thiếu anh hùng hán,

Nam Bắc sơn đầu ngoạ thổ nề.

Nghĩa là:

Xưa nay bao kẻ anh hùng hảo hán,

Nằm dưới đất bùn khắp núi đầy non.

Quý vị hãy nghĩ xem: bao nhiêu người ở trần gian, ai có thể nhảy thoát qua cửa sinh tử? Lúc sống, mưu đồ hư danh, chết rồi, danh nào còn? Ham chức quan lớn, chết rồi, quan cũng hết luôn! Mọi thứ đều hóa thành không. Trung Quốc có Tần Thủy Hoàng vì muốn bảo vệ con cháu, khiến muôn đời sau sẽ mãi làm hoàng đế, nên cho xây Vạn Lý Trường Thành. Nào ngờ chỉ truyền tới đời thứ hai, con là Hồ Hải (Tần Nhị Thế) nối ngôi chưa được ba năm thì bị Thừa-tướng Triệu Cao giết chết. Thế chẳng phải là đã hao phí tâm cơ sao?

Xưa nay, từ trong đến ngoài nước, những kẻ cực kỳ giàu sang, kẻ làm quan to chức lớn, đều sống một đời mê muội tranh danh đoạt lợi, tạo ra biết bao nghiệp chướng tội lỗi; tới lúc chết thì với hai tay không đi gặp Diêm Vương. Xem đấy, khi tham Thiền chúng ta phải quyết chí dụng công, không thể giải đãi, không thể buông lung, chớ để lỡ cơ hội rồi sau này hối hận không kịp. Rằng:

"Một chút thời gian, một chút mạng sống."

Có người nói: "Chờ tôi thành danh rồi, tôi sẽ buông bỏ mọi thứ, chuyên tâm tu Đạo." Song, thời gian không chờ đợi ai, chờ tới lúc đó thì đã quá muộn rồi.

Tham Thiền hay niệm Phật đều tốt cả. Chỉ cần chân thật tu hành thì có thể thoát khỏi vòng sinh tử, tới lúc lâm chung tất sẽ "thân không bệnh khổ, tâm chẳng tham luyến, như nhập Thiền-định, vui cười vắng sinh." Đó mới là nắm chắc được việc sinh tử trong tay mình vậy!

(Thiền Thất 12/1980)

Sự Tích Ngài Huyền Trang Đi Thiền Trúc Thịnh Kinh

Pháp sư Huyền Trang ra đời vào năm thứ hai niên đại Nhân Thọ, đời Tùy Văn-Đế tức năm 601 công nguyên. Sư quê ở Trần-Lưu, Hà-nam, người họ Trần, lúc thiếu thời đã tỏ ra thông tuệ khác thường, chỉ mới 7 tuổi đã học Ngũ Kinh. Năm lên 13 tuổi, Sư theo anh thứ hai là Pháp sư Trường Tiệp đi Lạc Dương, xuất gia tại chùa Tịnh Độ và từ đó học tập Kinh điển. Theo chế độ đời nhà Tùy, ai muốn xuất gia đi tu đều phải qua một cuộc khảo thí. Nếu hợp cách thì được một tờ chứng thư, gọi là độ điệp, và lúc đó mới đủ tư cách làm Sa-di. Sư đặt chân tới Lạc Dương nhằm đúng vào lúc có kỳ khảo sát, nhưng vì quá nhỏ tuổi Sư không được phép ứng thí. Trước cổng trường thi, Sư đứng bồi hồi, than tiếc khôn nguôi! Lúc ấy, quan Chủ khảo là Trịnh Thiện Quả nhìn thấy, nhận ngay ra Sư thuộc hàng long tượng trong Phật giáo, nên đặc cách cho Sư vào dự thi.

Năm 20 tuổi, sau khi thọ giới Cụ túc, Sư lên đường hành cước đi tham vấn Thiện tri thức khắp nơi. Sư có dịp nhận thấy các điều thuyết giảng của các vị Tăng so với Kinh điển có nhiều phần không phù hợp, khiến cho người tu không biết y cứ vào đâu, nhất là theo nội dung của *Thập Thập Địa Luận* thì kiến giải lại có nhiều điểm bất đồng. Sư bèn phát nguyện đi Thiên Trúc (tức Ấn-độ ngày nay) để nghiên cứu Phật Pháp đặng giải các mối nghi này.

Bởi đường đi Thiên Trúc quá gian nan, phải vượt qua bao nhiêu chướng ngại, núi thì cao chót vót, đèo thì vô cùng hiểm trở, do đó để chuẩn bị cho cuộc hành trình mạo hiểm này, Pháp sư Huyền Trang phải tự luyện tập kỹ thuật leo núi.

Sư dùng các vật liệu như bàn, ghế, lấy cái nọ chồng lên cái kia, chất đống lại như hình một hòn núi giả, rồi hàng ngày tập leo lên leo xuống, đến khi thuần thục, lại đi vào rừng núi thực tập. Thời gian tập luyện như vậy kéo dài khoảng một năm.

Sư dâng biểu tâu vua, xin phép đi Thiên Trúc thỉnh Kinh. Hồi đó nhà Đường đương có pháp lệnh cấm chỉ việc xuất cảnh, nên biểu tấu của Sư không được vua Đường Thái Tông phê chuẩn. Tuy nhiên, vì đã có chủ ý từ trước, bất luận có được phép hay không, cuối cùng Sư vẫn nhất quyết ra đi.

Từ Tràng An xuất phát, Sư một mình cứ nhắm phía Tây mà hướng tới.

Có một hôm, Sư đi ngang qua một hang núi, thấy trước cửa hang có nhiều phân của loài dơi. Sư nghĩ rằng trong hang này ắt hẳn không có bóng người trú ngụ, vì nếu có, thì đâu có nhiều phân dơi như vậy! Động lòng hiếu kỳ, Sư đi vô hang, và chẳng đi bao xa thì thấy một hình thù quái dị, như một quái vật, trên đầu thì tóc kết lại, ở đó chim làm thành một cái tổ, trong tổ chim nhỏ kêu chíp chíp! Mặt của quái vật thì phủ một lớp bụi đất dày, hình thù như một tượng đá, Pháp sư lại gần quan sát kỹ: hóa ra đây là một vị tu hành già, đã nhập định từ lâu. Sư lấy khánh gõ nhẹ, dụ cho vị này xuất định, và, chờ một lúc sau lão tăng bắt đầu cựa quậy.

Sư hỏi ông vì lý do gì mà ngồi ở đây. Quai hàm lão tăng nhúc nhích được một lát thì có âm thanh phát ra như sau:

- "Tôi chờ đức Phật Hồng Dương (tức Phật Thích-Ca) xuất thế để tôi có thể giúp Ngài hoằng dương Phật Pháp".

Đến khi nghe Pháp sư nói cho hay Phật Thích Ca đã nhập Niết-bàn từ lâu rồi, thì lão tăng tỏ vẻ kinh ngạc hỏi:

- Đức Thích-ca Mâu-ni ra đời hồi nào?

- Ngài đã ra đời trên một ngàn năm nay và Ngài cũng đã nhập diệt từ lâu.

Lão tăng nói:

- Đức Thích-ca đã nhập Niết-bàn ư? Vậy thì tôi lại nhập định chờ đức Phật Bạch Dương (tức Phật Di-lặc) ra đời để giúp Ngài hoằng dương Phật Pháp.

Pháp sư nói:

- Ông bắt tất phải nhập định chờ đức Phật Di-lặc ra đời. Như vậy ông sẽ có thể bỏ lỡ cơ hội mật lần nữa. Chi bằng nay ông hãy theo tôi đi qua Chấn Đán (tức Trung quốc). Ngày nào tôi trở về nước ông sẽ giúp tôi hoằng dương Phật Pháp.

Lão tăng suy nghĩ xong cho là có lý, bèn tỏ ý ưng thuận với lời đề nghị của Pháp sư Huyền Trang.

Pháp sư dặn dò như sau: "Cơ thể này của ông đã quá cũ kỹ, ông nên đổi qua một thân mới. Khi tới Tràng An, ông xem căn nhà nào lợp bằng ngói sắc vàng lưu ly thì tìm vào đó đầu thai. Ngày sau, khi tôi ở Thiên Trúc thỉnh Kinh về, tôi sẽ đến đón ông".

Dặn xong, hai người chia tay lên đường, người đi về hướng Đông, kẻ về hướng Tây.

Pháp sư Huyền trang leo đèo lội suối, trải qua biết bao lần tai nạn hiểm nghèo nhưng không bao giờ biết thoái chí. Sư đã có lời thề:

Thà một bước chết ở trời Tây

Còn hơn sống lui bước về Đông Độ

Một tinh thần vì Pháp quên mình như vậy, quả là vĩ đại! Có như thế Pháp sư mới hoàn thành được một sự nghiệp cũng rất là vĩ đại, một cống hiến lớn lao cho Phật giáo Trung Hoa, đồng thời Sư cũng là người khai sáng ra tông phái Duy Thức.

Có câu nói "*kiến hiền tư tể*". Chúng ta muốn thành tựu Đạo nghiệp, ắt phải noi theo gương sáng của Pháp sư Huyền Trang, lấy Pháp sư làm mẫu mực để làm theo, khiến cho trí huệ bốn hữu của chúng ta xuất hiện, đặt cống hiến chút phần công sức cho Phật giáo.

Từ đó, ngày lại ngày, gỏi đất nằm sương, Ngài cứ theo hướng Tây mà tiếp tục hành trình, kiên nhẫn giữ vững ý chí, quyết một lòng, chưa tới đích thì chưa ngưng nghỉ. Người xưa nói: "Có chí thì nên". Ngài trải qua vạn ngàn gian khổ, đi trong ba năm thì tới được Thiên Trúc, và, tại Đại học Phật giáo Na-lan-đà, Ngài bái Đại sư Giới Hiền (Shilabhadra) làm thầy, đương thời là một vị cao tăng nổi tiếng về môn Duy thức học. Ở đây Ngài chuyên học về Thập Thất Địa Luận và Du-già Luận.

Kết thúc thời gian tu học, Ngài trở về nước. Khi đi ngang qua thành phố Khúc Nữ (*Kanyakudja*), Ngài được quốc vương nơi đây là Giới Nhật (*Shiladitya*) cung thỉnh. Vào lúc thành Khúc Nữ tổ chức một cuộc hội thảo lớn, có sự tham gia của mười tám vị quốc vương cùng với các tông phái Đại thừa, Tiểu thừa, Bà-la-môn và cả các phái ngoại đạo, tổng cộng khoảng chừng sáu ngàn người, tóm lại một pháp hội lớn xưa nay chưa từng có, Pháp sư được mời đến giữ vai làm hội chủ. Ngài cũng thảo một luận chương xiển dương Đại Thừa và luận chương này được yết ngay trước cửa hội trường, kèm theo một lời ghi chú: "Nếu sửa được một chữ, nguyện xin bái làm thầy". Hội thảo kéo dài mười tám ngày, nhưng không một ai sửa được chữ nào, cuối cùng Ngài trở thành vô địch, không ai thắng nổi, tên tuổi vang lừng khắp năm nước ở Thiên Trúc và không ai là không biết tới đại danh của Pháp sư Huyền Trang.

Năm Trinh Quán thứ 19 (công nguyên năm 645), ngày 24 tháng giêng, Ngài về tới Tràng An, với sự nghênh đón của cả mấy chục ngàn người, cả Tăng lẫn tục gia. Vua Đường Thái Tông phái tướng quốc là Lương Quốc Công, và Phòng Huyền Linh đón tiếp Ngài. Sau này Ngài trụ trì ở chùa Hoằng Phúc làm công tác phiên dịch Kinh điển Phật giáo.

Ngài lưu học tại Ấn-độ mười hai năm, cộng với thời gian đi về năm năm, thành thử Ngài coi như là vị Tổ sư trong các Tăng sĩ du học. Kinh điển mang về Trung Hoa chứa trong năm trăm hai mươi cái rương, tính ra hơn sáu trăm bộ. Ngài cung hiến tất cả cho quốc gia. Vua Đường vời đến triều kiến rồi ban thưởng cho Ngài.

Thoạt gặp vua Đường, Ngài có lời mừng: "Cung hỷ bệ hạ!" Vua không hiểu ý tứ ra sao mới hỏi lại: - "Mừng về chuyện gì?"

- Mừng bệ hạ vừa có thái tử.

Vua Đường hết sức ngạc nhiên, đáp lại rằng:

- Không có chuyện đó.

Pháp sư tự nghĩ: "Rõ ràng ta đã căn dặn lão tăng đến đây đầu thai, mà sao nay lại không thấy?" Ngài liền nhập định quan sát. Thôi rồi! Ông ta không chịu tìm cho kỹ càng nên đã đầu thai lầm vào tôn phủ của Uất Trì Cung rồi! Ngài bèn tâu lên vua đầu đuôi sự việc. Đường Thái Tông nói:

- Hóa ra sự thể như vậy. Pháp sư độ cho y đi.

Ngài tới thăm Uất Trì Cung, kể rõ sự tình. Khi thoát trông thấy người cháu của vị công thần này, Ngài vô cùng hoan hỷ, bởi trang thiếu niên trông rất khôi ngô, tỏ dạng một anh tài, sau này ắt sẽ trở thành một pháp khí lớn. Do đó Ngài mở đầu nói ngay: "Người hãy theo ta xuất gia!". Thiếu niên nghe nói tỏ vẻ không vui, đáp:

- Đại sư nói gì? Bào tôi xuất gia ư? Đâu có chuyện đó được?

Nói rồi, thiếu niên quay gót bỏ đi.

Pháp sư Huyền Trang chỉ còn cách tâu lại vua Đường, nhờ vua chu toàn cho đoạn nhân duyên đó. Đường Thái Tông bèn hạ chỉ, ra lệnh cho cháu của Uất Trì Cung xuất gia. Vị đại thần tiếp chỉ gọi cháu ra thì gặp ngay sự cự tuyệt của cháu. Y nói:

- Có lý nào như vậy! Vì cớ gì Hoàng Đế bắt cháu phải xuất gia? Để cháu gặp Hoàng Đế nói cho rõ chuyện này!

Ngày hôm sau, Uất Trì Cung mang cháu ra mắt vua. Thiếu niên tâu lên:

- Bệ hạ bảo thần xuất gia, được lắm! Nhưng thần xin ba điều kiện.

Đường Thái Tông nói:

- Người muốn bao nhiêu điều kiện cũng được.

- Thần vốn thích uống rượu và không thể không có rượu. Vậy bất luận ở chỗ nào, phải có một xe chất đầy rượu cho thần.

Nhà vua thầm nghĩ: "Giới của kẻ xuất gia là không được uống rượu. Có điều Pháp sư Huyền Trang đã có lời dặn dẫu điều kiện nào cũng ưng thuận cho y." Vua đáp:

- Được! Ta ưng thuận. Điều kiện thứ hai là gì?

- Thần biết rằng người xuất gia không được ăn thịt, nhưng thần lại thích món này. Vậy bất luận thần ở chỗ nào cũng phải có một xe thịt tươi đi theo thần.

- Ta ưng thuận. Còn điều kiện thứ ba?

Người cháu của Uất Trì Cung không thể ngờ rằng nhà vua lại chịu cho hai điều kiện y vừa yêu cầu, y nói tiếp:

- Kẻ xuất gia thì không thể có vợ, nhưng thần thì không thể thiếu đàn bà. Vậy bất luận thần ở chỗ nào cũng phải có một xe chở con gái đi theo thần.

Vua Đường nghĩ bụng: "Ái chà! Điều kiện này làm sao mà cho được? Nhưng Pháp sư đã dặn, dẫu điều kiện nào cũng chấp thuận cho y". Nghĩ vậy, vua đáp:

- Được! Ta hoàn toàn chuẩn y cả. Bây giờ người xuất gia được rồi!

Thiếu niên thấy không còn biện pháp nào khác để từ chối, đành miễn cưỡng nhận lời xuất gia. Cho nên, tới ngày đã định, khi y đi đến chùa Đại Hưng Thiên để làm lễ, thì theo sau y, là một xe chở rượu, một xe chở thịt tươi, một xe chở mỹ nữ. Trong khi đó, tại chùa, cũng đã có sự chuẩn bị sẵn, nên khi nghe tin đoàn người sắp tới, tiếng trống và tiếng chuông trong chùa đều nhất tề gióng lên. Thoạt nghe tiếng chuông trống, thiếu niên bừng tỉnh ngộ: "Ồ! Ta vốn là vị lão tăng năm đó, đến chỗ này để giúp Pháp sư Huyền Trang hoằng dương Phật Pháp". Ngay đó, y đuổi hết cả đoàn ba xe về, và không cần một thứ gì nữa.

Thiếu niên đó, sau này là Đại sư Khuy Cơ, và được người đương thời đặt danh hiệu là Tam Xa Tổ Sư.

Trong số các luận về Duy Thức Tam Thập Tụng mà Pháp sư Huyền Trang mang về Trung Hoa có tất cả tác phẩm của mười Luận gia. Pháp sư dịch hết ra tiếng Hán, theo sát ý tứ trong nguyên văn, một chữ chẳng thêm, một chữ chẳng bớt. Hồi đó Đại sư Khuy Cơ đảm nhiệm công tác nhuận sắc. Khi hoàn tất việc dịch cả mười bộ Luận, Đại sư Khuy Cơ đưa ra đề nghị như sau: "Trong mười tác phẩm của các Luận gia, mỗi bộ đều có sở trường riêng và đều có chỗ dị biệt. Nếu không đồng nhất thì e rằng học giả đời này và đời sau sẽ hoang mang, không biết đâu mà y cứ. Chi bằng nay bỏ bớt đi cái vỏ rườm rà, chỉ giữ lại cái cốt tủy mà đem đúc thành một bộ, khiến cho người đời này và đời sau khi nghiên cứu Duy Thức học có thể đi tới cùng một kết luận, không lãng phí nhiều thời gian mà có thể lãnh hội được pháp yếu".

Pháp sư Huyền Trang thấy lời đề nghị có lý, cho nên tất cả hợp lại thành một bốn luận, tức nay là bộ "*Tam Thập Tụng Duy Thức Luận*".

Pháp sư lại thân truyền cho Đại sư Khuy Cơ môn *Nhân Minh Luận (logic)* khiến về sau Đại sư Khuy Cơ trở thành một chuyên gia về Duy Thức Học. Dem hết tâm trí để truyền bá tư tưởng Duy Thức. Đại sư được coi như Tổ thứ hai Tông Duy Thức.

Hai năm sau ngày về nước, Pháp sư Huyền Trang phụng chiếu soạn bộ "Đại Đường Tây Vực ký", gồm 12 quyển. Tới năm Hiên Khánh thứ nhất đời Đường, tức năm 660 công nguyên, lúc đã 59 tuổi, Ngài bắt đầu dịch bộ Kinh Đại Bát-nhã. Trong bản nguyên văn bằng tiếng Phạn, Kinh Đại Bát-Nhã gồm hai trăm ngàn (200.000) câu tụng. Ngài dịch toàn bộ, không hề lược bớt một đoạn nào, theo rất sát với nguyên văn, và sau bốn năm trường dịch xong thành sáu trăm quyển. Qua năm sau, Ngài tính dịch Kinh Đại Bảo Tích, nhưng vì ngã bệnh nên việc dịch phải đình lại.

Pháp sư viên tịch vào tháng 2 năm Tân Sửu thứ nhất, tức năm 664 công nguyên, hưởng thọ 64 tuổi, an táng tại Bắc Nguyên thuộc Phàn Xuyên. Công tác dịch Kinh điển của Pháp sư gồm tất cả 75 bộ, 1335 quyển. Như vậy Ngài là một trong bốn nhà dịch kinh lớn của Trung quốc. Đệ tử của Ngài rất đông, trong số này, Đại sư Khuy Cơ, Viên Trắc là các vị truyền thừa về Duy Thức, còn Phổ Quang và Thần Thái là truyền thừa của Câu Xá (Kosa) Tông.

Hai triều Tùy và Đường chính là các thời đại hoàng kim của Phật giáo, thời đại của "trăm nhà đua tiếng", các Tổ sư lần lượt xuất hiện và sáng lập Tông phái. Đường thời kể ra có mười Tông, Tiểu thừa hai Tông còn Đại Thừa gồm tám Tông.

Trong số mười Tông này, Tam Luận Tông và Duy Thức Tông hoàn toàn bảo tồn tư tưởng gốc tại Thiên Trúc, giáo lý được truyền qua đất mới nhưng tinh nghĩa được giữ nguyên vẹn. Còn như đối với Tông Thiên Thai - lấy Kinh Pháp Hoa làm tông - và Tông Hiền Thủ - lấy Kinh Hoa Nghiêm làm tông - nội dung đã có sự hội nhập với các tư tưởng của Trung quốc. Bốn Tông vừa kể được xếp vào loại Giáo môn. Cho tới nay, thời gian biến đổi, các phân loại hiện tại chia thành năm phái lớn. Đó là Giáo, Thiền, Tịnh, Luật, Mật.

Kỳ thực tất cả đều cùng chung một mục đích tối hậu là đạt Niết-bàn, chỉ có phương pháp tu trì là khác biệt mà thôi.

Thiền thất khai thị, tháng 12 năm 1980

Tham Thiền Phải Hồi Quang Phản Chiếu

Đi đứng nằm ngồi

Không lìa bỏ nó

Lìa bỏ cái đó

Tức thành lầm lỗi.

Cái đó là cái gì? Chính là câu thoại đầu để chúng ta dụng công tham thiền. Lấy chân tâm mà tu Đạo, đề khởi câu thoại đầu rồi tham cứu một cách miên mật, không dứt đoạn. Hàng giờ, hàng khắc, hàng phút, hàng giây, không một tạp niệm nào, một vọng tưởng nào xen vào, tóm lại trong tâm tư, niệm trước niệm sau, chỉ rất một câu thoại đầu là đề mục tham cứu. Vậy thì đâu còn thời gian nào khác để nói chuyện với nhau, làm rộn người khác? Cũng không có cơ hội để lười biếng nghỉ ngơi, càng không có dịp để nói chuyện thị phi, chuyên một lòng giữ câu thoại đầu để tham ngộ. Có câu kệ rằng:

Mọi sự qua sông sẽ

Khó xả duy nổi nóng

Nếu quả không tức giận

Đó là hòn ngọc quý

Lại không biết hận người

Sự việc đều trôi chảy

Phiền não chẳng hề sanh

Lấy đâu tạo oan nghiệt?

Thường chỉ rặt trách người

Khổ đau chuốc mãi mãi.

Người tham Thiền nếu có được thái độ như vậy mới mong có ngày "nhập môn". Tại Thiền đường ai ai cũng phải hồi quang phản chiếu, quay về nơi mình, tự hỏi mình, có phải ta đương dụng công, hay ta đương phóng tâm theo vọng tưởng? Hãy nhìn chính mình, phải chăng ta đương rọi sáng để soi chính ta? Chớ không phải soi ra ngoài? Đó là điều chúng ta phải rất mực chú ý.

Dụng công nơi Thiền đường, ta phải ghi nhớ hai câu sau:

Ma-ha-tát, chẳng lý tới kẻ khác

Di-đà Phật, ai nấy tự lo lấy!

Từng thời từng khắc, tự quản lý mình, khỏi cần để ý tới ai, càng không nên làm phiền hà người khác, như vậy là chướng ngại sự dụng công của mọi người, khiến họ có thể lỡ cơ hội khai ngộ, một việc không thể chấp nhận được. Như tôi thường nói với quý vị:

Thành thực nhận lỗi mình

Không bàn lỗi người khác

Lỗi người tức lỗi ta

Đồng thể gọi Đại bi.

Ai ai cũng có tư tưởng đó thì tất cả đều một lòng một ý tu hành, không còn nghĩ gì khác, chẳng còn nhiều chuyện bàn tán, làm rộn mọi người.

Người tham thiền cốt yếu phải nhận định cho rõ rệt một vấn đề căn bản. Đó là vấn đề gì? Cái đó là *tập khí*. Ngồi thiền là để loại trừ tập khí, những thói xấu, để thanh lọc tâm tư, để giải trừ những thói xấu đổ kỵ những ai hơn mình. Hãy mang những tâm đồ kỵ, những tâm phiền não vô minh, gạt bỏ hết. Có như vậy, Chân tâm sẽ tỏ lộ, trí huệ sẽ hiển bày, và lúc đó thiền giả mới có hy vọng nhận được tin vui.

Bởi đâu mà mọi người ưa những chuyện thị phi? Chính vì lý do *ngu si*. Bởi đâu mà sanh tâm tật đố? Cũng là do ngu si. Bởi đâu mà có tâm hại người? Là ngu si hết. Phàm làm những chuyện không hợp lý đều do ngu si mà phát sanh ra. Vậy bởi đâu mà có ngu si? Chính vì không chịu tu tập thiền định, nên không có trí huệ, cho nên chúng ta cứ luẩn quẩn trong vòng nhân ngã thị phi, không ra khỏi được. Do đó, chúng ta phải hồi quang phản chiếu, nhìn nhận lỗi mình trong quá khứ, dốc lòng hối cải, thay vì khư khư giữ mãi những tập khí xấu xa mà không chịu buông bỏ.

Tại sao khi ngồi thiền lại buồn ngủ? Bởi cầu Pháp mà lòng không chân thực. Nếu như thành tâm cầu Đạo thì tuyệt đối không bao giờ buồn ngủ. Quý vị hãy thử kinh nghiệm coi, tôi nói lẽ đó có đúng hay không?

Thiền thất khai thị, tháng 12, 1980

Thiền Đường Là Đạo Tràng Tuyển Phật

Mọi người đến Thiền đường dụng công có thể coi như dự một cuộc khảo thí, khảo thử ai là người được quả vị Phật. Làm sao để có thể được trúng tuyển? Cốt yếu họ phải đạt được trạng thái "bên trong không thân tâm, bên ngoài không thế giới", hay nói cách khác đây là cảnh giới:

Nhìn mà không thấy,

Nghe mà không hay

Ngửi không có mùi.

Ai có được công phu này sẽ có hy vọng trúng tuyển.

Tại sao nhìn mà không thấy? Bởi có sự "hồi quang phản chiếu". Tại sao nghe mà không hay? Bởi "phản văn văn tự kỷ" tức quay cái nghe để nghe chính mình. Tại sao ngửi mà không có mùi? Bởi vì thân nhiếp thân tâm, nên mùi vị không làm cho dính mắc. Đây là trạng thái khi mắt nhìn sắc mà không thấy sắc, tai nghe tiếng mà coi như không âm thanh, mũi ngửi mùi hương mà không thấy hương, lưỡi nếm mà vô vị, thân xúc chạm mà không cảm giác, ý có pháp mà không dính pháp. Tới được cảnh giới này mới có hy vọng trúng tuyển thành Phật. Chỉ khi nào "trong lò lửa mà sắc vẫn xanh tươi" (lô hòa thuần thanh), chân đứng trên "đỉnh cao chớp núi", tại "đầu sào trăm thước" mà nhảy tới, chừng đó mới có hy vọng. Bởi vậy, trong chốn Thiền đường, chúng ta không thể bỏ phí thời gian. Cổ nhân đã từng nói:

Một tắc quang âm một tắc vàng

Tắc vàng khôn đổi tắc quang âm

Vàng mất rồi ra còn kiếm được

Quang âm để mất biết tìm đâu.

Chúng ta phải nắm lấy thời cơ, cố gắng dụng công tu hành. Pháp tu thì có nhiều, duy có pháp "tham thiền" là cao siêu hơn cả. Trong pháp môn này, nếu dụng công cho tới mức độ chín mùi thì có thể làm một cuộc xoay chuyển hoàn toàn, có thể "bội trần hiệp giác", và được trúng tuyển thành Phật.

Người tu Đạo Bồ-tát có thể bỏ cả nước, cả nhà, cả vợ con. Bên trong thân thể còn có thể bỏ cả đầu, mắt, não tủy, chỉ một lòng lo cho chúng sanh, bố thí mọi thứ mà không tiếc. Nếu được trang bị một trạng thái tinh thần như vậy, thì tại "trường tuyển Phật" mới có hy vọng được trúng tuyển. Quý vị nên biết rằng đây là sự tuyển chọn của chư Phật, tuyệt đối công minh, không thể nhờ cậy vào sự cầu may mà phải nhờ vào công phu chân thực của chính mình mới được.

Phật tuyển lựa Phật, chẳng phải ma tuyển lựa Phật, nhưng ma giúp Phật. Phật thì trực diện giáo hóa chúng sanh, còn ma thì giáo hóa gián tiếp, giáo hóa bằng mặt trái, thúc đẩy chúng ta phát đại nguyện lực, giúp chúng ta nỗ lực tu hành. Cho nên ma chính là khuôn mặt khác của Thiện tri thức. Tôi thường nói:

Ma mài dũa đường Đạo

Chân Đạo mới có ma

Càng mài thì càng sáng

Càng sáng càng thêm mài

Mài như trăng trong sáng

Giữa trời chiếu quần ma

Ánh sáng chiếu tan ma

Bổn lai Phật xuất hiện.

Cho nên chúng ta không nên đối xử với ma như một kẻ thù mà coi ma cũng như một Thiện tri thức. Quán tưởng cách đó, chúng ta sẽ an tâm mà tránh được phiền não. Tỷ dụ có người nói xấu ta, người đó là Thiện tri thức của ta. Một việc ta làm đúng, nhưng có người bảo ta làm không đúng, ta lại càng cố làm cho đúng thêm một mức nữa, như câu nói: "Tới đâu sào trăm thước, còn dẫn thêm bước nữa". "Thấy được lỗi của ta, người đó là thầy ta", chúng ta phải coi người nào kiểm ra lỗi lầm của mình chính là thầy của mình, chúng ta phải tạ ơn người đó, chớ không phải coi người đó là kẻ thù.

Chư Phật không phải hồ đồ như chúng ta, do đó nếu chúng ta cứ mang mãi cái diện mạo giả dối, thì không bao giờ có thể được tuyển lựa thành Phật. Chúng ta phải chân thành cầu cái chân thực, đã chân thực còn cần phải chân thực hơn, phải "*chân, chân, chân, chân, chân, chân, chân, chân!*" bấy lần chân mới mong được tuyển chọn. Đó là "thất chân bát chánh", trong thiền thất 7 ngày phải chân thực tu hành, đến ngày thứ 8 là cải tà quy chánh. Tới lúc đó bao nhiêu tập khí xấu cùng một lượt quét sạch để tới chỗ tịnh khiết hoàn toàn!

Thiền thất khai thị tháng 12 năm 1980

Thế nào là "Vô Tâm Đạo Nhân"?

Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh có câu: *"Cúng dường ba đời mười phương Phật không bằng cúng dường một Đạo nhân vô tâm"*. Thế nào là Đạo nhân vô tâm? Chính là nói về người tham thiền tại Thiền đường, người nào không có tâm cầu danh cầu lợi, ai đã diệt trừ được năm gốc rễ của địa ngục, tức là tiền tài, sắc dục, danh tiếng, ăn và ngủ, không có tâm gì, không có niệm gì khác, trong lúc ngồi tham thiền. Được như vậy gọi là Đạo nhân vô tâm.

Muốn thực sự hoằng Pháp tại Tây phương này thì phải theo pháp môn "Vô tâm Đạo nhân". Nói như vậy không phải là mong cầu một sự cúng dường dành cho "vô tâm Đạo nhân", bởi có chủ ý được cúng dường tức là đã có tâm rồi. Do đó thời gian tu ở Thiền đường là thời gian chúng ta thực sự tu thiền tập định, không thể để các vọng tưởng ào tới cái nọ tiếp theo cái kia, như các hình trên màn điện ảnh diễn ra trước mắt, như vậy là xa Đạo cả mười vạn tám ngàn dặm. Quý vị càng đi thì càng xa quê nhà, quý vị biến thành một kẻ lang thang du tử, đáng tội biết bao!

Chúng ta tu phải cố gắng thực sự, chỉ có thể bằng vào công phu thực của mình. Chớ ham danh tiếng, lợi lộc, tránh tự tuyên truyền mình. Phải tu tập theo tinh thần các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Địa Tạng cùng các Bồ-tát, phải hộ trì Đạo tràng và giáo hóa chúng sanh. Các vị Bồ-tát thường lấy *sự thành tựu của các chúng sanh làm sự thành tựu của chính mình*, các Ngài không có sự phân biệt người với ta. Bồ-tát thường nghe thấy rồi tùy hỷ tán thán công đức của mọi người.

Tục ngữ có câu: "Hữu xạ tự nhiên hương, hà tu đại phong dương?". Người tu mà *vô tâm* tới mức độ cao, tự nhiên sẽ có cảm ứng. Làm việc Phật tức là Phật, làm việc của Bồ-tát là Bồ-tát, làm việc của A-la-hán là A-la-hán, làm việc của quý là quý, đó là một điều tự nhiên. Người tu Đạo không thể kiếm đường tắt, hoặc cầu may mà được. Phải thực sự dẫn thân, qua từng bước chắc chắn, thành tâm tu tập mới mong có ngày thành tựu Đạo nghiệp.

Thiền thất khai thị tháng 12, năm 1980

Tham Thiền Là Thực Tập Lục Độ Ba-La-Mật

Làm nhiệm vụ Duy-na phải chú ý điều này: Đến giờ khai tịnh, vị Duy-na phải gõ một tiếng khánh báo hiệu, để mọi người chuẩn bị đứng dậy; khi thấy tất cả đã chuẩn bị xong bèn gõ thêm một tiếng khánh nữa, tức thì tất cả đồng loạt đứng lên, tiếp theo là hai tiếng mõ báo hiệu bắt đầu bước đi. Khi chạy hương thì phải chia ra làm hai vòng, vòng ngoài dành cho người chạy mau, vòng trong cho những ai chạy chậm. Đây là một cách thức điều hợp, cốt sao cho tất cả cùng theo được dễ dàng, người chạy mau hay chạy chậm đều thích nghi. Người ta nói: "Xiết quá thì chặt, lơi tay thì lỏng; chẳng chặt chẳng lỏng mới nên công", ý nói không chấp vào một pháp nào nhất định, mà phải linh động.

Trong Kinh Kim Cang có câu: *"Không có pháp nào nhất định có tên là A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề"*. Muốn một cái gì cố định tức là tạo thành vấn đề.

Kinh Kim Cang còn có câu: *"Các pháp là bình đẳng, không có cao thấp"*. Do đó người tu cũng phải bình đẳng. Tuy rằng Phật có Tam Thân, Tứ Trí, Ngũ Nhãn, Lục Thông, nhưng Phật vẫn tự coi như không có gì khác với chúng sanh, do đó có câu nói: "Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không có sai biệt", tâm là Phật, Phật là chúng sanh; chúng sanh là Phật, Phật là tâm.

Chạy mau cũng tham thiền, chạy chậm cũng tham thiền, tự liệu sức của mình mà theo. Cốt ở chỗ tự nhiên, không kiểu cách, không có chút gì miễn cưỡng, cứ như thế dụng công, kiên nhẫn. Sống lưng thấy khó chịu, chân có đau, cũng *đừng* quan tâm. Thứ gì cũng không ham, cái đó gọi là bố thí. Thân không làm điều ác, tức là thân nghiệp thanh tịnh; miệng không nói chuyện thị phi, tức là khẩu nghiệp thanh tịnh; tâm không có vọng tưởng, tức là ý nghiệp thanh tịnh. Ba nghiệp thanh tịnh gọi là tri giới. Có thể chịu đựng sự đau, gọi là nhẫn nhục; có thể dụng công liên tục, bất chấp các khó khăn, mà không thối chí, gọi là tinh tấn. Có thể ngồi an ổn chẳng động, mà thường biết rõ ràng, gọi là thiền

định. Do định mà phát sanh trí huệ, tức là Bát-nhã. Cả lục độ thành tựu viên mãn vậy là đáo bỉ ngạn, tới bờ giác ngộ.

Đến khi chỉ tịnh, Thầy Duy-na phải xem chừng khi nào vị ban thủ đi tới đúng chỗ ngồi của người đó thì gõ một tiếng mõ. Khi tất cả đều đến đúng chỗ của họ rồi thì gõ thêm tiếng mõ nữa. Ai nấy ngồi xuống ngay ngắn, sống lưng thẳng, đầu không gục xuống, lưng không cong. Người ta nói "tọa như chung", nghĩa là ngồi như hình cái chuông, đầu ngay, lưng thẳng, tư thế an ổn và vững vàng.

Tham câu "Niệm Phật là ai" không có nghĩa là *niệm* (recite) câu thoại đầu này. Đây là tham tức là nghiên cứu cái chữ "ai". Có người bảo: "Tôi biết rồi, niệm Phật là tôi". Như vậy là không đúng! Câu thoại đầu này nếu ta thực sự giải đáp được rõ ràng, tức là ta đã thấy tánh, tìm được cội nguồn của Pháp, nhờ đó mà ta đã về được quê nhà. Thực tế không phải đơn giản và dễ dàng theo như kiểu chúng ta nghĩ: "Chính là tôi đó mà! Tôi đang niệm Phật". Quý vị niệm Phật ư? Vậy khi con người quý vị chết thì còn niệm Phật được không? Quý vị sẽ bảo là "không". Nếu không thì sao lại nói là người niệm Phật là quý vị? Nên nhớ rằng người niệm Phật là không chết, nếu quý vị phải chết thì người niệm Phật không phải là quý vị. Niệm Phật thành Phật, nhưng ai thành Phật? Ai tới quả vị Phật? Quý vị đã chết rồi kia mà!

Bởi vậy, chính tại nơi này quý vị phải tham cứu, tham không buông lơi, cho tới lúc "biển cạn đá tan", cuối cùng sẽ tới ngày "nước chảy, đá hiện", và, trong khoảnh khắc quý vị bừng ngộ: "A! Nguyên lai là như vậy!"

Thiền thất khai thị tháng 12, 1980

Phải Thực Tập Công Đức Vô Tướng

Thiền Đường là chỗ tuyển Phật, nơi đây là phước điền để gieo trồng công đức. Có câu nói:

Chỉ trong giây lát ngồi tĩnh tọa

Hơn xây hằng sa tháp bảy báu

Tại sao có thể nói như vậy? Bởi việc xây dựng chùa tháp chỉ là công đức có hình có tướng.

Trong Kinh Kim Cang có câu:

Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng

Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như lai.

Tạm dịch:

Phàm có tướng đều là hư vọng

Nếu thấy mọi tướng không tướng, tức thấy Như lai.

Công đức do ngồi tĩnh tọa dù trong chốc lát cũng không bao giờ mất. Có người nói: "Vậy tôi khỏi làm những công đức ở bên ngoài, tôi chỉ làm công đức bên trong". Nghĩ như vậy là sai. Phải làm cả hai loại, vừa tu công vừa tu đức, cho tới lúc công đức được tròn đầy, phước và huệ đều đầy đủ, mới thành "Lưỡng Túc Tôn" được.

Nên nhớ rằng xây dựng chùa miếu, thì chùa miếu lâu ngày cũng sẽ bị biến hoại theo thời gian; tạo được tháp, tháp cũng bị cháy tiêu khi có hỏa hoạn. Duy ngồi tĩnh tọa là có thể mang tự tánh của Tam bảo Phật Pháp Tăng đi đến chỗ thành tựu, đó là công đức *vô lậu*, bất chấp mọi thứ gió mưa, hỏa

hoạn, muôn đời không mất, do đó công đức vô tướng có giá trị gấp muôn vạn lần hơn công đức hữu tướng.

Ngồi tham trong chốn Thiền đường, xả bỏ mọi vọng tưởng, lấy tâm chân thật để tu tập, thì công đức ấy là vô lượng. Ngược lại không được như vậy thì chẳng có ích lợi gì, cho nên có câu nói: "Công đức tĩnh tọa dù trong giây lát còn giá trị hơn là công xây tháp nhiều như cát sông Hằng".

Quý vị đến đây tham dự Thiền thất, đều là những người có sẵn căn lành nên mới gặp được nhân duyên này, để cùng tham thiền chung với nhau. Nay, chúng ta hãy giữ lòng thanh tịnh, đừng theo lối "tâm viên ý mã" để cho tư tưởng chạy ra bên ngoài. Như vậy là không đúng với Đạo, bỏ uổng thời gian bấy ngày trôi qua, không có ích lợi gì, để phụ chính lòng mình khi mới tới. Phải tìm cách chế ngự vọng niệm cho tâm được an tịnh. Có câu rằng:

Tâm thanh, trăng hiện đáy nước

Ý định, trời không vẫn mây

Nhằm mục đích này, sang năm (năm 1982), một khóa thiền kéo dài mười tuần Thiền Thất sẽ được cử hành, thời gian tĩnh tọa là bảy mươi ngày. Hiện nay trên toàn thế giới, không thể kiếm ở đâu ra một Đạo tràng mà người ta tham thiền trong bảy mươi ngày liên tục như vậy.

Vạn Phật Thánh Thành muốn sửa đổi thời Mạt Pháp thành thời Chánh Pháp nên mới xả thân mạng lo việc tu hành, dụng công cho Đạo. Nếu như có ai thực lòng tu, thì chỉ có thể tới Vạn Phật Thánh Thành họ mới có được cơ hội này. Các nơi khác thì tu hời hợt, công phu chỉ là làm cho qua chuyện. Theo danh nghĩa thì cũng là Thiền Thất, nhưng trên thực tế thời gian biểu không giống nhau. Tại Vạn Phật Thánh Thành mỗi buổi từ 2 giờ rưỡi sáng đã bắt đầu đi hương, cho tới 12 giờ đêm mới nghỉ, và trong khoảng thời gian này chỉ có một tiếng đồng hồ là gián đoạn mà thôi. Đây là quy lệ của chúng ta về Thiền Thất.

Thiền thất khai thị tháng 12 năm 1980

Sự Tích Xuất Gia Của Hòa Thượng Hư Vân

Ngài Hư Vân quê ở đất Tương, tỉnh Hồ Nam, thuộc họ Tiêu. Thân phụ là Ngọc Đường từng làm Tri phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, làm quan thanh liêm, được dân ái mộ. Năm 40 tuổi, chưa có con, nên một hôm ông cùng phu nhân đến chùa Quán Âm để xin cầu tự. Bởi lòng thành nên có cảm ứng, do đó sau khi trở về, phu nhân có tin mang thai. Trải qua mười tháng tới kỳ sanh nở, cả hai đều nằm mộng thấy có một ông lão râu dài, mặc áo xanh, trên đầu mang hình tượng Quán Âm, cưỡi hổ đi tới. Khi tỉnh giấc, bào thai lọt lòng là một bọc thịt (Bồ-tát bậc Đệ Bát Địa mới có cảnh giới này). Bà mẹ sợ quá mà chết.

Ngày hôm sau, một ông già bán thuốc đi ngang qua, lấy dao mở bọc thịt ra thì thấy trong bọc là một đứa nhỏ con trai. Hai nhi được bà kế mẫu nuôi dưỡng.

Vốn có thiên căn, nên đối với sách vở Nho giáo, Ngài Hư Vân đọc mà không thấy hứng thú, đối với công danh thì lạnh nhạt, chỉ có Kinh Phật là còn ham thích, cho nên ngay từ thuở thơ ấu Ngài đã nhen nhúm ý tưởng xuất gia tu hành. Có một lần, trốn tới chùa Cổ Sơn ở Phúc Châu Ngài toan xuất gia, nhưng bị bắt về nhà. Thân phụ bắt Ngài trở về quê ở Hồ Nam giao cho người chú thứ hai trông nom, cốt ý để tuyệt hết mọi ý niệm xuất gia.

Ngài vốn là đứa con duy nhất, người chú thứ ba thì lại chết đi không có con nối dõi, do đó Ngài trở thành vị kế thừa của hai chi trong gia tộc. Theo phong tục hồi đó, Ngài có thể cưới hai vợ, một người là dâu của cha ruột, một người thay cho dâu của chú, như vậy cả hai chi còn giữ được hương hỏa về sau. Đây là trường hợp một lần được cả hai, người đời ước mong mà không có, tuy nhiên đối với Ngài là cả một sự phiền hà.

Để làm nhiệm vụ tiếp nối hương hỏa trong gia tộc, tới năm 18 tuổi, Ngài cùng hai bà họ Diên và họ Đàm làm lễ thành hôn, và nghi thức được cử hành cùng một lượt. Cả hai bà đều thuộc dòng dõi khuê các, nên rất thông hiểu nghĩa lý. Trong đêm tân hôn, Ngài Hư Vân đã cùng hai bà đi tới một thỏa thuận, với giao ước rằng trên danh nghĩa tuy là vợ chồng nhưng thực tế thì không phải, trinh tiết vẫn giữ trọn vẹn, cả ba cùng ở chung, không xâm phạm nhau, an cư như vậy.

Năm sau, với sự ưng thuận của hai bà, Hòa thượng Hư Vân quyết tâm ra đi (sau này hai bà cũng xuất gia). Ngài giả từ đời sống gia đình êm ấm, đến chùa Dũng Tuyền ở Cổ Sơn thuộc Phúc Châu để xuất gia. Tới đây ngài lạy Trưởng lão Diêu Liên làm thầy, nhận pháp danh là Diễn Triệt, hiệu là Đức Thanh. Ngài rất sợ bị người trong gia đình tìm đến, nên Ngài đi vào núi sâu tu khổ hạnh, đói ăn quả rừng, lá cây, khát thì uống nước suối. Tu khổ hạnh như vậy quả thực vượt khả năng của mọi người, như câu nói:

Mặc, những gì không ai mặc được

Ăn, những gì không ai ăn được

Nhẫn những gì không ai nhẫn được

Chịu, những gì không ai chịu được

Vượt qua bao nhiêu thử thách khó khăn, Hòa thượng Hư Vân vẫn không thấy có gì sờn lòng, mà ngược lại còn lấy làm hoan hỷ.

Ba năm sau, để tìm cơ hội thân cận với các Thiện tri thức, đồng thời có thể học hỏi thêm Phật Pháp, Ngài đi khắp nơi tham vấn, vượt núi băng rừng nếm đủ mùi vị gian nan. Nơi nào có Cao tăng Đại đức thì dù nơi đó có xa xôi, ngăn sông cách núi đến đâu, Ngài cũng phải tìm tới để học Đạo. Trên đường tham vấn học hỏi Ngài đã gặp nhiều sự trắc trở, nhưng sẵn đức tính kiên nhẫn, với ý chí sắt đá, quên mình để cầu Pháp, Ngài vẫn không thoái chí, ý hướng ban đầu vẫn không đổi thay, lúc nào cũng hăm hở đi tới, tinh tấn học tập. Tinh thần của Ngài như vậy, quả thực rất đáng bội phục và là một gương mẫu để mọi người noi theo

Về sau, Ngài lập nguyện báo ơn hiền mẫu bằng cuộc hành hương "tam bộ nhất bái", từ Phổ Đà sơn đi tới Ngũ Đài sơn. Ba năm trời ròng rã, công đức của Ngài thành tựu viên mãn và Ngài hoàn thành được chí nguyện của mình.

Bây giờ kể một sự tích có tính cách cảm ứng đạo giao liên hệ tới cuộc hành hương nói trên.

Khi Ngài đi và lạy tới được bờ sông Hoàng Hà thì gặp trời đổ tuyết, suốt trong ba ngày ba đêm không ngớt. Ngài tạm trú trong một căn lều cỏ, lúc đó vừa đói vừa lạnh, thân thể bị tê, mất cả cảm giác, mê man bất tỉnh nhân sự. Khi tỉnh dậy Ngài phát hiện trong lều có một người ăn mày đang nấu cháo cho Ngài. Ngài ăn cháo xong thì sức khỏe phục hồi, Ngài tiếp tục hành trình đi và lạy hướng tới Ngũ Đài sơn. Về sau tới được Ngũ Đài sơn rồi Ngài mới hay rằng người hành khất đó chính là hóa thân của Đức Văn Thù Sư-Lợi.

Trong khoảng thời gian Hòa thượng Hư Vân ẩn tu tại Cửu Hoa sơn, có tin đưa tới cho hay rằng chùa Cao Mân tại Dương Châu có tổ chức một khóa Thiền trong tám thất. Ngài quyết định tới đó tham gia. Từ Cửu Hoa Sơn, Ngài đi dọc theo ven sông. Đường lúc mùa mưa lớn, nước sông tràn lên bờ, rui sẩy chân, Ngài rớt xuống nước rồi bị nước cuốn đi, như vậy nổi trôi theo dòng trong khoảng hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Khi trôi tới gần đập đá Thái Thạch, Ngài mắc vào lưới cá nên được người ta vớt lên, nhưng lúc đó tình trạng của Ngài chỉ là thoi thóp. Dân chài báo tin cho chùa Bảo Tích ở gần đấy để đưa Ngài về chùa cấp cứu. Ngài tỉnh lại, nhưng bị xuất huyết tại bảy nơi trên thân thể - thất khiếu lưu huyết - bệnh tình rất là nguy kịch. Ngài chỉ nghỉ ngơi vài ngày rồi lại tiếp tục hướng tới Cao Mân dự Thiền Thất, chẳng kể gì tới mạng sống, tâm ý chẳng hề đổi thay.

Quy củ chùa Cao Môn rất là chặt chẽ và sự thi hành quy lệ cũng rất nghiêm túc. Ai phạm quy lệ sẽ bị trừng phạt không nể nang. Hồi đó, vị trụ trì là Thiền sư Nguyệt Lăng chỉ định Ngài đứng ra thay thế chức vụ của người, mà Ngài không nhận, nhưng như vậy là phạm quy lệ, nên Ngài bị đòn rồi bị đánh bằng hương bản. Ngài nhận hình phạt mà không kêu ca; song, sau khi bị đánh, bệnh tình trở nên nguy ngập, xuất huyết liên miên, khó có cơ cứu vãn.

Có người nghĩ rằng; "Hòa thượng Hư Vân dụng công tu Đạo như vậy, không lẽ chư thần hộ pháp không bảo hộ Ngài khiến Ngài bị rớt xuống nước?" Kỳ thực, chư thần đã từng hộ trì, nếu không, dân chài làm sao biết để vớt Ngài lên? Đủ hiểu trong chốn vô hình luôn luôn có chư thần gia hộ.

Đây cũng là một sự khảo nghiệm để biết cảm tưởng của Ngài đối trước vấn đề sanh tử của bốn thân mình qua những lần tai nạn. Gặp thử thách như vậy Ngài có chùn bước chăng? Hoặc giả Ngài có khi nào nghĩ rằng: "Ta đã tu bao nhiêu năm, nào tụng Kinh, bái sám, đốt ngón tay, ăn tu, tập khổ hạnh, thứ gì cũng để hết tâm lực, có sao ta chẳng thấy một cảm ứng nào đền đáp? Thôi! Ta thôi tu nữa, ta phải hoàn tục đăng trở về với đời sống ngũ dục vậy!" Nếu quả có ý nghĩ đó thì Ngài đâu có thể trở thành vị Tổ sư của cả năm Tông phái!

Chùa Cao Môn vốn là nơi mà quy củ được tôn trọng triệt để. Không ai được trò chuyện với nhau, thậm chí cùng ở chung mà không biết tên nhau. Hòa thượng Hư Vân cũng giữ đúng kỷ luật, tuy bệnh tình trầm trọng Ngài vẫn không hề đá động tới, cũng không ai biết Ngài vừa được vớt ở sông lên, Ngài chỉ biết dốc một lòng một dạ vào công phu tham thiền. Hai mươi ngày sau thì bệnh tình thuyên giảm, ấy cũng là do sự gia hộ của chư Phật và chư Bồ-tát.

Một hôm, có vị trụ trì chùa Bảo Tích ở Thái Thạch là Pháp sư Đức Ngạn đến thăm Cao Môn. Khi nhắc thấy hòa thượng Hư Vân ngồi ngay ngắn trên thiền sàng, dung quang tươi nhuận và sáng sủa, Pháp sư hết sức kinh ngạc mới kể lại cho mọi người nghe sự tích Ngài bị nước cuốn và được cứu vớt ra sao. Ai nấy đều lấy làm kinh dị, và để giúp Ngài dụng công tu tập cho được kết quả, các vị có trách nhiệm trong Thiền đường không cắt đặt Ngài phải chấp hành một công tác gì khác nữa. Từ đó Ngài chuyên tâm thiền định cho tới khi đạt tới cảnh giới nhất niệm bất sinh.

Đến thất thứ tám, trong đêm thứ ba, vào giờ khai tịnh, người trực mang nước nóng tới và, trong lúc vô ý đã rớt nước sôi bắn vào tay Ngài, do đó ly trà trong tay Ngài rớt xuống đất. Ngài nghe tiếng ly vỡ tan và ngay đây khai ngộ (Thiền sư Tử Bá cũng được khai ngộ khi nghe tiếng bát bể). Nhân dịp Ngài đọc kệ như sau:

Bôi tử phác lạc địa

Hưởng thanh minh lịch lịch

Hư không phẫn toái dã

Cưỡng tâm đương hạ tức

Dịch nghĩa:

Ly trà rớt xuống

Tiếng bể vang lên

Hư không tan vụn

Cưỡng tâm liền hết

Lại có kệ như sau:

Đăng trước thủ

Đã toái bồi

Gia phá nhân vong ngữ nan khai

Xuân đáo hoa hương xứ xứ tú

Sơn hà đại địa thị Như Lai

Dịch nghĩa:

Tay, nước bắn

Chén bể nát

Nhà tan, người mất, nói không ra

Xuân đến nơi nơi ngát hoa thơm

Sông núi đất đai, đều Như Lai.

Khai ngộ rồi, Ngài rời Cao Môn, vân du bốn phương, càng tinh tấn thêm trong việc tu học và tham vấn các Thiện tri thức. Sau, Ngài đến Vân Nam, rồi ở đây trùng tu tự viện tại núi Kê Túc. Vì tài chánh thiếu hụt Ngài phải lên đường đi Nam Dương để quyên góp. Trên thuyền đi tới Singapore Sư nhuộm bệnh, rồi, khi lên bờ Ngài lại không có hộ chiếu. Nhân viên chính quyền Anh quốc nhận thấy Ngài mang bệnh truyền nhiễm nên đưa Ngài tới ở tại Viện truyền nhiễm. Chẳng khác gì đưa Ngài vào chỗ chết. Về sau người ta đưa Ngài về chùa Cực Lạc, an trí riêng một nơi, bề quan luôn, nhưng chỉ ít lâu sau, bệnh của Ngài thuyên giảm. Ngài lại lên đường đi Thái Lan để lạc quyên, tá túc tại một ngôi chùa. Sư nhập định trong chín ngày, trông bề ngoài như người đã chết mà thực không phải chết, nên cả kinh thành Bangkok kinh động. Rồi, trên từ quốc vương, các quan lớn nhỏ, đến dân chúng, mọi người kéo đến xin quy y với Ngài. Các thứ tịnh tài của tín đồ cúng dường đều được gom lại gửi về Vân Nam để lo việc xây cất tu viện.

Mùa xuân năm 1947, chùa Nam Hoa tổ chức Giới đàn và đây là lần đầu tiên tôi được gặp Hòa thượng Hư Vân. Đến nay tôi vẫn còn nhớ, sau lễ truyền giới, Hòa thượng bỗng bị sưng cổ họng, không nói ra tiếng được, thành thử không tiện cho tôi được tham vấn Ngài. Cũng nhờ sự trị liệu của bác sĩ nên dần dà Ngài lại bình phục.

Những gian nan khổ nạn trong cả một đời của Hòa thượng Hư Vân quả thật không thể lời nói mà tả ra được! Tôi nghĩ rằng thật khó kiếm được ai có thể chịu được những cảnh ngộ như Hòa thượng đã trải qua. Hành trạng của Ngài, suốt cả thế kỷ này, độ cho mình độ cho người, lợi mình lợi người, cùng những sự tích thần thông biến hóa, những điềm lành, không thể kể ra ở đây cho hết. Nay tôi chỉ kể sơ lược cuộc đời của Ngài, mong quý vị theo đó mà học tập đức tính kiên trì nhẫn nại của Ngài.

Ngày nay, kẻ xuất gia chỉ ngồi tham thiền trong vài ngày mà cũng mong được cảm ứng, mong khai ngộ được đại trí huệ. Tham lam như vậy là quá đáng! Hòa thượng Hư Vân, một đời xả thân tu Đạo, chẳng kể tới việc sống chết của mình, mới có ngày nhận chân được *bốn lai diện mục*, còn chúng ta đã gặp những khổ nạn gì? Tạo được công đức gì? Vậy mà cũng nuôi vọng tưởng khai ngộ, quả thật là quá ấu trĩ!

Đối với người tu Đạo thì chí không được thoái lui, nguyện không thoái lui, hành không thoái lui, một lòng một ý tinh tấn tiến bước, như câu nói: "tại đầu sào trăm thước, còn tiến thêm bước nữa". Chẳng kể sự thành tựu tới mức nào, mình chỉ biết phát tâm Bồ-đề, nỗ lực tu hành, không màng tới sự toan tính nào khác, nào Ngũ nhãn Lục thông, nào thần thông diệu dụng, đây *chẳng* phải là thành quả rất rạo

của việc tu hành. Nhớ kỹ! Từ sớm đến tối chớ nghĩ đến thân thông, đến khai ngộ, đó là những cục đá buộc chân người tu.

Khai thị trong dịp Thiên thất năm 1981,

từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 7

Tại Vạn Phật Điện của Vạn Phật Thánh Thành

Sự Tích Xuất Gia Của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Lời người biên tập: Thượng nhân Tuyên Hóa quê quán ở huyện Song Thành, tỉnh Cát Lâm, là người họ Bạch. Thân phụ là Phú Hải chuyên về nghề nông, nhất sinh cần kiệm. Mẹ họ Hồ, một đời ăn chay và niệm Phật không sót ngày nào, ưa bố thí, ưa làm việc thiện, hễ ai cần giúp là giúp ngay, nên làng xóm đều xưng tán và coi bà như một vị Bồ-tát sống. Vào đêm ngày 16 tháng 3 năm Mậu ngọ, bà nằm mơ thấy Phật A-di-đà giáng lâm, thân phóng hào quang, soi sáng thế giới, chấn động cả đất trời. Giật mình tỉnh giấc thì nhận ra một mùi hương lạ, tỏa ra thơm ngát dị thường, tràn ngập toàn thân, vào tận gan phổi, đưa tới một trạng thái không thể nghĩ bàn. Phút chốc Tuyên công ra đời, khóc ròng ba ngày ba đêm mới nín, cơ hồ người đã biết cái khổ phải gánh chịu của chúng sanh trong cõi Ta-bà này. Dưới đây xin trích những điều tự thuật của Tuyên công về nhân duyên xuất gia của người.

Thuở nhỏ, trước năm tôi lên 12 tuổi, tôi là một đứa trẻ rất cứng đầu. Cứng đầu tới cỡ nào? Hễ có ai chọc tôi, tôi liền khóc, và một khi đã khóc là không biết bao giờ mới nín. Cha mẹ nói cũng không được, tôi không nghe lời và tôi chỉ làm theo ý của tôi mà thôi. Nhiều lúc tôi không chịu ăn, không chịu uống, cứ như vậy mà kêu khóc, cha mẹ tôi đành chịu thua không còn cách nào bảo tôi nghe lời. Hồi đó tôi biết cha mẹ tôi thương tôi lắm, khi thấy tôi không chịu ăn, thì hết sức mềm lòng, mà chiều theo ý tôi. Thời gian ấy tôi bất hiểu đến độ như vậy, chẳng đếm xỉa gì đến nỗi khổ của cha mẹ, nay nghĩ lại thấy quả thực tôi hư đến quá!

Có một lần, một đứa trẻ bên hàng xóm qua chơi. Hồi đó tôi mới biết bò và đứa trẻ đó cũng đương tập bò như tôi. Chúng tôi bò trên một cái bụi, hai đứa trẻ đua nhau coi ai bò mau hơn. Thấy tôi bò vượt trước nó, nó bò sau, nó bèn cắn vào chân tôi. Quả thật ngu đần là tôi! Thay vì tôi phải phản kháng lại, tôi chỉ biết khóc. Bây giờ nhớ lại thấy tức cười!

Năm đó, lúc tôi 11 tuổi, nhân tôi cùng các trẻ nhỏ trong thôn ra ngoài xóm chơi, tôi có dịp thấy thi thể của một đứa bé. Từ khi ra đời tôi chưa hề nhìn thấy cảnh này, nên tôi nghĩ rằng đứa bé đó đương ngủ, nhưng kêu nó mà nó không tỉnh giấc, hai mắt thì nhắm, hơi thở không còn, tôi chẳng hiểu ắt giáp gì, khi về nhà tôi hỏi mẹ tôi:

- Tại làm sao đứa nhỏ đó lại ngủ ở ngoài đồng?

Mẹ tôi nói:

- Đứa bé ấy chết rồi.

- Tại sao lại phải chết? Tôi hỏi lại.

- Tại sao lại không thể chết? Mẹ tôi trả lời như vậy.

Lúc đó có một người, cùng trong hàng thân thích nói:

- Chỉ có những người xuất gia đi tu thì mới không chết.

Từ lúc đó, nghĩ tới cái chết tôi sợ lắm, tôi không muốn chết. Tôi cảm thấy chuyện sống rồi chết chẳng hay ho gì và trong đầu đã nảy ý muốn xuất gia, tôi muốn đi tu để dứt khỏi cảnh sanh tử.

Một hôm, tôi thưa với mẹ tôi:

-Con muốn xuất gia đi tu, chẳng hiểu mẹ có ưng thuận không?

Mẹ tôi nói:

-Xuất gia là một điều hay, mẹ không thể ngăn cản con được. Tuy nhiên, mẹ nghĩ rằng khi nào mẹ không còn thì con xuất gia cũng chưa muộn.

Vậy là mẹ tôi đã chấp thuận cho tôi xuất gia. Tôi vui sướng vô cùng, dẫu rằng tôi chưa thể đi ngay được. Con người tôi lúc đó liền cảm thấy hối hận vì đã có những hành vi bất hiếu khi trước khiến cha mẹ tôi rất buồn phiền, hao tổn nhiều tâm lực đối với tôi. Làm sao mà báo đáp được ân tình ấy? Tôi nghĩ tới nghĩ lui, bèn nghĩ ra một cách - một cách ngu xuẩn - khấu đầu lạy cha mẹ, tỏ lòng sám hối. Tính như vậy rồi, tôi quyết định thi hành cách đó.

Ngay khi tôi hướng tới cha mẹ khấu đầu lạy xuống, cha mẹ tôi rất đỗi kinh ngạc, hỏi rằng:

- Có chuyện gì mà lạy như vậy?

- Bởi trước đây con làm những điều bất hiếu với cha mẹ, khiến cha mẹ giận, nay con biết như vậy là sai quấy, cho nên bắt đầu từ nay con xin lạy cha mẹ.

Cha tôi nói:

- Nếu đã biết mình lầm lỗi và hối cải là tốt rồi, bắt tất phải lạy nữa

Tôi đáp:

- Xưa nay con đã là đứa cứng đầu, nói ra điều gì thì phải làm theo cho kỳ được.

Cha mẹ tôi vốn biết rõ tính nết của tôi, nên không nói gì thêm, do đó cứ để mặc tôi làm theo đúng ý nguyện và như vậy, cứ mỗi buổi sáng và tối nhận lạy của tôi.

Từ hôm đó, mỗi ngày từ lúc sáng sớm, khi người nhà hãy còn ngủ, tôi đã ra sân hướng tới cha tôi khấu đầu lạy ba lạy, hướng tới mẹ tôi lạy ba lạy. Mỗi tối, sau khi mọi người đi ngủ, tôi lại ra sân lạy cha mẹ tôi mỗi người ba lạy. Một thời gian sau, tôi cảm thấy như vậy chưa đủ, tôi lạy thêm trời và đất. Hồi bấy giờ tôi chưa được nghe nói tới các danh từ vua trời, vua đất, hay vua người, chỉ biết có trời, đất, vua, cha mẹ, thầy học, cho nên cứ sớm và tối tôi lạy trời ba lạy, lạy đất ba lạy, lạy vị nguyên thủ quốc gia ba lạy, lạy cha ba lạy, lạy mẹ ba lạy, lạy vị thầy trong tương lai ba lạy. Tôi khấu đầu lạy như vậy trong một khoảng thời gian, sau đó, tôi vẫn cảm thấy chưa đủ, nên tôi lạy thêm các vị đại hiếu trong thiên hạ, các vị đại thiện trong thiên hạ, các đại hiền nhân và các đại thánh nhân. Về sau, tôi lạy thêm các vị thiện nhân trên toàn thế giới, cũng như các bất thiện nhân trong thiên hạ. Khi lạy trời tôi cầu cho những kẻ đại ác, những kẻ xấu nhất được cải ác ra thiện, tất cả thành người tốt.

Số lạy mỗi ngày một tăng thêm, cho tới con số tám trăm ba mươi lạy (830) cái lạy. Mỗi lần lạy kéo dài hai giờ rưỡi, sớm một lần, tối một lần, tính ra là năm tiếng hồ mỗi ngày. Bất luận ngày có gió to hay mưa lớn, tôi cứ theo đúng số mà lạy ở ngoài sân. Ngay cả trong mùa đông mưa tuyết, tôi vẫn cứ lạy ở ngoài sân. Tôi còn lạy trời cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an.

Trải qua mấy năm khấu đầu lạy như vậy, đến khi mẹ tôi vắng sanh xong thì tôi lại ở bên mộ của mẹ tôi, tiếp tục lạy trong ba năm. Sau đó, tôi xuất gia và bắt đầu nghiên cứu Kinh điển. Tôi nhận thấy rằng Kinh điển Phật giáo quả là một kho tàng phong phú nhất, hoàn thiện nhất mà các tôn giáo khác không có được, không có Kinh điển nào có thể đem ra so sánh được.

Trước khi xuất gia, tôi cũng đã từng tham gia các hoạt động của các tôn giáo khác như tham dự các buổi lễ của Cơ-đốc giáo, của Thiên chúa giáo và cả những pháp hội của các Đạo khác nữa, nhưng nói chung, nếu nghiên cứu đến chỗ rốt ráo để tìm ra phương pháp liễu sanh thoát tử thì thật là thất vọng, vì giáo nghĩa các tôn giáo này không đi đến chỗ cứu cánh. Tuy nhiên người ta nhận thấy rằng Cơ đốc giáo và Thiên chúa giáo lại được nhiều người biết đến và tin theo. Tại sao vậy? Bởi Tân Ước và Cựu Ước đều được phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ, và ý nghĩa thì đơn giản mọi người dễ hiểu.

Còn Phật giáo thì ý nghĩa tuy đạt tới chỗ viên mãn, nhưng Kinh văn thì quá cao siêu, vượt tầm mức của người bình thường, nên ít người tin theo. Do đó tôi liền phát nguyện sẽ quyết tâm đem tất cả Tam Tạng mười hai phần giáo dịch thành văn bạch thoại, rồi lại dịch toàn bộ thành tiếng của các nước trên thế giới. Một phát nguyện liễu lĩnh, bởi tôi đâu có biết tiếng các nước trên thế giới, cũng không có cơ hội học các ngôn ngữ này, lại không có khả năng trí huệ để hoàn thành, chẳng hiểu rồi tôi có thể thực hiện được không?

Vào năm 1962, tôi đến nước Mỹ để hoằng dương Phật Pháp. Tới lúc nhân duyên hội đủ, các đệ tử của tôi bắt đầu công trình phiên dịch để hoàn thành lời tôi phát nguyện. Sau nhiều năm cố gắng, thành tích đạt được khá tốt đẹp, nhưng mục tiêu hãy còn xa lắm, mong rằng tất cả mọi người hãy nỗ lực làm việc nhiều hơn. *Dịch Kinh là công việc của thánh hiền, đó là một việc thanh cao, tột bậc.* Tam Tạng mười hai phần giáo mà dịch hết ra Anh ngữ thì công đức không gì sánh bằng.

Hôm nay, một vị đệ tử đã phát nguyện dịch Kinh Phật ra Anh ngữ khiến tôi hồi tưởng lại lời tôi phát nguyện năm xưa. Tôi hy vọng các đệ tử của tôi đồng lòng hiệp lực để hoàn thành lời nguyện đó.

Ghi chú của người biên: Tại chùa Nam Hoa, trong thời gian gần gũi với Hòa thượng Hư Vân, Tuyên Công được Hòa thượng Hư Vân coi trọng và được giao chức vụ Giám học của Học Viện Giới Luật, và ít lâu sau đó chuyển sang làm chủ nhiệm Giáo Vụ. Trong kỳ lễ truyền giới Tuyên Công được cử làm vị Tôn chứng A-xà-lê. Về sau Tuyên Công được Hòa thượng Hư Vân truyền Pháp Tông Quy Ngưỡng và Tuyên Công thành người nối Pháp đời thứ 9 của Tông này.

Trên đường hoằng Pháp, Thượng nhân Tuyên Hóa đi từ Hương Cảng qua Mỹ, và tại đây Tuyên Công diễn giảng hàng chục bộ Kinh, đề xướng các bộ môn Thiền, Giáo, Luật, Mật, Tịnh cả năm Tông, dẹp bỏ hàng rào ngăn cách giữa các tông phái với nhau, coi việc phục hưng Phật Giáo là trách nhiệm của mình, đồng thời thúc dục hàng môn đệ phải ngày ngày tham thiền, hoặc niệm Phật, sám hối, nghiên cứu Kinh điển, chân thực tu hành, nhằm khuông phò?hánh giáo, ước mong Chánh Pháp được mãi mãi trường tồn.

Thượng nhân Tuyên Hóa bẩm sanh trí huệ siêu việt, có trí nhớ phi thường, một lần đọc qua là nhớ mãi; giảng Kinh hay thuyết Pháp thì không phải theo bản thảo đã soạn sẵn, mà là tùy theo thời điểm, tùy theo nhân sự để thuyết giảng. Với biện tài vô ngại, lời lời thốt ra như nước chảy thao thao, chỗ nào cũng là Đạo, nghĩa lý viên dung khiến ai ai cũng phải bội phục.

Tuyên Công thuyết giảng Kinh Hoa Nghiêm có thể nhắm mắt mà tụng lên Kinh văn, một chữ cũng không sai, quả là điều chưa từng thấy - bút giả được chính mắt trông thấy, chính tai được nghe, nên không thể không khâm phục. Hàng môn đệ thì toàn là thanh niên trí thức với trình độ Đại học, ai nấy đều hết sức kính ngưỡng trước đức độ và kiến thức uyên bác của Tuyên Công, ai ai cũng phải bội phục, ngũ thể đầu địa.

Thế theo lời khuyến dụ của Thượng nhân, một số thanh niên nam nữ, người Hoa có, người Mỹ có, người Việt nam có, đều kéo nhau đến xin quy y và thọ giới Cụ túc để xuất gia tu hành. Trong số này có những vị nguyên là Tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, họ dám bỏ lại đằng sau cả cuộc đời tươi đẹp của mình để vào cửa Phật tìm chân lý. Có người thì thực tập khổ hạnh, nhịn ăn một tuần lễ, hoặc nhịn ăn hai mươi một ngày, ba mươi sáu ngày, đến bảy mươi hai ngày. Cách thức khổ hạnh đó là một việc không tiền khoáng hậu trong sử Phật Giáo tại đất nước Mỹ này và quả là một việc hãn hữu xưa nay. Lại có những vị, để cầu nguyện cho thế giới được hòa bình, phát nguyện làm cuộc hành trình *tam bộ nhất bát*, liên tục trong hai năm sáu tháng, bất chấp gió mưa, quyết mang thể lực của mình để nêu

gương trước đại chúng. Điều này xảy ra chính vì đức hạnh siêu việt của Thượng nhân làm cho họ vô cùng cảm khái, khiến họ phải phát tâm noi theo tinh thần quên mình độ người để hành Bồ-tát đạo.

Thượng nhân giáo hóa môn đệ có phương pháp. Các đệ tử đều giữ đúng quy củ, tu tập nghiêm chỉnh, luôn luôn đáp y theo đúng quy lệ của Phật, ăn mỗi ngày một bữa vào buổi trưa, đêm không nằm ngủ (dạ bất đảo đơn). Có thể nói trên thế giới ngày nay không có nơi nào được như vậy, cho nên Vạn Phật Thánh Thành có thể coi như trung tâm của Phật giáo thế giới và là một biểu tượng có tác dụng chẳng thể nghĩ bàn đối với hết thảy mọi tín đồ Phật giáo.

Năm 1962, Thượng nhân mang Chánh Pháp qua Tây phương, sau đó sáng lập Tổng Hội Pháp Giới Phật Giáo (tiền thân của nó là Tổng Hội Trung Mỹ Phật Giáo), rồi thành lập Vạn Phật Thánh Thành cùng các phân chi Đạo tràng tại Mỹ, Gia-nã-đại, Đài Loan, Mã-lai-á. Nhằm mục đích đào tạo các nhân tài rường cột của thế giới, tại Vạn Phật Thánh Thành, Thượng nhân cho thiết lập Đại học Pháp Giới Phật Giáo, trường trung học Bồi Đức, trường tiểu học Dục Lương. Để Chánh Pháp mãi trường tồn, để vấn đề lý thuyết và thực hành đi đôi với nhau, Thượng nhân còn lập ra một chương trình nhằm huấn luyện Tăng-già và cư sĩ.

Thượng nhân còn thành lập Quốc Tế Dịch Kinh Học Viện chính là nhằm vào công tác phổ biến Kinh Phật trên toàn thế giới. Hiện nay, rất đông Tăng Ni, cư sĩ, đương vуй đầu, tận lực để dịch Kinh Phật sang tiếng Anh. Đến nay đã có một số trên một trăm bộ Kinh và sách bằng tiếng Anh cũng như bằng tiếng Tây phương khác đã được xuất bản và lưu hành.

Cuộc đời tận tụy của Thượng nhân là một sự cống hiến cho pháp mà quên thân mình. Cho đến nay, tuy các phân chi Đạo tràng của Tổng Hội Pháp Giới Phật giáo đã rải rác khắp các nước Mỹ, Gia-nã-đại, và các nước ở Á châu, nhưng Thượng nhân lúc nào cũng giữ một thái độ khiêm cung, giản dị, tự xưng mình là một "con kiến nhỏ", một con vật thấp hèn, địa vị dưới tất cả mọi người, không dám tranh đua với ai. Thượng nhân từng nói:

"Vạn Phật Thánh Thành không phải là một cơ sở của tư nhân, mà thuộc quyền sở hữu của mọi tín đồ Phật Giáo trên thế giới, thậm chí nó là của cả mọi tín đồ tôn giáo khác trên toàn thế giới nữa. Tất cả những ai hiện trú tại Vạn Phật Thánh thành đều tận tụy làm việc, còn tôi chỉ là người giữ cửa, một kẻ tu Đạo, ở đây để chờ đợi những ai có duyên, tới đây để cùng tu tập. Quý vị không nên chỉ đứng ngoài cửa. Quý vị đều là thành viên của Vạn Phật Thánh Thành, tương lai quý vị sẽ thành Phật".

Khai thị tại Vạn Phật Thánh Thành. diện Vạn Phật

Thiền thất từ ngày 16 tới ngày 23 tháng 7 năm 1981

Nhân Duyên Xuất Gia Của Hành Giả Quả Tá

Hồi tôi trụ tại chùa Tam Duyên, thuộc trạm Bình Phòng, cách Cáp Nhĩ Tân (Harbin) khoảng 30 dặm về phía Nam, có một hôm trong lúc thiền quán tôi biết ngày hôm sau sẽ có một chú nhỏ đến xin xuất gia. Sáng ngày hôm sau, tôi dặn đệ tử của tôi là Quả Năng: "Hôm nay có một chú nhỏ đến xuất gia, khi nào chú nhỏ tới thì báo cho tôi biết".

Tới trưa hôm đó, Quả Năng đến phòng của tôi báo cáo với giọng nói vùng Sơn Đông: "Trình sư phụ! Cái chú nhỏ mà Sư phụ nói, quả nhiên y đã đến!" Tôi đi ra phía trước thì thấy có một đứa con trai nhỏ, khoảng chừng 12 hay 13 tuổi, dung mạo toàn vẹn, thân thể tráng kiện, rõ ra tướng của một Tỳ kheo. Khi thấy tôi thì cảm tưởng của y giống như là gặp lại được một người thân đã từ lâu xa cách, y không dẫn được tình cảm, bèn khóc lên vui sướng tột độ.

Tôi mới hỏi: "Tại sao chú muốn xuất gia?" Chú nhỏ đáp: "Bởi con có bệnh (hồi 5 tuổi chú nhỏ đã chữa được bệnh cho người ta, nhưng bệnh của mình thì không chữa được), thầy thuốc đã khám nhưng không tìm ra nguyên nhân, nên không biết thuốc nào chữa được. Cha mẹ con rất lo âu, tìm thầy chạy thuốc khắp mọi nơi nhưng chẳng có hiệu quả gì. Có một đêm, trong ba lần nằm mơ con đều thấy cùng một cảnh trong mộng. Con thấy một vị Tăng, người mập mập, nói với con rằng bệnh của con

không có hy vọng gì chữa khỏi, trừ phi con đến chùa Tam Duyên ở Cáp Nhĩ Tân, kiếm được Pháp sư An Từ rồi theo người xuất gia tu hành thì bệnh sẽ hết mà chẳng cần thuốc. Con ghi nhớ rõ ràng như vậy, bấm với song thân của con để xin phép, rồi mới tới đây, để thỉnh cầu Pháp sư An Từ mở lượng tử bi thâu nhận con làm đệ tử".

Tôi cười và hỏi tiếp:

- Chú quen biết Pháp sư An Từ ư?

- Con không quen biết.

- Chú đã không biết thì làm sao kiếm được ông ấy? Ở đây không có người nào là Pháp sư An Từ cả.

Chú nhỏ nói một cách hết sức tin tưởng:

- Có chứ! Khi con vừa vào tới cửa chùa thì nhận ngay ra vị Tăng mập trong giấc mộng và bây giờ ông ấy đang ngồi ở chỗ này đây (y trở tay vào tượng của Bồ-tát Di Lặc). Ông ấy không có nói dối con đâu. Chính ông ấy bảo con tới đây, không sai mà!

Tôi hỏi tiếp:

- Giấc mộng của chú, có gì làm căn cứ để người ta tin? Hay là chú không có áo mặc, không có cơm ăn, không có nơi ở, nên chú muốn xuất gia?

Chú nhỏ quả quyết:

- Không phải vậy! Con theo đúng như sự chỉ dẫn của vị Thầy mập này (chú ta chỉ vào tượng của Ngài Di Lặc), bảo con kiếm cho được Pháp sư An Từ, vì chỉ có ông ấy mới chữa bệnh được cho con mà thôi. Ví lẽ ấy, trên một tháng nay, con đi bộ hơn một ngàn dặm đường (thuở ấy Nhật Bản vừa đầu hàng vô điều kiện và đường xe lửa miền Mãn Châu chưa lưu thông trở lại). Có lúc con đi qua lữ điểm, rồi phía trước lại không có làng mạc nào, con đành phải ngủ ở giữa đồng trống. Để tranh thủ thời gian, con chỉ biết đi cho tới, chẳng kể đến chuyện gì khác. Có một đêm, con nằm ngủ ở trong một bãi ruộng, chợt có một đàn sói đến vây xung quanh, nhưng con không sợ hãi, con nói với chúng nó rằng: "Chúng bay đi khỏi ngay lập tức! Nếu không đi, tao sẽ không nhân nhượng, cho tụi bay ăn cái quả này (quả lựu đạn)!" . Đàn chó sói nghe xong, liền ngoan ngoãn bỏ đi.

Chú nhỏ kể xong câu chuyện thì nhìn tôi bằng ánh mắt khẩn cầu. Tôi lại muốn thử lòng coi y có thành tâm không. Tôi lấy một miếng bánh mì cho vào miệng nhai nát ra rồi nhổ xuống đất. Tôi bảo chú nhỏ: "Hãy lượm nó lên và ăn đi! Ăn xong rồi sẽ tỉnh". Chú nhỏ không hề do dự, cũng chẳng nề hà lượm miếng mì đầy nước miếng dơ dáy lên, nuốt luôn vào bụng. Thấy thử lòng như vậy cũng đủ chứng minh chú có thành tâm và thiện chí muốn xuất gia, do đó tôi ưng thuận cho chú nhỏ thọ giới Sa di.

Sau ngày thọ giới - giới Sa di - chú dụng công tu hành, hăng hái học tập, không hề lười biếng, cũng không buông thả, và, chưa đầy nửa năm đã chứng được Ngũ nhãn Lục thông, bản lĩnh thì rất cao, có thể nói là thần thông quảng đại. Đây chẳng phải là điều nói ngoa, tuyệt đối là sự thực. Những người ở đây, ai ai cũng biết vị tiểu Sa di đó có thần thông. Rất tiếc về sau này, y sanh tâm kiêu ngạo (cống cao ngã mạn), trong lòng tự mãn, cho rằng mình là hay ho lắm, nên các thứ thần thông cũng không cánh mà bay mất, có muốn biểu diễn thần thông cũng không được nữa.

Chúng ta là kẻ tu hành phải nên chú ý điểm này. Có thần thông cũng hay, mà không thần thông cũng hay, *chớ bao giờ* nên sanh lòng kiêu ngạo, sanh tâm chấp trước, càng không thể lấy chuyện đó để tự quảng cáo mình. *Chủ yếu là phải an phận với mình, tinh tấn và thực tâm tu hành, ra công gắng sức mới là công phu chân chánh.* Công phu hời hợt mà đã chấp vào, nào những thanh âm này, những

cảnh giới kia, cho là ghê gớm lắm! Điều đó tuyệt đối chớ mắc phải, bởi như vậy là cách Đạo cả mười vạn tám ngàn dặm xa!

Khai thị tại Vạn Phật Thánh Thành, Vạn Phật Điện

Thiền thất từ ngày 16 đến 23 tháng 7 năm 1981

Nhân Duyên Xuất Gia Của Hành Giả Quả Thuần

Quả Thuần quê ở thị trấn Cáp Nhĩ Tân (Harbin) thuộc tỉnh Cát Lâm, vốn giòng họ Diêu, chuyên nghề nông. Túc duyên đã có thiện căn, sớm cảm thấy trần thế lắm cảnh khổ, thế gian đầy tội ác, nên lòng đã chớm ý tưởng xuất gia. Y đi khắp các nơi cầu gặp được Minh sư. Một hôm, trên đường đi y bị lính Nhật bắt (hồi đó Nhật chiếm đóng Mãn châu). Họ cho rằng y là kẻ du đãng không nghề nghiệp nên đưa y đi lao công cưỡng bách tại biên giới.

Nơi ấy là một trại lao công tại Hắc Hà. Ngày ngày y mơ tưởng trốn trại, nhưng không sao có được cơ hội trốn đi. Số là xung quanh trại là một vòng hàng rào điện, kẻ nào đào tẩu nếu chẳng bị súng của lính canh bắn hạ, cũng bị đàn chó gác cản chết, mà dù có qua được hai cửa ải này thì cũng bị điện giật chết tại hàng rào nói trên. Như vậy trại lao công đúng là một địa ngục trần gian, khổ không thể nào nói hết.

Một buổi tối, Quả Thuần thấy trong giấc mơ một ông lão râu dài nói với y rằng: "Đêm nay chính là cơ hội cho người thoát khỏi cái lồng giam này. Ở ngoài cửa có một con chó màu trắng, người cứ đi theo nó mà trốn!" Giật mình tỉnh giấc, y rón rén đi tới cửa nhìn ra, quả nhiên ở đấy có một con chó trắng đang chờ đợi. Y bèn theo sau con chó, lọt khỏi vòng rào điện một cách an toàn, rồi trốn về tới tận quê nhà.

Từ chỗ chết, Quả Thuần may mắn được cứu sống, y lại nhận rõ bộ mặt thật của cảnh hồng trần, nên quyết chí xuất gia tu Đạo.

Năm 1944, tôi đi tới thôn Đại Nam Câu để chữa bệnh cho mẹ của một cư sĩ họ Cao. Ngày hôm sau đã có tin đồn rằng bà ấy khỏi bệnh một cách kỳ diệu. Ngày ấy, nghe được tin này, Quả Thuần liền đến để xin bái tôi làm Thầy. Y quỳ gối xuống, không chịu đứng dậy, tôi thấy y thành tâm, nên ưng thuận cho y xuất gia để cho y được thỏa nguyện. Tôi có mấy lời khai thị như sau:

"Tại gia tu hành không phải là dễ, xuất gia còn khó hơn nữa. Có câu nói: ?Đại sự chưa rồi thì giống như đưa ma mẹ; Đại sự rồi rồi càng giống như đưa ma mẹ?. Người tu hành còn phải nhẫn những điều người ta không thể nhẫn được, chịu đựng những gì người ta không thể chịu đựng được, ăn những gì người ta không thể ăn được, mặc những gì người ta không thể mặc được. Phải chuyên cần tu Giới Định Huệ để tận diệt tham sân si, đó chính là bốn phạm của một Sa môn." Tôi có đọc mấy câu kệ sau:

Niệm niệm chẳng quên khổ sanh tử

Tâm tâm mong thoát cảnh luân hồi

Hư không tan vụn thấy Phật tánh

Toàn thể rơi rụng nhận gốc nguồn.

Lại khai thị thêm:

"Hiện nay là thời Mạt Pháp, kẻ xuất gia thì nhiều nhưng kẻ tu hành thì ít; tin Phật thì nhiều, nhưng thành Phật thì ít. Nếu con đã phát nguyện xuất gia, điều cốt yếu là phải phát Bồ-đề tâm, nguyện làm ngọn đèn sáng đứng trước đầu gió, như thỏi vàng ròng trong lò lửa, chớ có phụ tấm lòng lúc ban sơ, người phải cẩn thận!"

Quả Thuần khấn đầu đánh lễ, rồi theo tôi về chùa Tam Duyên thọ giới Sa-di, với pháp danh là Quả Thuần. Sau đó, Quả Thuần tinh tấn tu hành, nghiêm trì giới luật, không giải đãi, không phóng dật, chuyên chú một lòng dụng công tham thiền. Mỗi lần nhập định trải qua trên một ngày một đêm mới xuất định, và trong định chú còn biết hết dòng nhân quả từ quá khứ, hiện tại đến vị lai. Cảnh giới chú đạt được quả thực là bất khả tư nghì.

Tháng 9 năm 1945, Quả Thuần dựng một căn lều cỏ để làm nơi tu hành, ở phía bên trái của miếu Long Vương, dưới chân núi Tây Sơn, trong địa phận Đại Nam Cầu. Khi làm xong, tôi dẫn một số đệ tử Quả Năng, Quả Tá, Quả Thực v.v... đến để làm lễ khai quang. Ngay trong đêm có mười vị Long thần đến xin quy y. Tôi nói với họ rằng:

- Các vị có bốn phận làm mưa, được người đời cúng dường. Nay trời hạn hán như vậy, sao không làm mưa đi?

Các vị Long thần đồng thanh đáp:

- Nếu không có sắc chỉ của Ngọc Hoàng Thượng Đế, các tiểu thần chúng tôi đâu dám làm mưa!

- Các vị hãy thay tôi tâu với vua Đế Thích (Ngọc Hoàng Thượng Đế) để sao cho có mưa vào ngày mai, rồi sau đó tôi sẽ nhận cho các vị quy y.

Ngày hôm sau, quả nhiên trời mưa lớn, giải trừ cơn hạn hán khiến nông dân vui sướng vô cùng, tổ chức ăn mừng cảm tạ các vị Long thần và vui chơi thỏa thích.

Cũng là nhân việc khai quang cho căn lều cỏ của Quả Thuần mà có câu chuyện trên, nên tôi đặt tên cho căn lều này là "Long Vũ Mao Bồng" để ghi lại chút kỷ niệm.

Trong căn nhà cỏ này có ba người cùng tu với nhau, cùng là đồng thôn với nhau cả. Một người họ Lưu, một người họ Dương, cả hai theo Quả Thuần công phu sớm tối, lấy tụng Đại Bi Chú làm công khóa chính. Về sau, ông họ Lưu xuất gia làm Tăng, còn ông họ Dương thì bị đăng vào lính, gia nhập đệ bát lộ quân. Ở trong quân ngũ, ông họ Dương vẫn luôn luôn gửi thư về nhà, nhưng về sau thì bất tin hoàn toàn, khiến gia đình buồn phiền ngờ rằng y không còn tại thế.

Năm 1948, một hôm Quả Thuần cùng ông họ Cao tụng Chú Đại Bi trong căn nhà cỏ, hốt nhiên nghe có tiếng ai gõ cửa, và, khi mở cửa thì đó là ông cư sĩ họ Dương. Ông đã trở về, nhưng không nói năng gì mà đi ra phía sau nhà. Quả Thuần trở vô tiếp tục tụng Chú Đại Bi. Tụng xong, Chú đi ra phía sau để gặp ông Dương, tính hỏi chuyện coi hai năm qua ông ở những chỗ nào? Chẳng dè khi bước vào buồng phía sau thì chẳng thấy ai ở đây, chỉ thấy một con chồn vầy đuôi và chạy mất.

Số là Quả Thuần trì Chú Đại Bi, nên có đủ oai đức thành thử không bị giống hồ ly (cáo, chồn) mê hoặc, bởi vậy nó phải hiện trở lại nguyên hình là giống chồn. Đại khái câu chuyện xảy ra là ông họ Dương đã chết tại chiến trường, nỡ bị chồn ăn và vì đó mà chồn hiện thành hình ông ta để mê hoặc người khác. Nó có ngờ đâu rằng định lực của Quả Thuần đã tới trình độ cao, không dễ gì bị giao động, tà không lẫn át được chánh, nên con chồn tinh thấy khó làm gì nổi đành phải rút lui. Như vậy cho thấy rằng người tu cần có những cảnh huống đó để thêm kinh nghiệm và cần phải cảnh giác đừng để ngoại cảnh lay chuyển.

Năm 1945, vào dịp lễ Vu Lan ngày rằm tháng 7 âm lịch, tôi cùng các đệ tử dâng hương trước Phật đài. Tôi có khấn nguyện rằng: "Nếu tôi sống tới một trăm tuổi, tôi nguyện tự thiêu thân này cúng dường Phật để cầu Đạo vô thượng". Lúc bấy giờ, tất cả các đệ tử đều phát tâm nguyện như vậy. Riêng Quả Thuần phát nguyện: "Đệ tử Quả Thuần, nếu gặp được cơ duyên thích hợp, nguyện theo gương Bồ-tát Dược Vương, thiêu thân cúng Phật, không chờ tới năm một trăm tuổi". Trong lúc thiêu quán, tôi đã biết rằng trong tiền kiếp Quả Thuần đã từng có lời nguyện đó, nên tôi nhận cho y phát nguyện như trên.

Quả Thuần nhận rõ cảnh thế gian vô thường, Phật giáo suy vi, trong lòng cảm thấy bi thương vô hạn, không cách gì tả xiết, do đó vào ngày 18 tháng 4 năm 1949, chú đã nguyện tự thiêu, hiến thân cho Phật Giáo. Chú chuẩn bị củi tẩm bằng dầu đốt, rồi ngồi ngay phía trên, tự đốt thân mình. Ngày hôm sau, dân trong thôn xóm mới biết, đến nơi quan sát thấy toàn thân Quả Thuần đã thành tro, chỉ có trái tim là không bị đốt cháy. Người trong thôn lấy làm kính ngưỡng, đem khối tro tàn cùng trái tim chôn ngay tại chỗ.

Khai thị tại Vạn Phật Điện. Vạn Phật Thánh Thành

Thiền Thất từ ngày 16 đến 23 tháng 7 năm 1981

Sáu Đại Tông Chỉ Của Người Tu Đạo

Kẻ tu hành phải có con mắt trạch pháp ("Trạch Pháp nhãn" hay "Dharma-selecting vision"), mới có thể chọn lựa thứ gì là chánh pháp, thứ gì là tà pháp. Chánh pháp là *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối*. Đây là sáu đại tông chỉ, người tu Đạo noi theo sẽ có được chánh tri và chánh kiến. Ngược lại, tà pháp chính là tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối. Nếu có sáu thứ đó thì sẽ có tà tri và tà kiến. Đây là điểm then chốt, là đường phân ranh giữa hai phía, hướng tới phía trước là Chánh pháp, về phía sau là tà pháp. Chúng ta phải nhận cho rõ điểm này.

Giả như không có tà tri và tà kiến thì chỉ cần giữ định lực kiên cố, ma vương sẽ không có cách gì quấy phá ta, không thể làm cho tâm ta lay động. Có câu rằng: "Phật đến giết Phật, ma đến giết ma". Câu này là nghĩa thế nào? Đây chỉ là lời khuyên ta không nên quá chấp vào cảnh giới. Thấy Phật đến mà cũng không tiếp nhận hình ảnh này, huống chi là thấy ma! Tuy rằng trong nhiều trường hợp các cảnh giới đó là những tin báo trước, rất linh ứng, nhưng chúng ta cũng không nên tin vào. Điều mà chúng ta cần tin tưởng chính là sáu đại tông chỉ, chẳng tranh, chẳng tham, chẳng cầu, chẳng ích kỷ, chẳng tự lợi, chẳng nói dối. Đó chính là lưỡi gươm chém ma, cái chày hàng phục ma vậy.

Như có đủ chánh tri chánh kiến thì dầu có được chư thiên hiện thân đến cúng dường, và cung kính khấu đầu, người tu cũng không động tâm. Rủi có sự động tâm hay sanh tâm hoan hỷ, thì loại *ma hoan hỷ* sẽ thừa cơ đến phá, làm người tu phát cuồng. Rủi có tâm u sầu thì loại *ma u sầu* sẽ đến làm cho tâm nhiễm phiền não, hoặc có khi sanh tâm chấp trước, tâm ngã mạn. Tất cả những thứ đó đều do ma quấy phá, khiến cho tâm mất sự thanh tịnh.

Bởi vậy cho nên hễ gặp bất cứ loại cảnh giới kỳ quặc nào, người tu cũng không nên tin, không để cho tâm động. Chỉ nên tin vào trí huệ của mình, tin rằng tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, tự tánh vốn là thanh tịnh, vốn không bị nhiễm ô, vốn không điên đảo. Như vậy thì còn cái gì để mong cầu nữa? Phàm có sự cầu mong là có sự nhiễm ô; có tranh, có tham, có ích kỷ, có tự lợi, có nói dối tức là có nhiễm ô. Gặp bất cứ pháp nào chúng ta đều có thể lấy sáu tông chỉ lớn đó làm thước đo, để quan sát, thứ nào hợp là Chánh pháp, thứ nào không hợp là tà pháp.

Sáu đại tông chỉ có thể phá tà tri và tà kiến của thiên ma ngoại đạo. Tất cả những hành vi tạo tác của thiên ma ngoại đạo đều có tính cách sở cầu, chủ ý để tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối, cho chính mình chẳng phải cho tha nhân. Đó là những tư tưởng thuộc về hàng bàng môn tà đạo.

Người tu Đạo phải tích lũy công, bồi đắp đức hạnh, nhưng không được chấp trước những điều đã thực hiện, như câu thường nói: "quét sạch mọi pháp, ly hết mọi tướng", chớ không thể nói rằng: "Tôi làm công đức này, tôi tu hành như thế kia" hay nói: "Tôi đã đạt tới cảnh giới này, tôi có pháp thần thông kia". Cho rằng có những thứ đó, nhưng xét kỹ chúng đều là hư dối, không nên tin, không thể bị mắc vào. Nếu tin vào những điều kỳ dị, những pháp thần thông thì người tu không thể vào được chánh định, chánh thọ (tức Tam-muội). Nên hiểu rằng chánh định, chánh thọ không phải từ bên ngoài mà có được, nó phải từ trong tự tánh mà sanh ra. Bằng cách nào người tu đạt được? Đó là do công phu hồi quang phản chiếu, quay lại nơi mình (phản cầu chư kỳ), chánh định chánh thọ mới thành tựu được.

Vạn Phật Thánh Thành là nơi tụ hội của muôn vạn bậc thánh. Tuy nhiên bốn phía xung quang Thành lại có những ma vương đương chờ cơ hội để nhập vào. Nếu như người tu mà tâm không thanh tịnh, trong đầu chỉ toàn là vọng tưởng thì ma vương sẽ thừa cơ lên đến xúi bẩy, tỷ dụ như chúng làm cho người tu tiên đoán chuyện này chuyện nọ. Nếu người tu lại tin rằng đó là thần thông mình đạt được, thì chính người đó đã bị cho vào tròng, thành kẻ quyến thuộc của Ma vương.

Cũng như khi nghe được một thanh âm nào, quý vị đã vội cho rằng đó là lời trong hư không. Thật ra hư không chẳng có tiếng nói, mà phải biết rằng: "lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm theo duyên". Giả tỷ nghe thấy thanh âm của hư không, đó chỉ là cảnh giới ma chớ không phải do "Đại Viên Kính Trí" mang lại. Có xá gì một chút tin tức nhỏ nhoi không đáng kể!

Tâm tư của người tu phải thanh tịnh. Chớ tham cầu khả năng dự tri. Dự tri chẳng mang lại điều gì hay mà ngược lại chỉ gây thêm phiền phức, khiến cho chúng ta phân tâm, không tập trung được tinh thần, do đó vọng tưởng sẽ rối bời và phiền não thêm chồng chất. Nếu chẳng có dự tri, quý vị sẽ không có phiền não, tâm không bị chướng ngại. Tâm Kinh có nói: *"Bởi không chướng ngại, nên không sợ hãi, ly hết mọi mộng tưởng điên đảo, Niết-bàn cứu cánh"*. Đây mới chính là mục tiêu của hành giả trên con đường tu Đạo.

Tham Miết Sẻ Tự Nhiên Khai Ngộ

Phép tắc ngồi tham thiền là mắt trông xuống mũi, mũi quán miệng, miệng quán tâm; cách đó dùng để chế ngự tình trạng tâm ý lăng xăng như câu người ta nói "tâm viên ý mã", và cốt giữ cho tâm khỏi hướng ra ngoài tìm kiếm. Trong Thiền đường, hành giả không được nghiêng ngó đông tây, vì nếu cứ như vậy thì tâm sẽ bắt theo cảnh bên ngoài mà không thể nào tham được. Điểm này là chỗ quý vị phải đặc biệt chú ý! Thời gian của thiền thất là vô cùng quý giá, một phút một giây cũng không thể bỏ phí, quý vị phải nắm lấy cơ hội đó mới có thể phát triển trí huệ.

Người tu hành chớ nên trân quý cái túi da hôi thối này. Phải lìa ý nghĩ đó mới có thể dụng công tu hành; Nếu không lìa được nó, người tu sẽ biến thành nô lệ của nó và từ sớm đến tối chỉ phục vụ nó mà thôi. Do đó người tu hành chân chánh phải coi nó như một túi da hôi thối, nghĩa là tránh sự coi trọng nó. Coi nó là quan trọng thì sẽ có chướng ngại trên đường tu. Chúng ta phải "mượn cái giả, tu cái thật", tức chỉ coi nó là một phương tiện.

Trong lúc tham, điều tối kỵ là ngủ gục. Có hai loại bệnh mà đa số thiền sinh thường mắc phải, một thứ là trạo cử, một thứ là hôn trầm; nếu như tâm không bị vọng tưởng, thì lại bị cảnh hôn trầm. Bởi vậy khi dụng công phải vận dụng hết tinh thần để tham, tuyệt đối không để cho ngủ gục. Nếu đã vào định rồi thì đó là chuyện khác.

Công phu tham thiền sẽ dẫn tới chánh định chánh thọ, cái đó cũng gọi là tam-muội. Nếu như chúng được thì đây là cảnh giới "như như bất động, liễu liễu thường minh". Làm sao đạt được? Tất phải một phen khổ công, tinh tấn vượt mực, trong tâm không một vọng tưởng, cho đến lúc "một niệm chẳng sanh, toàn thể hiện", cuối cùng thấy được "bốn lai diện mục, bốn địa phong quang".

Chìa khóa của tham thiền là thoại đầu. Niệm trước niệm sau là tham thoại đầu. Tham miết sẻ tự nhiên khai ngộ, tham cho đến lúc "sơn cùng thủy tận", tự nhiên sẽ có tin vui, cảnh giới "hoa tươi dưới liễu" sẽ xuất hiện trước mắt. Có người nói: "Tôi đã tham dự bao nhiêu lần thiền thất, chẳng biết tại sao tôi không khai ngộ?". Nguyên do vì bạn chẳng chịu khổ công mà lại cứ mong cầu sự khai ngộ. Nên hiểu rằng khai ngộ là kết quả của sự tích lũy công phu. Lâu dần công đức viên mãn, thời gian tới nơi, tự nhiên bạn được khai ngộ. Bạn không có công phu gì, mà lại muốn khai ngộ thì đó là một vọng tưởng si mê, chẳng khác gì "ếch nhái mà muốn thưởng thức thịt thiên nga", một chuyện không thể thực hiện được.

Tu Đạo Không Nên Tranh Hơn

Hiện nay trong Thiên Thất, các hành giả dụng công nhưng là loại công phu hồi hợt. Người ta coi thiên như là một cuộc đua, để tranh nhau về nhất. Anh có thể ngồi trong ba tiếng đồng hồ thời tôi sẽ ngồi trong năm tiếng, hơn anh một bậc. Nếu thiên mà còn mang tâm lý đó thì quý vị ngộ làm sao được? Cho dù quý vị ngồi tới tám vạn đại kiếp cũng không thể nào minh tâm kiến tánh được. Tại sao vậy? Chỉ vì quý vị có tâm hơn thua. Có câu rằng:

Tranh, do tâm hơn thua

Là đi ngược với Đạo

Trong tâm sanh bốn tướng

Làm sao đạt tam muội?

Bốn câu kệ trên dùng để cảnh giác người tu không được sanh tâm tranh. Khi công phu đầy đủ, trí huệ hiển bày, tự nhiên sẽ có người khác phẩm bình đưa ta lên hạng nhất. Như vậy mới là hạng nhất thật sự. Còn như trong tâm quý vị tham đứng hạng nhất, thì đây là tâm hơn thua, đi ngược với Đạo.

Người tu hành phải giống như nước. Tánh của nước là khiêm nhường, không tranh công, không tham đức, cái gì tốt thì để cho người, cái gì xấu thì giữ lấy cho mình. Lão tử nói: Cái thiện tốt cùng giống như nước. Nước đem lợi ích cho vạn vật mà không tranh. Nước ở nơi mà mọi người khinh rẻ, do đó nước hợp với Đạo".

Thiện tốt cùng chỉ những hành giả ưu hạng. Họ được ví như nước. Nước chảy tới những chỗ thấp, nước đem lại lợi ích cho muôn vật mà không tranh công tranh đức. Bất kể đối với loài nào, chim chóc, cá tôm, động vật hay thực vật, bất kể sanh ra do thai, do trứng, do khí ẩm, hay là hóa sanh, nước đều đối xử ngang nhau và cho đều tất cả. Người tu hành cũng vậy, đối với tất cả chúng sanh đều coi như cha mẹ của mình trong quá khứ, như các vị Phật trong tương lai. Người tu phải rải tâm từ bi, tìm các phương tiện để cứu chúng sanh ra khỏi bể khổ; trú ở những nơi mà chúng sanh không muốn trú. Có được những tư tưởng đó thì hành giả đã gần tới Đạo. Còn như tâm hơn thua là không hợp với tông chỉ của kẻ tu hành, ngược lại với Đạo vậy.

Người tu hành không nên có bốn tướng.

- Ai tu đó? Như tự cảm thấy là không có ai tu, tức là không có tướng ngã (vô ngã tướng).
- Tự mình không cảm thấy hơn thua với ai, tức là không có tướng của người (vô nhân tướng).
- Không thấy tướng mình, không thấy tướng người, tự nhiên tướng chúng sanh cũng không (vô chúng sanh tướng).
- Như đã không có tướng chúng sanh thì lấy đâu ra tướng của thọ mạng? Vậy là vô thọ giả tướng.

Như nếu còn tư tưởng muốn tranh hơn kém, tất nhiên sẽ có bốn tướng; có bốn tướng thì không sao đạt được tam-muội. Nghĩa lý đó chúng ta phải thực tập, mài dũa cho nhiều. Tóm lại, ai còn bốn tướng là phạm phu, ai không có bốn tướng là Bồ-tát.

Người tu phải ghi nhớ bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang:

Hết thảy các pháp hữu vi

Như mộng, huyễn, bọt, hình

Như sương, như điện chớp

Nên quán chúng như vậy.

Phàm cái gì có hình có tướng đều là pháp hữu vi. Pháp hữu vi cũng giống như một giấc mộng, một thứ huyền hóa, một cái bọt nước, một cái bóng hình, một tia điện chớp, toàn là những thứ hư vọng không có thực chất. Hết thảy mọi thứ đều phải quán như vậy, mới có thể hiểu minh bạch lẽ chân thật, để chúng ta không chấp trước, không bị vọng tưởng quấy nhiễu.

Kinh Kim Cang còn nói: *"Tâm quá khứ chẳng có được, tâm hiện tại chẳng có được, tâm vị lai chẳng có được"*. Tại sao tâm quá khứ chẳng có được (bất khả đắc)? Bởi quá khứ đã qua rồi, quan tâm tới nó làm gì nữa? Tâm hiện tại cũng chẳng có được, bởi cố gì? Bởi trong hiện tại các niệm nổi tiếp không ngừng. Quý vị bảo đây là hiện tại, nhưng khi nói xong thì cái hiện tại đó cũng qua rồi, thời gian chẳng chịu ngưng lại. Tại sao tâm vị lai chẳng có được? Bởi vị lai là chưa có tới. Cho nên quá khứ, hiện tại, vị lai, ba tâm này chẳng có được. Nếu quý vị theo đúng Pháp mà Phật chỉ dạy để tu hành thì ngay đó có thể đạt được cảnh giới Niết-bàn.

Người tu Đạo phải y theo chánh tri chánh kiến, coi đó là mẫu mực để tinh tấn thực tập. Lúc tu là lúc "lìa tướng ngôn thuyết", bởi không còn gì để nói ra nữa; cũng là lúc "lìa tướng tâm duyên", vì không còn duyên nào để tâm theo đuổi; "lìa tướng văn tự", vì không còn chữ nghĩa gì để tả ra. Nếu đã không nói được ra, thì có gì để ghi nhớ? Còn cái gì mà chúng ta không buông bỏ được? Còn gì nữa để chúng ta quan tâm? Quý vị! Hãy dụng công ngay tại chỗ đó, thay vì dụng công hời hợt ở cái vỏ ngoài!

Có người nghĩ rằng: "Hôm nay tham thiền, chân mình không bị đau, lưng không bị mỏi, đến giờ khai tịnh mà cũng không hay". Nói như vậy tức là người đó đã ngủ quên, tất nhiên chẳng còn hay biết gì hết. Đừng ngộ nhận cảnh giới đó, kéo lại bị tẩu hỏa nhập ma!

Quý vị nên chú ý! Khi tham thiền gặp cảnh lạ, quý vị cũng đừng quan tâm, đừng chú ý, cứ để tự nhiên, đừng cho cảnh lạ lay chuyển. Kinh Lăng Nghiêm giảng về điểm này rất rõ. Mong các hành giả tìm nghiên cứu phần *"Ngũ Thập Ấm Ma"* cho tường tận. Kinh Lăng Nghiêm là một tấm gương quý báu cho người tham thiền, do đó tất cả những ai tu phải nghiền ngẫm bộ Kinh đó.

Mục Đích Của Người Tu Hành Là Thành Phật

Vì lẽ gì mà tu hành? Tu hành để thành Phật. Thành Phật bằng cách nào? Bước đầu là "chẳng làm điều ác, nguyện làm các việc thiện". Bước kế tiếp là "chuyên cần tu Giới Định Huệ, dập tắt tham sân si". Tiến lên bước nữa "phát tâm Bồ đề, hành đạo Bồ-tát". Vì các lẽ ấy, khi chưa thành Phật, người tu phải chọn con đường sáng sửa quang đăng mà đi. Chớ nên mưu đồ quanh co, tìm con đường tắt gặp ghềnh, mà bị lạc hướng. Xin hãy lưu ý! Hãy cẩn thận!

Người tu hành chân chánh cứ y theo pháp mà tu tập, không ngại khổ, không sợ khó, mạnh dạn dẫn thân, tới thẳng Phật quả. Có câu nói như sau:

Mài chầy thép thành kim khâu

Công đức vẹn tự nhiên thành

Dụng công cho đến chỗ tận cùng, tự nhiên Phật quả thành tựu. Còn như tự khoe mình tài giỏi, có công đức thì chẳng bao giờ thành Phật được.

Khi nào Ngũ nhãn khai mở, quý vị sẽ thấy chư Phật mười phương tu hành như thế nào mà thành Phật quả; quý vị có thể thấy chư Bồ-tát mười phương tu hành cách nào mà được quả Bồ-tát; quý vị có thể thấy mười phương A-la-hán đã dụng công ra sao để tới quả A-la-hán. Trong một thoáng, quý vị nhận được ngay các cảnh giới đó.

Người có thần thông Ngũ nhãn chỉ cần thời gian một niệm là đã thông đạt rõ ràng tất cả lời Phật dạy ghi trong Tam Tạng Giáo Điển, cũng như thấu hết Thực tướng các pháp.

Trong lời nguyện tam quy có những câu:

- Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại Đạo, phát vô thượng tâm.
- Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải.
- Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

Nếu như có thể "thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải", thì lúc đó không chỗ nào là không thông, không chỗ nào không rõ, không chỗ nào không biết, không chỗ nào không thấy, đó là lúc khai ngộ triệt để. Chớ giữ cái nhỏ, để mất cái lớn; chớ tham những cảnh giới nhỏ nhoi làm che mờ trí huệ Đại Viên Kính. Theo lối đó là không thể thâm nhập Kinh tạng, không thể có trí huệ như hải.

Người có đại trí huệ thì tuyệt đối không tham những cảnh giới nhỏ, bởi những ai ham những cảnh đó tức họ không biết phân biệt chân giả. Họ lẫn lộn vàng thau, coi thau là vàng ròng, thậm chí pha lê cũng giống như loài đá vậy. Tại sao vậy? Họ không phân biệt được đâu là thật, đâu là giả.

Người tu Đạo phải có chánh tri chánh kiến, không đảo lộn phải trái và đen trắng phải phân minh, chớ không thể lấy mắt cá làm hạt châu, chẳng thể nhập nhằng che mắt người khác. Nếu không vậy là có tà tri tà kiến, muôn đời không thành Phật.

Như thế nào là chánh tri chánh kiến? Nói một cách đơn giản, chúng ta phải gạt ba cái độc là *tham sân si*, giữ cho thân tâm thanh tịnh, trí huệ sẽ hiển bày và chiếu sáng, khiến cho sự đen tối của vô minh tan biến, phiền não được diệt trừ. Tới được cảnh giới này thì chứng quả, mong quý vị hướng tới mục tiêu đó tinh tấn tu hành.

Hãy Chấm Dứt Vọng Tưởng!

Quý vị ngồi trong Thiền đường, trông bề ngoài có vẻ như đang tham thiền nhưng bên trong chính là đang đuổi theo vọng tưởng. Các vọng tưởng này dẫn chúng ta lúc thì lên trời, lúc xuống đất, lúc làm quỷ đói, lúc làm súc sanh. Những loại đó đều sanh ra từ gốc trong tham sân si. Bảo rằng siêng năng tu giới định huệ, nhưng kỳ thực không tu giới định huệ; nói là diệt tham sân si, nhưng kỳ thực không diệt tham sân si. Kỳ quặc như vậy đó! Chẳng cứ riêng đời này mới như vậy, mà đời đời kiếp kiếp mình theo lối đó, cho nên mới có chuyện đi lên đi xuống, quẩn quanh trong sáu nẻo luân hồi, không bao giờ ngừng lại. Làm kiếp con chó, cảm thấy mình là nhất; làm kiếp con mèo, cũng cảm thấy mình là nhất; nói tóm lại bất luận trong kiếp chúng sanh nào cũng tự coi mình là hạng nhất. Tại sao vậy? Tại có chấp trước bởi vô minh. Nếu như thực lòng tu Đạo, cố gắng tham thiền thì mới có thể giải thoát khỏi cảnh luân hồi và chứng được Niết-bàn an lạc. Có một số tu hành thiếu nghiêm túc đã để cho thời gian trôi qua uổng phí. Thấy mọi người ngồi, mình cũng ngồi; mọi người đi ta cũng đi; ai làm sao thì mình làm vậy. Những người đó đem vấn đề sanh tử của chính mình ném lên tận chín tầng mây xanh, không coi nó là quan trọng tí nào, nên không quyết tâm tu, không chịu dập tắt vọng tưởng. Họ ngồi ở đây, nhưng đầu óc thì hết tâm tưởng này đến tâm tưởng khác, một ngày có đến tám vạn bốn ngàn vọng tưởng mà còn thấy chưa đủ. Vọng tưởng! Lại vọng tưởng! Vọng tưởng làm cho tâm nhiễu loạn tới bởi, thần hồn điên đảo, quả thật đáng xót thương!

Vậy thì làm sao cho hết vọng tưởng? Hãy tham thoại đầu, không có cách gì khác. Tuy thoại đầu cũng là vọng tưởng, nhưng nó có tác dụng làm cho tinh thần của quý vị tập trung lại, không cho tâm đi ra ngoài rong ruổi. Đây chính là cách lấy độc trị độc, dùng một vọng tưởng để khống chế các vọng tưởng khác, lấy một vọng tưởng làm đề mục để tham, tham đi tham lại, nên không còn vọng tưởng khác. Khi hành giả tới được trình độ không còn vọng tưởng nữa đó chính là thời cơ khai ngộ. Khi đó, một lời, một cử chỉ, một hành động cũng có thể mở cho quý vị cánh cửa khai ngộ.

Nhập Định Không Phải Là Ngủ

Có người hỏi tôi: "Nhập định và ngủ khác nhau ở chỗ nào?" Nói sơ qua thì khi nhập định, hành giả ngồi ngay ngắn, lưng thẳng, hô hấp có thể ngừng, mạch có khi không đập, trông bề ngoài như là người chết, nhưng tri giác thì vẫn có đủ. Nhập định thì ngồi yên không động, có khi trong một ngày, hay mười ngày, cho đến cả tháng. Còn như nếu là người ngủ, thì thân xiêu vẹo. Đầu nghiêng ngả, hơi thở ra vào phì phò, có khi còn phát ra tiếng ngáy như sấm. Đó là chỗ khác nhau.

Thực tập thiền cũng ví như người đi học, từ tiểu học, qua trung học, đại học, rồi tới giai đoạn nghiên cứu, sau mới được cấp bằng Tiến sĩ. Pháp môn tham thiền cũng giống như vậy, chia là bốn nấc, gọi là tứ thiền. Xin giảng sơ lược như sau:

Sơ thiền, còn gọi là "Ly sanh hỷ lạc địa". Đây là trạng thái đưa hành giả lìa hẳn cảnh giới chúng sanh, nên đạt được một trạng thái khoái lạc. Khoái lạc này không giống khoái lạc của phàm phu, bởi nó là công phu do tự tánh mang lại. Khi nhập sơ thiền, hơi thở ngưng lại. Đây là nói *ngoại* hô hấp đình chỉ, nhưng *nội* hô hấp bắt đầu hoạt động, giống như hiện tượng đông miên của các loài vật. Khi ấy, tâm thì trong suốt như nước, sáng như gương, soi chiếu tới bốn thể của tự tánh, nhưng vẫn hay biết là mình đương ngồi thiền.

Nhị thiền, gọi là "Định sanh hỷ lạc địa". Vào trong định này, hành giả kinh nghiệm một thứ khoái lạc không gì sánh được, chính là "thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn", bởi trong cảnh giới này hành giả thấy khoái lạc quên luôn cả đói, có thể nhịn ăn, nhịn uống trong nhiều ngày mà không có vấn đề gì. Tuy nhiên, chớ chấp trước vào thành tựu đó. Như quả có ý như vậy, công trình có thể tiêu tan, dễ đi vào cảnh giới ma, nên chúng ta phải cẩn thận. Trong định này, không những hô hấp đình chỉ mà mạch cũng ngưng đập. Khi nào ra khỏi định, cơ thể lại trở lại hoạt động bình thường.

Tam thiền gọi là "Ly hỷ diệu lạc địa". Hành giả lìa sự hoan hỷ trong nhị thiền, đạt tới một thứ khoái lạc kỳ diệu không thể nói ra được, đồng thời cảm thấy hết thảy mọi thứ đều là Phật Pháp, mọi thứ đều là khoái lạc. Trong cảnh giới tam thiền, cả hô hấp và mạch đều đình chỉ, ý niệm cũng dừng lại. Khi ấy, chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, chẳng nghĩ phải, chẳng nghĩ quấy, một niệm cũng chẳng sanh. Tuy nhiên, hành giả cũng đừng tự hào, vì đó chỉ là một chặng trên đường tu mà thôi. Đến được chỗ liễu thoát sanh tử hãy còn xa lắm, còn cách cả tám vạn bốn ngàn dặm đường nữa.

Tứ thiền gọi là "Xả niệm thanh tịnh địa". Trong cảnh giới này, ngay cả niệm khoái lạc cũng không còn, tất cả đều bị xả bỏ và hành giả đạt tới một trạng thái thanh tịnh, không còn gì phải tạo tác. Đây cũng gọi là cảnh giới "vô vi vô sở bất vi." Giai đoạn tứ thiền cũng chỉ là một chặng trên đường dụng công tham thiền, đừng nhận lầm tự cho mình đã chứng quả, kéo có thể phạm vào lỗi lầm của Tỳ kheo Vô Văn, màọa địa ngục.

Tứ thiền vẫn còn trong phạm vi phàm phu. Phải tinh tấn dần bước nữa, tới cảnh giới "ngũ bất hoàn thiên" mới gọi là chứng quả thánh. Vậy mà tới đây vẫn chưa giải quyết xong vấn đề sanh tử bởi chưa vượt khỏi vòng Tam giới. Điểm này phải nhận cho rõ, không thể mơ hồ được.

Kinh Lăng Nghiêm Là Kinh Ngụy Tạo Chẳng?

Đại sư Hám Sơn từng nói hai câu như sau: "*Chẳng đọc Pháp Hoa thì chẳng hiểu khổ tâm cứu đời của Như Lai; chẳng đọc Lăng Nghiêm thì không nắm được then chốt về mê hay ngộ của tu tâm*". Dích xác là như vậy, bởi Kinh Lăng Nghiêm bao gồm hết thảy các pháp, nhiếp thọ hết mọi căn cơ, là pháp môn tinh túy của các đời, là ấn chứng chính để thành Phật và làm Tổ. Vì lẽ đó, người tu thiền bắt buộc phải nghiên cứu kỹ lưỡng bộ Kinh này, và hiểu thấu cảnh giới "*năm mươi loại ám ma*" để tránh khỏi sa vào vòng của Ma vương. Nếu không vậy, không có sự nhận thức cho rõ ràng, thì bạ cảnh giới nào gặp phải cũng sanh tâm chấp trước, hành giả sẽ dễ nhập vào ma cảnh, thành kẻ quyền thuộc của ma vương. Đó là một điều cực kỳ nguy hiểm!

Chẳng riêng Chú Lăng Nghiêm phải thuộc lòng, mà Kinh Lăng Nghiêm thiền giả cũng phải thuộc nữa. Người ta nói "thuộc sẽ nảy cái hay", thời cơ tới sẽ có nhiều lợi ích, sẽ có sự cảm ứng chẳng thể nghĩ

bàn. Hễ người nào nghiên cứu văn học Trung quốc, tất phải đọc Kinh Lăng Nghiêm, văn từ thì ưu mỹ, nghĩa lý phong phú, tóm lại là một bộ Kinh lý tưởng.

Có một số tự cho mình là học giả có hạng, chưa hề nghiên cứu sâu rộng về Đạo Phật, đã tự nhận mình là chuyên gia Phật học, tự nhận mình có đủ uy tín mà sự thực không hiểu Phật giáo cho đến ngành ngọn, khinh xuất cho rằng Kinh Lăng Nghiêm là một kinh ngụy tạo. Từ đó lại có một số, có dụng ý khác, ủa theo phụ họa. Đúng là kẻ mù dắt kẻ mù, thật đáng thương xót!

Tại sao người ta bảo Kinh Lăng Nghiêm chẳng phải do đức Phật Thích Ca thuyết giảng? Chẳng qua vì nghĩa lý trong bộ Kinh rất ư chân thật. Kinh đã nêu ra cho kỳ hết các căn bệnh của thế gian, bởi đó mà các loài yêu ma quỷ quái, các loài quỷ trâu, quỷ rắn, không còn cách nào hoành hành, phải hiện rõ nguyên hình của chúng. Từ đó chúng tìm mọi cách để phá, chúng phải tuyên truyền Kinh Lăng Nghiêm là kinh ngụy, thì chúng mới có cơ để sinh tồn. Nếu như thừa nhận đây là lời Phật thuyết pháp thì đối với chúng là không xong. Trước hết chúng không giữ được "Lời dạy về bốn loại thanh tịnh", thứ hai chúng không tu tập được các "Pháp viên thông của hai mươi lăm bậc thánh", thứ ba chúng không dám đối diện với các cảnh giới của "Năm chục loại ấm ma".

Nếu như ai ai cũng đọc Kinh Lăng Nghiêm, cũng hiểu rõ Kinh Lăng Nghiêm, thần thông của hàng ngoại đạo sẽ hết linh ứng, thành ra vô dụng khiến cho không ai còn tin vào thần thông của họ nữa. Đó là lý do bọn thiên ma ngoại đạo chỉ còn tìm cách dèm pha, tuyên truyền, bảo Kinh Lăng Nghiêm là kinh ngụy.

Chẳng cứ chỉ những người tại gia phỉ báng Lăng Nghiêm là Kinh giả, ngay cả những kẻ xuất gia cũng bắt chước nói theo. Tại sao vậy? Bởi vì có một số xuất gia ít học, có khi không thông chữ nghĩa, không xem được Kinh điển, trong khi đó văn Kinh Lăng Nghiêm lại thâm thúy, ý nghĩa huyền diệu, khiến họ không hiểu được nên không làm sao phân biệt được chân giả. Đến khi nghe người ta bảo Kinh này là giả, Kinh kia là ngụy, thì họ đâu có suy xét gì, người ta nói sao thì nhắc lại y hệt. Tự nhiên Kinh Lăng Nghiêm bị lãnh tiếng oan là vì lẽ đó.

Lúc xưa tại Ấn Độ, Kinh Lăng Nghiêm được liệt vào hàng quốc bảo và có lệnh cấm không cho mang những thứ quý ra ngoại quốc. Những ai xuất cảnh đều bị khám xét gắt gao và, để phòng Kinh lọt ra ngoài, các nhân viên hải quan thường đặc biệt chú ý đối với các Tăng xuất cảnh.

Hồi đó tại Ấn độ - bên Trung quốc lúc đó là đời Đường - một vị cao tăng pháp danh là Ban Thích Mật Đế (Paramiti) đã khổ công tìm mọi cách để mang Kinh Lăng Nghiêm qua Trung quốc. Sợ bị phát hiện tại trạm kiểm soát, ông phải nghĩ ra cách giấu giếm, nhét Kinh vào sâu trong cánh tay và sau cùng ông đã đổ lên bộ tại địa phận Quảng Châu. Lúc đó là thời gian Tể tướng Phòng Dung bị Võ Tắc Thiên giáng chức xuống làm Thái Thú Quảng Châu. Ban Thích Mật Đế được Phòng Dung mời tới để phiên dịch bộ Kinh này và chính Phòng Dung là người nhuận sắc cho bản dịch. Bởi vậy Kinh Lăng Nghiêm biến thành một tác phẩm văn học có giá trị, rồi sau đó trình lên cho Võ Tắc Thiên. Thời bấy giờ đương có tin đồn Kinh Đại Vân là kinh ngụy tạo nên Hoàng Đế Võ Tắc Thiên không cho Kinh này được lưu hành.

Đến khi Thiền sư Thần Tú được phong làm Quốc sư rồi được cúng dường ở trong hoàng cung, một hôm Thiền sư thấy được bộ Kinh này, thấy Kinh rất có lợi cho những hành giả tu thiền, mới cho Kinh này được phổ biến. Từ đó Kinh Lăng Nghiêm mới được lưu hành ở Trung quốc. Căn cứ theo truyền thuyết, Kinh Lăng Nghiêm là Kinh tối hậu truyền đến Trung quốc, nhưng cũng là Kinh bị hủy diệt đầu tiên vào thời Mạt Pháp, sau mới đến các Kinh khác, sau rốt còn lại một Kinh A-Di Đà.

Ghi chú: Thượng nhân Tuyên công chủ trương dứt khoát rằng Kinh Lăng Nghiêm chính là tâm ấn của chư Phật, điều này ngàn vạn lần đích xác. Bởi vậy ngay sau khi đặt chân tới Mỹ, Tuyên công liền giảng Kinh Lăng Nghiêm. Tại sao vậy? Phật Pháp truyền bá tới đất Mỹ, thì Mạt Pháp sẽ biến thành Chánh Pháp, và đó là tâm cơ của Thượng nhân trong sứ mạng nối tiếp huệ mạng Phật. Bài "Lăng Nghiêm Kinh Thiển Giảng" sẽ được đưa đăng từng kỳ trong tạp chí Vạn Phật Thành Kim Cương Bồ Đề Hải, bằng tiếng Hoa và tiếng Anh. Nay xin thông báo cùng quý bạn đọc giả.

Phải Thực Tập Bát Nhã Ba La Mật Đa

"Bồ-tát Quán Tự Tại, khi thực hành pháp thâm sâu Bát Nhã Ba La mật Đa, soi thấy năm uẩn là không, vượt hết mọi khổ ách."

Bốn câu trên chính là tinh yếu của Tâm Kinh. Nay lược giảng như sau:

Quán Tự Tại nghĩa là hồi quang phản chiếu, tự quán sát mình tự tại hay không tự tại? Nói khác là có ở đây hay là không ở đây? Nếu như tự tại, có ở đây, tức tâm không chạy đi đâu để rong ruổi, không đuổi theo các thứ duyên. Nếu như không tự tại, không ở đây, tức tâm tán loạn, vọng tưởng rối bời, nếu quá đáng có thể đưa tới tình trạng khủng hoảng thần kinh, tâm lúc nào cũng tìm cơ hội, mong mọi người đến cúng dường. Nếu có những vọng tưởng như vậy quý vị sẽ không tự tại.

Còn như **"Bồ-tát"** thì mọi hành vi đều hướng tới lợi ích của chúng sanh, coi đó là mục tiêu duy nhất, tuyệt đối chẳng vì lợi ích của chính mình. Ý hướng của kẻ phạm phu chúng ta thì ngược hẳn lại, tất cả đều nghĩ tới lợi ích của chính ta, mà không phải vì lợi ích cho người. Bất cứ làm một công chuyện gì, trước tiên phải tính thử xem có lợi cho mình hay không và khi thấy có lợi mới hành động. Đó chính là sự biểu hiện của lòng ích kỷ tự lợi. Bởi đâu mà thế giới chẳng được hòa bình? Chính vì nguyên do đó. Quý vị tranh thì tôi đoạt lại, không có sự tương nhượng lẫn nhau, từ đó mới có chiến tranh, gây nên những cảnh nước mất nhà tan.

Vị Bồ-tát này **"thực hành pháp thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa"**, từ thời vô thủy đến nay, đời kiếp kiếp đều thực tập pháp thâm sâu này, không có lúc nào gián đoạn. Tu pháp Bát Nhã thâm sâu, tức là:

1. Không có tâm kiêu ngạo, bởi kiêu ngạo là ngu si.
2. Không có tâm tự mãn, bởi tự mãn là ngu si.
3. Thường có tâm hổ thẹn (tàm quý); không có tâm hổ thẹn, tức là ngu si.
4. Không sanh tâm đuổi theo các duyên (tâm phan duyên), bởi nếu để tâm rong ruổi theo duyên, tức là ngu si.
5. Không sanh tâm sân hận, bởi có sân hận là ngu si.
6. Không sanh tâm điên đảo, bởi tâm điên đảo là tâm ngu si.

Chúng ta là những người tu hành phải coi sáu loại tâm đó như là những tiêu chuẩn, hầu có thể xét đoán những hành động của chúng ta có đúng với pháp hay không? Nếu đúng thì hành động của ta là trí huệ, nếu sai thì là ngu si. Cũng có thể nói rằng siêng năng tu giới định huệ, đập tắt tham sân si tức là trí huệ; không tu giới định huệ, không diệt tham sân si là ngu si. Trí huệ và ngu si khác nhau là ở những điểm đó.

Phải thực hành pháp Bát Nhã thâm sâu, mới có thể soi thấu năm mươi loại cảnh giới âm ma trong năm uẩn. Trong sắc uẩn có mười loại âm ma, trong thọ uẩn có mười loại, trong tưởng uẩn có mười loại, trong hành uẩn có mười loại, trong thức uẩn cũng có mười loại, cộng tất cả có năm mươi loại âm ma. Tách ra từng phần thì còn có vô số vô lượng, nếu người tu không cẩn thận sẽ dễ dàng đi vào cảnh giới ma. Nói chung, hễ có tà tri tà kiến là thuộc về họ của ma, nếu là chánh tri chánh kiến thì thuộc về họ của Phật.

Khi thực hành pháp thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa thì sẽ nhận ra được minh bạch cảnh giới ma, không còn bị ma lay chuyển. Tới lúc đó, ngoài khả năng soi thấu năm uẩn là không mà ta còn vượt được hết mọi khổ ách. Năm uẩn là không, có nghĩa là Chân Không. Có câu nói:

Chân Không vô nhân ngã

Đại Đạo vô hình tướng.

Dịch là:

Chân không, không người không ta

Đạo lớn, không hình không tướng.

"Hết mọi khổ ách" tức là nói các khổ trong ba thứ tai, tám thứ nạn (tam tai bát nạn).

Nếu như theo đúng pháp trong bốn câu Kinh nói trên để tu tập, tu cho đến rốt ráo thì hành giả đã đạt tới trình độ chế ngự được bát phong. Thế nào là bát phong? Đó là tám món gồm *khen, chê, khổ, vui, lợi, suy, phi báng và vinh dự*. Những thứ này coi như tám ngọn gió có thể làm lay chuyển và quay cuồng những ai không đủ định lực. Nay giảng sơ qua như sau:

Khen: Khen hay xưng tán. Nếu có người xưng tán mình một câu, mình nhận được một cảm giác rất ngọt ngào, còn hơn là mật nữa và mình thấy thoải mái.

Chê: Chê là chê bai. Như có người chê bai mình, mình không thích, trong lòng không thoải mái.

Khổ: Đây là khổ não. Gặp chuyện gì phiền hà mình cảm thấy khổ sở. Khi gặp phiền não, mình hãy thử xem ta chịu được không?

Vui: Vui hay khoái lạc. Gặp điều vui sướng không nên lấy làm đặc ý. Mọi điều khoái lạc đến thì chúng ta hãy coi đó là một sự khảo nghiệm, để thử xem tâm ý của mình ra sao.

Lợi: Đây là lợi ích. Được lợi ích mình cảm thấy vui, bị thiệt hại mình cảm thấy buồn, đó là sự biểu hiện của sự yếu kém định lực.

Suy: Suy nghĩa là suy bại. Gặp bất cứ sự gian nan đến đâu, chúng ta không nao núng, có thất bại cũng không động tâm.

Phi báng; Ví dụ có người nói xấu mình, mình không quan ngại! Mình coi chuyện đó như không có gì, tự nhiên sóng gió sẽ hết.

Vinh dự: Như có người xưng tán mình, vinh danh mình, mình cũng không nên cảm động. Chỉ nên coi các thứ công danh như phù vân.

Tám loại gió này chính là một pháp môn dùng để khảo nghiệm tâm của người tu. Gặp thuận cảnh hay nghịch cảnh tâm đều không động. Nếu động tức là tu trì chưa đúng, định lực yếu kém; nếu không động thì người tu đã có công phu. Tuy nhiên, không nên tự mãn, như đại khái tự khoe rằng: "Bát phong thì cũng chẳng lay động ta, định lực của ta kiên cố ví như kim cương". Thái độ này là sai rồi.

Thuở xưa, vào đời nhà Tống có vị cư sĩ là Tô Đông Pha, đã từng nghiên cứu ít nhiều về Phật Pháp. nhưng công phu thiền định thì còn yếu kém. Tuy nhiên, ông cho rằng định lực của ông cũng đã khá. Có một hôm, nhân nguồn cảm hứng dạt dào, ông làm bốn câu kệ sau:

Khể thủ thiên trung thiên

Hào quang chiếu đại thiên

Bát phong xuy bất động

Đoan tọa tử kim liên.

Tạm dịch:

Khẩu đầu lay chư thiên

Hào quang chiếu đại thiên

Tám gió lay chẳng động

Sen vàng ngồi ngay ngắn.

Lúc đó ông tự nghĩ rằng mình đã khai ngộ, nên muốn có sự ấn chứng của Thiền sư Phật Ấn. Ông sai người qua sông mang bài kệ tới chùa Kim Sơn.

Thiền sư xem qua liền đề bốn chữ: "Đánh giằm! Đánh giằm!", ngay trên tờ giấy có bài kệ, rồi đưa cho thị giả mang về. Tô Đông Pha xem xong, lửa vô minh bốc cao lên ngàn ngút. Ông giận dữ: "Sao lại có chuyện này? Đây là bài khai ngộ! Bảo là đánh giằm là nghĩa gì?" Nói rồi, ông đi qua sông kiếm Thiền sư Phật Ấn để chất vấn.

Chẳng dè khi đến cổng chùa, Thiền sư Phật Ấn đã đứng chờ sẵn, thấy ông đi tới thì cười lớn: "Ồ! Xin chào mừng Đại Học Sĩ họ Tô, bát phong không lay chuyển, nhưng lại bị cái giằm đẩy qua sông tới đây! Xin chào mừng!" (Hai ông chính là bạn thân, thường vui đùa với nhau). Tô Đông Pha đương lúc cơn giận tràn hông, sắp sửa bùng ra, nghe Thiền sư nói mấy câu, xét lại thấy có lý, bèn nhìn nhận công phu mình còn non nớt, nên hướng tới Thiền sư lễ tạ. Kể từ đó ông bỏ thói "khẩu đầu thiên".

Thiền là thực hành, chẳng phải nói suông. Chỉ nói mà không làm được, điều đó vô nghĩa.

Người Tu Hành Không Được Nói Dối

Tại Thiền đường, chúng ta phải tuân theo quy củ của Thiền đường, không thể lập dị để hành động theo ý riêng của mình. Phải nhớ rằng Thiền đường là nơi đào tạo thánh nhân, nên không thể phá hoại Đạo tràng, làm mất cơ hội khai ngộ của người khác. Về điểm này những người tham dự thiền thất phải đặc biệt chú ý, phải giữ giới luật một cách nghiêm cẩn, chớ không thể coi nhẹ.

Dự thiền thất cũng là một cơ duyên khó gặp, ngàn vạn lần không thể bỏ phí. Nay chúng ta đến đây tham thiền cùng với nhau, đó là do những căn lành từ các kiếp trước tạo nên, mới dẫn đến cơ duyên của ngày hôm nay. Người dụng công tu Đạo, gặp được cơ may này phải nắm vững thời cơ khai ngộ, không để lãng phí thời gian, dù một giây một phút. Chẳng nên do nhất thời vui thú mà tìm cách an thân trong sự lười biếng, bởi như vậy sẽ uổng mất cơ hội được khai ngộ và còn có thể bị đọa vào ba đường ác. Lúc ấy có hối cũng không kịp. Vì lẽ đó tôi có hai câu như sau:

Mạc đãi khổ thời phương học Đạo

Tam đồ đô thị lẫn nọa nhân

Hai câu này có nghĩa là đừng chờ tới khi gặp cảnh khổ mới tìm đường học Đạo. Chúng sanh trong ba ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) đều là kẻ lười biếng.

Như vậy, thiền giả phải dụng công từng giờ từng khắc, lúc nào cũng tinh tấn. Thoại đầu phải luôn luôn ở trong tâm, đi cũng tham, ngồi cũng tham, tham tới tham lui, tham cho thật thấu đáo thì bốn lại diện mục sẽ hiển bày. Tại sao? Bởi thoại đầu có thể phá vọng tưởng. Phải tham cho tới trạng thái ở

trên thì không biết có trời, dưới không biết có đất, giữa không biết có người, như vậy thì còn lúc nào có vọng tưởng nữa? Phải nên hiểu rằng *vọng tưởng chính là vọng ngữ*, tức là chúng ta không giữ năm giới căn bản, vì tranh đua nên ta nói dối, vì tham nên nói dối, vì cầu nên nói dối, vì ích kỷ nên nói dối, vì tự lợi nên nói dối. Nói dối để lừa bịp người, làm việc lỗi lầm mà không tự nhận, còn tìm lời biện bác cho mình, nếu có tư tưởng và hành vi như vậy, làm sao có thể tu Đạo được?

Tại sao chúng ta dụng công mà không thấy tiến bộ? Chính vì chúng ta đã dối trá quá nhiều. Một câu dối trá phát sanh ra cả trăm thứ vọng tưởng. Khi ấy, ngồi nhưng ngồi không yên chỗ, đứng mà đứng không ổn, đó là bệnh trạo cử, không biết cư xử ra sao, tiến hay thoái? Cái nào là đúng? Cái nào là sai? Không sao tìm thấy an ổn, cái đó hoàn toàn nghịch với Pháp.

Kẻ tu hành chân chánh, ở đâu cũng theo đúng quy củ, lúc nào cũng tinh tấn, tuyệt đối không nói lời dối trá, không phải bận thứ gì theo thứ đó. Mong rằng chúng ta không bắt chước những người dối trá, cũng không theo gót những ai không tuân thủ phép tắc, bởi theo họ không những chẳng có lợi ích gì mà còn có hại nữa. Điều này chúng ta nên cẩn thận, nên chú ý, kẻo có thể bị truyền nhiễm rồi mang họa lớn.

Người tu hành chân chánh không sợ khổ, không ngại khó, từng giờ từng phút nghiêm cần tu hành, không để cho ngoại cảnh lay chuyển.

Hãy Tham! Tham! Tham! Tham cho đến nước cạn đá hiện, thấy rõ bản mặt gốc gác.

Người Tu Hành Phải Chịu Khổ

Có câu nói rằng: "Chịu khổ thì hết khổ, hưởng phước thì tiêu phước". Chúng ta tu Đạo phải tu khổ hạnh là vì lẽ gì? Mỗi ngày chúng ta chỉ ăn một bữa vì chúng ta muốn hết khổ. Khổ mà hết thì sẽ có vui. Nói về phước thì có loại nên hưởng và có loại không nên hưởng. Phước nên hưởng là phước do tay ta tạo tác ra, như có nhà đẹp, mặc quần áo đẹp, ăn thứ ngon, đi xe hơi tốt. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên nhớ rằng sau khi hưởng thọ hết những thứ đó thì phước cũng tiêu luôn, và trong trường mục của ngân hàng phước báo thì ngạch số tồn khoản cũng không còn. Loại phước không nên hưởng là loại không do chính ta tạo dựng. Chúng đến với ta do mảnh lối, như tiền của trộm cắp của người khác chẳng hạn. Chúng ta tiêu xài thứ đó một cách trái phép, tất sẽ bị pháp luật trừng trị. Vậy là ta đã thiếu nợ vì rút tiền quá lạm tại trường mục của ngân hàng phước báo. Thọ hưởng phước thì khi hưởng hết, phước sẽ không còn, huống chi lại cố tình hưởng những loại phước không nên hưởng. Như vậy, không những tiêu mất phước mà lại còn bị vỡ nợ. Vì lẽ đó mà phước chẳng thể hưởng hết, hưởng hết thì hết phước; khổ có thể chịu hết, chịu hết thì hết khổ. Làm người phải ghi nhớ điều này. Gặp hoàn cảnh gian nan khổ khổ, ta vui lòng tiếp nhận nghịch cảnh. Vậy là không có sự oán hận, ta không mang tâm bất mãn. Đối với kẻ đã từng nghiên cứu Phật Pháp, tư tưởng và hành động của họ khác với người thế tục. Một đảng thì thuận theo giòng sanh tử và tạo nghiệp, còn người tu hành thì đi ngược giòng sanh tử và làm tiêu nghiệp. Trong mọi cảnh ngộ, những người này vẫn giữ tâm an nhiên, nên không cảm thấy khổ. Có câu nói: "Có nếm được cái khổ cùng cực, mới thành bậc thượng nhân". Thật là một câu chí lý. Nay tôi kể một công án để quý vị tham khảo. Vị vua cuối cùng đời nhà Minh là vua Sùng Trinh. Là một vị quân vương, ông có đủ trí huệ, nhưng phước báo dành cho ngôi vị này lại không có. Bởi cố gì? Bởi lý do gặp khổ nạn mà không lãnh thọ cho đến khi hết khổ. Nguyên kiếp trước ông là một Sa-di, nhưng lại chết trước khi thọ giới Cụ túc, thành thử thân phận ông vẫn là tiểu Sa-di. Trong thời gian làm Sa-di, ông phải nhận hết những công việc nặng nhọc như gánh nước, bồng củi. Ông ráng chịu đựng, nén sự oán giận và ngày ngày khổ công trong công tác hộ trì Đạo tràng. Một hôm, ông leo lên nóc nhà để sửa mái, nhưng chẳng may trật chân rơi xuống đất chết. Các bạn tu vội báo cho Phương trưởng hay. Hòa Thượng viện chủ vốn biết rõ nghiệp quả của vị tiểu Sa-di này, muốn tìm cách giúp cho đệ tử lãnh thọ cho hết khổ nạn, nên đối trước các chúng tuyên bố rằng: "Tiểu Sa-di này làm việc thiếu cẩn thận, sẩy chân ngã chết, làm thiệt hại cho Đạo tràng. Y đã phạm vào tội xâm tổn thường trú, đáng bị trừng phạt. Các người hãy buộc thi thể của nó vào đoàn ngựa, bắt ngựa kéo đi cho đến khi tan xác. Khỏi cần phải dùng quan tài mai táng nữa". Các bạn tu nghe Phương trưởng nói xong, thấy không đang tâm, nghĩ tới tình bạn tu mà động lòng trắc ẩn. Họ không nghe lệnh của Phương trưởng rồi bàn bạc với nhau: "Chúng ta là sư huynh sư đệ, cùng tu chung một Đạo tràng, lý nào để cho y bị ngựa kéo thầy như vậy, chúng ta phải chôn cất mới phải". Bàn xong, tất cả chung tiền mua quan tài, rồi đem chôn xác trong núi.

Bởi đã khổ công làm việc chùa, tiểu Sa-di đã từng tích lũy công đức, nên kiếp sau được làm vua, tức vua Sùng Trinh. Có điều, ông chỉ tại vị trong thời gian 16 năm, lại gặp lúc thiên hạ đại loạn, trong nước thì Lý Tự Thành làm phản, bên ngoài thì nhà Thanh mang quân xâm lấn. Trong bao năm, ông chưa từng được hưởng một ngày an ổn, liên miên bị bức bách ưu phiền. Chính vì lòng tốt của các vị sư huynh sư đệ của ông đã làm hại ông, không để cho ông thọ lãnh cho hết khổ nạn. Nếu như các bạn đó sớm nghe lời Phương trượng, dùng ngựa kéo thầy thì nạn khổ của ông đã hết và ngày sau đâu còn xảy ra cảnh Sùng Trinh tự tử ở Môi Sơn, vì nước mà tử vong.

Trừ Vọng Tâm, Giữ Chân Tâm

Kinh Hoa Nghiêm có câu:

Ai muốn hiểu biết tận cùng Hết thầy ba đời chư Phật. Phải quán tánh của Pháp giới

Hết thầy là do tâm tạo.

(Nhược nhân dục liễu tri,

Tam thế nhất thiết Phật,

Ứng quán Pháp giới tánh,

Nhất thiết duy tâm tạo).

Quý vị hành động với tâm Phật thì quý vị là Phật; hành động với tâm Bồ-tát, quý vị là Bồ-tát; hành động với tâm Duyên giác, quý vị là Duyên giác; hành động với tâm Thanh Văn, quý vị là Thanh Văn; hành động với tâm Trời quý vị là Trời; hành động với tâm người, quý vị là người; hành động với tâm A-tu-la, quý vị là A-tu-la; hành động với tâm súc sanh, quý vị là súc sanh; hành động với tâm ngạ quỷ, quý vị là ngạ quỷ; hành động với tâm địa ngục, quý vị là quỷ địa ngục.

Bởi vậy có câu: "Mười pháp giới chẳng lìa khỏi một niệm hiện tiền của tâm". Như vậy mới biết rằng hết thầy mọi thứ đều do tâm tạo. Có bài kệ nói về tâm đây ý nghĩa như sau:

Tam điểm như tinh bố

Loan câu tự nguyệt nha

Phi mao tòng tư khởi

Tác Phật dã do tha.

Tạm dịch:

Ba chấm như chòm sao

Móc cong như hình trăng mới

Mang lông từ đây ra

Thành Phật cũng do đây.

Cứ suy nghĩ kỹ, bài kệ thật chí lý.

Người ta ở đời phải giữ lấy Chánh tâm, đừng có mang tà tâm. Thế nào gọi là Chánh tâm? Đó là tâm Bồ-đề, tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm thương xót, tâm bố thí, tâm hổ thẹn. Thế nào là tà tâm? Đó là những tâm ích kỷ, tự lợi, đố kỵ, oán hận, kiêu ngạo, vọng tưởng. Chúng ta tu hành phải nhằm mục tiêu trừ khử vọng tâm và giữ lấy Chân tâm, đó cũng là nghĩa trừ tà tâm sanh Chánh tâm.

Nếu mỗi hành động của chúng ta có chánh niệm, tức đó là chánh tri chánh kiến; nếu có tà niệm thì thành tà tri tà kiến. Người có tà niệm thấy điều trái coi là phải, thấy điều phải coi là trái, lấy trắng làm đen, lấy đen làm trắng, có nghĩa là điên đảo thị phi, đen trắng không phân biệt. Bất cứ hành động nào y cũng tự cho là đúng, nhưng kết quả lại gây nên tội, xuống địa ngục vẫn không hiểu tại sao. Bởi sự thế đó mà chư Phật đã khổ tâm khuyên bảo, đã không ngại khó nhọc đảnh ninh dặn dò: "Chớ đi lầm đường! Chớ đi vào chỗ bế tắc!" Đây cũng là lời nhắc nhở ai tu như chúng ta là không được tạo nghiệp ác tại chốn Đạo tràng. Có câu nói như sau:

Chớ vì điều lành nhỏ mà không làm

Chớ vì điều ác nhỏ mà tạo tác.

Chúng ta phải từng giờ từng khắc cảnh giác, tự xét mình, nơm nớp e dè như đứng bên bờ vực sâu, như dẫm chân trên băng mỏng, để từ từ cởi bỏ những thói hư, tự cải thiện những hạnh xấu, những tập khí ranh ma, những lỗi tinh khôn quý quái. Phải tự xét mình mọi thứ cho mình bạch, chớ không phải sống qua ngày một cách hồ đồ, như kẻ mù dẫn người mù, dối trá lẫn nhau, khiến cho thế giới càng ngày càng lâm cảnh nguy cơ, dẫn tới ngày mạt thế để tất cả đi đến chỗ diệt vong.

Những ai có chánh niệm thì có thể dẫn dắt nhân loại đi trên con đường chánh đại quang minh. Ai ai cũng một lòng, cùng giúp đỡ nhau, quý vị giúp tôi, tôi giúp quý vị, tất cả đều có tinh thần tương trợ. Có câu: "Giúp người là nguồn khoái lạc" hoặc có câu: "làm điều lành thì vui sướng nhất". Quý vị phát tâm làm điều lành thì sự vui sướng không bút nào tả hết, chỉ những ai đã làm việc lành mới biết được hết ý vị của nó. Quý vị thử nếm mùi làm việc thiện coi nó như thế nào? Cái lạc thú đó thật là kỳ diệu. Chúng ta phải tránh bằng mọi giá những con đường quanh co, không những khiến ta sẩy chân, mà còn đưa những người khác lâm vào nơi bế tắc. Bởi những lẽ đó, tâm của ta phải chánh đại quang minh mới có thể chiếu soi và phá hết hắc ám.

Khi Mê Thầy Độ, Khi Ngộ Tự Độ

Bây giờ là thời gian của thiền thất (ngày 15 tháng 12 năm 1977), Quý vị hãy để khởi đầu lên để tham, để dụng công trong từng giờ từng khắc. Người tu hành phải tự mình tu, không ỷ lại vào người khác, càng không thể ỷ lại vào thầy của mình. Tại thiền thất chúng ta tu chớ không phải thầy của ta tu, điểm này phải nhận cho rõ. Có người nghĩ rằng: "Thời gian Thầy ở Vạn Phật Thánh Thành thì ta dụng công tu; Thầy đi vắng thì ta khỏi cần tu tinh tấn nữa". Nghĩ như vậy là không thể được. Bất luận thầy có mặt ở Vạn Phật Thánh Thành hay không, chúng ta vẫn cố gắng tu hành tinh tấn, trước sau phải tu rốt ráo, thì mới có cơ thành tựu. nếu chẳng phải vậy thì quý vị chỉ là tu bên ngoài, tự dối mình và dối người, vĩnh viễn không thể nào giải thoát được. Tham thoại đầu là tham câu "niệm Phật là ai?", tự hỏi ai đương niệm Phật? Nếu nói: "Tôi đương niệm Phật" vậy khi tôi chết đi thì cái "tôi" này chạy đi đâu nào vậy? Rõ ràng không phải cái "tôi". Tham cứu như vậy thì không kiểm ra cái "tôi". Nếu cái "tôi" không có thì đương lúc còn sống ta khỏi cần tu hành nữa chẳng? Nghĩ như vậy cũng không đúng. Vậy làm sao mới đúng? Tức là phải tham cứu cái mặt mũi gốc của ta (bổn lai diện mục), cái đó như thế nào trước khi cha mẹ sanh ra ta? Tham cho thấu đáo, tức sẽ khai ngộ. Niệm Phật là ai đó? Phải truy cứu từng giờ từng khắc, từng giây từng phút không lơ là. Thật ra đây là cách dụng công lấy độc trị độc. Niệm Phật là ai? Tuy nó cũng là một niệm, nhưng lấy một niệm để khống chế hết thảy các niệm khác, lấy một vọng tưởng để đình chỉ hết thảy mọi vọng tưởng. Khi đình chỉ tới độ tốt cùng sẽ tới lúc nước rút đá hiện, chân tướng hiển bày và được khai ngộ. Thế nào là khai ngộ? Là nhận rõ một cách chân thực chính ta như thế nào, chúng được *lý không*, hiểu rõ hết thảy đều là hư vọng và đó mới là sự hiểu biết chân thực. Lúc đó quý vị biết được "Bổn lai không một vật, chỗ nào vướng bụi bậm?" là loại cảnh giới nào. Đó cũng là cảnh giới của minh tâm kiến tánh. Có câu "minh tâm vô nan sự, kiến tánh bất tri sầu", ngụ ý rằng khi đã đạt tới chỗ minh tâm, thì gặp cảnh ngộ nào cũng không ưu sầu. Còn có câu như sau:

Tự cố thần tiên vô biệt pháp

Quảng sanh hoan hỷ bất sanh sầu.

Câu trên có nghĩa là thần tiên thọ trước chẳng có gì khác lạ, bởi sanh tâm hoan hỷ rộng lớn nên không có ưu sầu. Đó là đặc điểm của những vị tu Đạo. Ai tu Đạo rồi thì gặp nghịch cảnh hay thuận cảnh trong tâm cũng không động. Nếu định lực tới trình độ đó, thì sẽ không còn bị cảnh lay chuyển, mà ngược lại có thể chuyển cảnh. Đó mới là công phu chân chánh của người tu Đạo. Lại có câu:

Thái sơn băng tiền nhi bất kinh

Mỹ sắc đương tiền nhi bất động.

Tạm dịch:

Thái Sơn sụp đổ mà không sợ

Sắc đẹp trước mắt tâm không động.

Người con trai đứng trước người đẹp như Tây Thi chẳng hạn, nếu theo phép quán "sợ đầu lâu", tự nhiên sẽ hết động tâm. Người con gái khi gặp một chàng trai anh tuấn như Phan An năm xưa, nếu theo phép quán "xương trắng", cũng chẳng động tâm. Nếu không có pháp đó thì mỗi khi gặp gái đẹp, trai anh tuấn, cái tâm liền chạy lăng xăng, như vượn leo, như ngựa chạy, không biết như thế nào mới đứng. Chỉ vì không đủ định lực, thành thử uống phí mất Đạo nghiệp, thật đáng tiếc biết bao! Ngày hôm nay tôi nhận được thư của hai vị đương trên đường hành hương "tam bộ nhất bát" và tôi hiểu những điều chẳng thể nghĩ bàn mà họ vừa trải qua, khi được các vị long thần hộ pháp che chở. "Cảm ứng Đạo giao" là như vậy. Hai vị đó đã thành tâm lễ lạy, thực tâm niệm tụng, làm cảm động tới các vị thiên long bát bộ nên họ luôn luôn có mặt ở bên cạnh để hộ trì. Bởi vậy đi tới chỗ nào hai vị này cũng gặp may mắn, gặp dữ hóa thành lành. Chúng ta nên lấy các vị này làm gương sáng, soi lại chính mình, coi mình có thanh tịnh như vậy hay không? Có sáng suốt, có trí huệ, có bắt các vọng tưởng hay không? Nay quý vị! Quý vị nghe Kinh nghe pháp, cần phải ngộ tự tánh, tự ngộ và tự độ cho mình. Không thể ỷ lại vào sư phụ! Phải trông cậy nơi chính mình. Người ta nói "đến tới cửa là vị thầy, tu là đương sư". Phải tin nơi trí huệ của mình, không thể tin vào ngu si của mình, đó là một điểm vô cùng trọng yếu. Chúng ta dự thiên thất với mục đích tự tánh tự độ. Xưa Lục Tổ đã từng nói: "Khi mê thầy độ, khi ngộ tự độ".

Nay chúng ta tham thiền, phải lợi dụng từng giây phút, chớ để uống phí thời gian. Bởi vậy trong thời gian tham thiền chúng ta không lạy Phật, không quá đường hay cúng ngọ, là vì cớ gì? Như vậy là muốn giúp quý vị chuyên chú vào sự dụng công. Thêm một phút tham, thì cơ hội khai ngộ gần hơn một phút, đâu có dư thời gian nào để làm việc khác, để tán chuyện, để tụ hội nhau? Nếu như tám năm tùm ba, nói chuyện thị phi, toàn những điều vô nghĩa, thì quả là phí hoài cơ hội khai ngộ. Dầu có tham trong tám vạn đại kiếp cũng không có hy vọng gì. Trong thiên thất, phải thực thà mà tham! Hãy tham "niệm Phật là ai?" tham "bổn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ta là gì?" Đó là chìa khóa khai mở trí huệ.

Tham Thiền Phải Khắc Phục "Cửa Đau"

Hôm nay, năm mới, tôi xin chúc quý vị "Năm mới hạnh phúc". Tục lệ của thế gian là như vậy. Chúng ta là những kẻ xuất thế, lẽ ra không theo lề thói đó, nhưng chúng ta hãy còn là người trong thế gian, nếu như quá xa cách thế gian thì chúng ta sẽ xa lìa mọi người. Bởi vậy, tôi vẫn y theo lệ tục, chúc mọi người một câu "năm mới hạnh phúc". Tôi lại nói thêm bài kệ này:

Kim phùng nhất cửu bát nhị niên

Thập phương tụ hội lai tham thiền

Hồi quang phản chiếu Quán Tự Tại

Vạn Phật Thành trung tuyền thánh hiền.

Tạm dịch:

Năm nay một chín tám mươi haiTham thiền hội tụ Vạn Phật nàyHồi quang phản chiếu Quán tự Tại

Thánh hiền tuyền lựa chính nơi đây.

Năm mới chúc hạnh phúc! Đối với chúng ta những người tham thiền, cần đạt tới "thiền duyệt vi thực", tức lấy sự tham thiền làm thực phẩm. Người tham thiền chân chánh đầu đã ăn hay chưa ăn cũng không nhớ; mặc đồ vào hay chưa mặc, ngủ rồi hay chưa ngủ, cũng không nhớ. Tham tới rồi rồi, thì trên không biết có trời, dưới không biết có đất, chặng giữa không thấy có người, hòa với hư không làm một, sống trong một cảnh giới vô nhân, vô ngã, vô chúng sanh, vô thọ giả. Trong cảnh huống đó thì đâu có đau chân cũng đâu ngại gì, đau lưng, cũng không sợ vì sự nhẩn nại dụng công đã giúp cho thiền giả vượt qua hết thảy mọi thứ. Bởi không thấy có người, có ta, có chúng sanh, có thọ giả, thì ai là người đương đau? Hơn nữa, khi đã qua cái "cửa đau" thì cái đau cũng qua luôn, còn nếu chưa qua thì đau vẫn còn. Qua được cửa đau thì không những thiền giả hết đau mà còn được tự tại, vui sướng vô cùng.

Không có gì kỳ diệu bằng pháp môn tham thiền, bởi tham thiền mới đưa tới trạng thái thiền duyệt vi thực và pháp hỷ sung mãn. Cũng vì vậy mà xưa nay các thiền gia có thể ngồi luôn nhiều ngày mà không đứng dậy. Chân họ có bị đau không? Đương nhiên là có đau! Nhưng họ chịu đau được, họ có thể chịu đựng những gì mà người khác không chịu nổi. họ có sức tinh tấn dũng mãnh, chỉ biết dẫn bước tới trước, chớ không biết lùi, do đó họ mới thành công.

Tham thiền phải có đủ nhẫn nại vì nhẫn nại là vốn của sự khai ngộ. Tỷ như người làm ăn buôn bán, phải có vốn liếng thì việc kinh doanh mới phát triển và được lời nhiều. Chúng ta tham thiền phải khắc phục cái cửa đau; vượt qua được cửa đau rồi thì con đường sáng sủa rộng mở, dẫn thẳng tới cảnh giới minh tâm kiến tánh. Khi chưa qua cửa quan này thì vẫn còn trong tình trạng "sơn cùng thủy tận, đường tắc nghẽn", vượt qua được thì là cảnh giới "dưới liễu hoa tươi, lại một thôn". Có các câu nói như sau:

Không xả được tử, không đổi được sanh

Không xả được giả, không thành được chân

Không xả được khổ, không đạt được lạc.

Chúng ta tham thiền phải có một tinh thần như vậy mới có hy vọng thành công. Phải phá cánh cửa gian nan khốn khổ, mới thấy được cảnh giới (thực tại) khác. Bởi lý do đó mà chúng ta phải chuyên nhất trong việc tham thiền. Quý vị hãy chú ý! Chúng ta đến chỗ này là để tham thiền, không phải để tiêu thời gian, phải mang hết chí nguyện chân chánh ra dụng công, với tất cả sự nhẫn nại chân chánh để ngồi thiền. Phải nhớ một điều rằng trên thế gian không có thứ gì gặt hái được mà chẳng do công lao mang lại. Không bỏ công làm nhưng lại muốn hưởng, đâu có chuyện dễ dàng như vậy? Đó là mơ tưởng hảo huyền, chẳng hề có thật. Chỉ có sức lực của mình bỏ ra thì mới mong ngày thành tựu. Nay, qua năm mới, quý vị có sự mong mỏi mới, mong mỗi năm nay khai ngộ. Hy vọng tất cả chúng ta hướng tới mục tiêu này mà gắng sức tiến tới, nếu chưa khai ngộ thì chưa ngừng bước.

Khai thị tại Vạn Phật Điện, Vạn Phật Thánh Thành

Thiền thất từ ngày 1 đến ngày 8, tháng 1 năm 1982

Thế Nào Là Đủ Tư Cách Tham Thiền

Phàm làm bất cứ một công trình gì, cũng phải trải qua một giai đoạn tôi luyện mới tới được thành công. Pháp môn tham thiền còn khó hơn nữa. Thiền giả phải nếm đủ loại tâm khổ và tôi luyện, mới tiến bước được. Để tham gia thiền thất điều quan trọng nhất là phải có tâm nhẫn nại; nhẫn nại làm những công việc mình không ưa thích; nhẫn nại chịu đựng những gì không chịu đựng nổi. Phải có tinh thần như vậy mới đủ tư cách tham thiền, bằng không thì miễn bàn. Thân ở tại Thiền đường mà tâm thì ở nơi khác, dầu tham đến đâu cũng là uống công, không thành tựu được gì hết. Tham thiền là tôi luyện thân này thành chất kim cương, chẳng khi nào bị hoại diệt. Nếu đã nguyện ý tôi luyện thân này thì gặp khổ phải ráng hết sức chịu đựng, bởi có câu: "Chịu khổ thì hết khổ, hưởng phước thì tiêu phước".

Đối với những gì ta hoan hỷ làm thì ta lại càng phải gắng sức hơn nữa, kéo phụ lại tấm lòng lúc ban sơ đưa ta tới tham gia thiền thất. Về điểm này xin quý vị đặc biệt chú ý!

Thân Mang Bệnh Khổ Bởi Duyên Nào?

Trường Đại Học Pháp Giới Phật Giáo thuộc Tổng Hội Pháp Giới Phật Giáo, lần đó tổ chức một cuộc du hành đi Đông Nam Á Châu để hoằng dương Phật Pháp. Trước khi đi, tôi đã biết trước chúng ta sẽ gặp một số trở ngại, bởi bất luận đi chỗ nào hoằng Pháp tôi cũng đều gặp những cản trở và sự đổ kỵ. Tại sao vậy? Bởi tôi quá trực tính, tôi không chịu a dua theo mọi người, bởi đó mà sanh ra đổ kỵ. Tuy nhiên, sự tin tưởng của tôi là tà không thể thắng được chánh, loài ma quỷ không có cách gì làm hại được.

Tôi tin tưởng rằng Phật và Bồ-tát luôn luôn hộ trì pháp của tôi. Nơi tôi đến, tuy gặp nhiều trở ngại, nhưng chúng chẳng có tác dụng gì, chẳng phát sanh những chuyện đáng tiếc, gặp chuyện dữ đều hóa lành, nơi nào cũng bình an vô sự. Chính là do Phật và Bồ-tát đã gia hộ.

Tôi đến bất cứ địa phương nào, thường ngày vẫn gặp những người đau bệnh đến xin được cứu chữa. Mang bệnh là do nghiệp nặng từ kiếp quá khứ, nếu như không thể, đương sự tất không bị quái tật. Những người đến kiểm tôi, đều mang những chứng bệnh lạ, Tây y và Đông y đều bó tay, không cách gì chữa hết. Đa số những người mang quái tật trong mình, là do trong kiếp quá khứ ham lợi dụng người mà không muốn bị thua thiệt; hoặc giả họ là những người bòn xén, không muốn mất cho ai một xu, không biết giúp đỡ người nghèo, chỉ nghĩ về mình, không biết tới ai khác, luôn luôn ích kỷ tự lợi, thấy lợi quên điều nghĩa, càng ngày càng ngập thêm nghiệp chướng, nên mới dẫn tới bệnh lạ trong kiếp này.

Mang bệnh lạ còn phải kể thêm những ai hủy báng Tam Bảo trong kiếp trước, thậm chí hủy báng Kinh điển Đại thừa, một tội có thể khiến cho người ta bị đọa địa ngục để chịu khổ và khi ra khỏi địa ngục thì chuyển làm kiếp súc sanh, chim muông hay thú vật. Tới khi chúng sanh đó được lên làm người thì sáu căn không toàn vẹn, hoặc bị khuyết tật, hoặc mắt bị mù, tai bị điếc, câm hay ngọng, chân khập khễnh, tóm lại làm thân người không đầy đủ. Nguyên do bởi kiếp trước họ tạo nghiệp ác nên kiếp này chịu quả báo.

Gặp quả báo như vậy, lẽ ra họ phải dốc lòng sám hối, và làm thật nhiều công đức mới đúng. Tiếc rằng, không những họ không tỉnh ngộ, mà còn coi tiền tài quý như thân mạng, lại còn muốn lợi dụng kẻ xuất gia này. Họ cầu tôi chữa bệnh, chẳng muốn mất tiền nhưng muốn hết bệnh. Khi khỏi được bệnh, họ có vẻ hào hiệp đưa ra một phong bì đỏ để cúng dường. Tuy nhiên trong bao màu đỏ đó chỉ có một đồng, hai đồng cho đến năm đồng là cùng (tiền Tân-gia-ba hay Mã-lai-á). Nghiệp chướng của họ nặng như vậy mà còn tính chuyện lợi dụng, thật đáng thương!

Tại sao tôi lại kể những chuyện này với quý vị? Chính là muốn quý vị đề cao cảnh giác, cẩn thận giữ gìn chớ có tạo ác nghiệp. Trong Phật giáo không thể phỉ báng Tam Bảo, không thể phỉ báng Kinh Đại thừa, không thể hồ nghi mà không chịu tu hành, không thể nói dối để gạt mọi người. Nếu như tạo ra những loại ác nghiệp như vậy, thì tương lai nhất định bị đọa địa ngục. Tới lúc đó thì thầy có thương

cũng đành chịu, không có cách gì giúp đỡ. Tôi có lời nói trước như vậy để sau này đừng có trách tôi không chịu cứu giúp quý vị.

Tham Đắm Cảnh Giới Thì Chiêu Cảm Ma Chướng

Trong pháp tham thiền, người tu phải dần bước thực sự, khổ công miệt mài, dũng mãnh tiến tới, tuyệt đối không lùi bước. Có *hăng* tâm như vậy mới là người tu thiền chân chánh.

Trong lúc tham, phải lấy sự nhẫn nại khắc phục mọi thứ đau, chân đau hay lưng đau cũng mặc. Muốn tới được khai ngộ thì phải nhẫn nại, bằng không thì không thể khai ngộ. Nhẫn nại ở đây bao gồm mọi thứ nhẫn, chịu đói, chịu khát, chịu đau, chịu hết thảy mọi thứ. Nhẫn được thì phá trừ được chấp ngã. Như không có ngã chấp thì khi quán sát tâm cũng không thấy tâm nữa; quán hình sắc bên ngoài thì hình cũng chẳng có; hướng xa hơn nữa thì vạn hữu cũng mất. Đó là lúc, trong không có thân tâm, ngoài chẳng có thể giới, tất cả là không,

Cái "không" này cũng không thể chấp trước nó, bởi nếu còn tham đắm vào "không" thì cũng là một thứ chấp trước. Do đó, "không" cũng phải xả bỏ, mới có thể cùng thể giới hợp nhất, ta và hư không chẳng còn gì phân biệt. Nếu đưa cảnh giới này tới chỗ rốt ráo thì sẽ có định. Định chẳng phải là một trạng thái mơ hồ, mà ngược lại rất sáng suốt, như câu nói: *như như bất động, liễu liễu thường tri*, nghĩa là bất động nhưng không lúc nào là không biết hết mọi sự. Tham thiền chẳng phải là một dịp ngồi để suy tính, hay vì ham kiếm một cảnh giới nào. Có những loại vọng tưởng đó thì ma sẽ tới phá.

Trong Kinh Kim Cang có câu:

Hết thảy mọi tướng đều là hư vọng

Nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai.

Bởi vậy, người tham thiền không thể tham đắm vào cảnh giới, cũng không được cầu thần thông. Tham như vậy có thể bị *tẩu hỏa nhập ma*. Cũng không nên tham đắm danh lợi, kéo có thể mắc vào vòng tà đạo, làm kẻ quyến thuộc của ma vương. Điều này quả là đáng sợ! Người tham thiền phải là vô chấp, vô tham, cho nên có câu nói: "Phật đến chém Phật, ma đến chém ma", và phải dùng kiếm báu của vua kim cương (trí huệ) để chém đứt mọi thứ. Cảnh giới tốt chẳng ham mà cảnh giới xấu cũng mặc. Ngàn vạn lần đừng ham những thành tựu nhỏ nhoi, đó chỉ là hiệu quả của công phu tu tập; sinh tâm tham đắm sẽ đi vào đường tà, chúng ta phải hết sức cảnh giác!

Trong lúc nhập thất, cái "ta" phải quên đi, người cũng quên đi, quên cả thời gian và không gian. Có câu nói: "Quét hết mọi pháp, ly hết mọi tướng", hết thảy đều không chấp, tất cả buông bỏ, tới lúc đó có thể đi vào cảnh giới Tứ thiền thiên.

Cảnh Giới Tứ Thiền Thiên

Người tham thiền khi nào tới được tình trạng vô ngã vô nhân tức là vào được cảnh giới Sơ thiền, còn gọi là "Ly sanh hỷ lạc địa". Tới giai đoạn này, thiền giả phá sự chấp trước về chúng sanh, chứng được "thiền duyệt vi thực" và cảm thấy một niềm hỷ lạc với pháp một cách sung mãn. Trong cảnh định này, *hồ hấp* chấm dứt, nghĩa là không thở ra, không thở vào, thiền giả vui sướng một cách đặc biệt. Loại khoái lạc này rất kỳ diệu không thể tả ra được, tóm lại người thường không có được khoái lạc đó.

Trong cảnh Nhị thiền, còn gọi là "Định sinh hỷ lạc địa" thiền giả cảm thấy một niềm hỷ lạc tột cùng. Thiền giả ngồi tại chỗ, chẳng ăn, chẳng uống, *mạch* không còn đập nữa, giống như người đã chết, nhưng ý niệm vẫn còn, biết là mình đương tỉnh tọa.

Trong cảnh định của Tam thiền, hay còn gọi là "Ly hỷ diệu lạc địa", thiền giả lìa bỏ thiền duyệt vi thực, lìa cả sự khoái lạc sung mãn về pháp hỷ, chứng được một sự khoái lạc vi diệu, không có gì tả

được, hoàn toàn chẳng thể nghĩ bàn. Trong cảnh giới này, các niệm đều dừng lại, một niệm cũng chẳng dậy lên. Có câu nói:

Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện

Lục căn hốt động bị vân già.

Tạm dịch:

Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện

Sáu căn chợt động, bị mây che.

Tứ thiền còn gọi là "Xả niệm thanh tịnh địa" là một cảnh giới trong đó không những các niệm dừng lại mà chúng còn bị buông xả hết. Lúc ấy thiền giả đạt tới một trạng thái thanh tịnh phi thường, và sự khoái lạc cũng phi thường vi diệu. Tuy nhiên, cảnh giới của Tứ thiền vẫn là cảnh giới phàm phu, chưa phải là chứng quả, thiền giả chớ quá tự hào. Giai đoạn chứng quả thì hãy còn xa lắm, thiền giả phải cố gắng tham, tiếp tục tham, dần bước thêm nữa mới tới được cảnh giới của "Năm Cõi Trời Bất Hoàn hay Ngũ Bất Hoàn Thiên", ở đây mới là nhập vào dòng Thánh.

Xưa, Tỳ kheo Vô Văn (Tỳ kheo Vô Văn tức là vị Tỳ kheo không hiểu biết, không có học hỏi - Unlearned Bikshu), tới được cảnh giới Tứ thiền này, lầm tưởng mình đã chứng quả, nên đi tới đâu cũng tự khoe như vậy. Bởi chưa thấu triệt Phật Pháp nên mới nói lời vọng ngữ, thành kết quả bị đọa địa ngục Vô gián.

Bí Quyết Của Tham Thiền

Chữ "thiền" dịch nghĩa là "tĩnh lự", cũng dịch là "tư duy tu". Tư duy chính là tham; tĩnh lự là nghĩa "thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai". Thực tập tư duy tu có nghĩa là chúng ta phải để khởi thoai đầu, luôn luôn tâm niệm, không giây phút nào rời. Có câu nói: "Sớm như thế ấy, chiều như thế ấy". *Phải bằng vào tự tánh mà dụng công, không tìm cầu ở bên ngoài.* Nếu gặp cảnh rồi chạy theo cảnh, sẽ đi lầm đường. Cảnh giới từ tự tánh sanh ra mới là cảnh giới chân thật. Mong rằng quý vị phải thật hiểu rõ điểm này, bằng không sẽ lọt vào vòng của ma vương, làm quyến thuộc của chúng.

Pháp môn tĩnh lự đòi hỏi một sự dụng công triền miên rằng rịt, không lúc nào gián đoạn. Dụng công kiểu này có thể ví như phương cách gà mẹ chuyên tâm ấp trứng, như rồng thận trọng nuôi dưỡng hạt châu, cũng như thái độ mèo rình chuột một cách nhẫn nại. Tham thiền phải có *kiên* tâm, *thành* tâm và *hăng* tâm. Không thể có tâm kiêu ngạo, thấy mình cao hơn hoặc hay hơn người khác. Như có những tư tưởng đó, thì loại ma cuồng điên sẽ nhập vào khiến cho công phu không có hiệu quả.

Khi tham thiền không nên sanh vọng tưởng. Có vọng tưởng thì chẳng có lợi ích gì, chỉ uống phí thời gian công phu. Tham thiền phải có tâm nhẫn nại, tâm trường viễn, tức nghĩ về lâu về dài. Bí quyết tham thiền là chữ *nhẫn*; cái gì nhẫn không được cũng phải nhẫn; nhẫn đến cực điểm, thì bỗng nhiên thấu suốt, bừng sáng khai ngộ. Nếu không nhẫn nại, không chịu đựng khổ, không chịu khó nhọc, khi gặp trở ngại tất sẽ đầu hàng. Những cung cách đó không thể chấp nhận và rất kỵ đối với tham thiền.

Kiểm Báu Của Kim Cương Vương Chặt Đứt Vọng Tưởng

Vọng tưởng chính là hòn đá vướng chân trên đường khai ngộ. Tham câu "niệm Phật là ai?" tức là dùng kiếm báu của Kim Cương vương, chặt đứt hết mọi vọng tưởng. Khi Đức Phật Thích Ca vừa chứng được quả chánh giác dưới gốc cây bồ đề, ngài liền nói: "Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh, chẳng trừ ai, đều có đầy đủ đức tướng và trí huệ Như Lai, nhưng hiềm vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng được." Như vậy, Phật đã nói với chúng ta một cách rõ ràng lý do gì chúng ta không thành Phật. Chẳng qua là do vọng tưởng và chấp trước, do đó chúng ta phải phá bỏ những thứ này.

Phá bằng cách nào? Chính là dùng chữ "ai", coi như cái đục để đục xuống, đục cho tới nước rút đá hiện thì sẽ thành công.

Tham thiền tức là tham câu "niệm Phật là ai?", trong từng thời khắc tham cứu cứu vấn đề này, không được gián đoạn. Lâu ngày, tự nhiên sẽ có tin vui, nên có câu: "Cửu tọa hữu thiền, cửu trú hữu duyên".

Ngồi trong một thời gian dài tự nhiên sẽ có thiền. Trú ngụ lâu ngày ở một nơi nào tự nhiên sẽ có duyên qua lại với láng giềng, ta cùng với mọi người dung hòa tình cảm, nên tất cả sống với nhau trong sự an bình.

Tham thiền khi tới trình độ tinh diệu, không những vọng tưởng tiêu tan, mà tính khí dịu hòa, bớt phiền não, nhân phẩm cao, khí độ cũng rộng lớn. Lúc đó trí huệ hiển bày, biết rõ phải trái, phân biệt thiện ác, tham sân si cũng được thanh lọc sạch, chỉ còn lại là ánh sáng của Giới Định Huệ chiếu rọi và soi thấu năm uẩn đều không.

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự là Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu.

Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái; và Ngài là út.

Hồ thái phụ nhân thọ chay trường, niệm Phật, chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phụ nhân nằm mộng thấy Đức Phật A-Di-Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thể giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phụ nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài.

Ngài vừa ra đời liền liên thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta-Bà nầy vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê rất nhỏ bé, thưa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài vẫn chưa hề thấy qua người chết. Một hôm, Ngài cùng lũ bạn trong thôn dạo chơi chốn điền dã. Bất chợt Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lề. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi lũ bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: "Đứa bé đã chết rồi!" Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: "Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rốt cuộc cũng phải chết."

Ngài lại hỏi: "Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?" Bấy giờ trong nhà có vị khách xưa kia từng tu Đạo, đỡ lời đáp rằng: "Chỉ có cách tu Đạo, mình ngộ tự tâm, triệt kiến bản tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sinh."

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tinh ngộ sâu xa, do đó Ngài lập định chủ trương quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài mang chuyện xuất gia bàn với mẹ, bà dạy: "Xuất gia là chuyện tốt lắm, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, cần phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con có lòng vậy, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn."

Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ.

Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng tăm hiếu thảo đồn khắp bốn phương, khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa lạy Hoà Thượng Thường Tri làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: "Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!" Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Mỹ quốc để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, nhớ lại rằng Đức Huệ Năng vốn là người đời Đường, 1.200 năm về trước. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, bái kiến vị Đại Thiện Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi; vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: "Nhu thị, như thị!"; và Ngài cũng đáp lại: "Nhu thị, như thị!"

Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài, và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giã chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ từ Trung Hoa Đại Lục qua Hương Cảng tẩu nạn, và họ cần sự giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, khổ hạnh, tinh tấn tu Đạo, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín mùi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là "Mộ Trung Tăng" (nhà Sư trong phần mộ), hay là Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến; Ngài nói: "Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh." Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội khác, giảng giải Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v.v... Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành, nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp ở Mỹ Quốc. Tại Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Mười Tám Đại Nguyện của Hòa Thượng Tuyên Hóa

Năm Hòa Thượng Tuyên Hóa 19 tuổi thì mẫu thân Ngài qua đời. Sau khi lo liệu chu toàn việc mai táng, Ngài tới Chùa Tam Duyên ở Hợp Nhĩ Tân (Harbin), chính thức xuất gia, lấy Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy. Ít lâu sau, Ngài tới mộ phần của mẫu thân thủ hiếu. Năm đó, nhân ngày vía Đức Quán Thế Âm, ngày 19 tháng 6, Ngài đối trước chư Phật, Bồ Tát phát mười tám đại nguyện:

"Kính lạy mười phương Phật,

Cùng với Tam Tạng Pháp,

Quá khứ, hiện tại Hiền Thánh Tăng,

Nguyện rủ lòng tác chứng:

Đệ tử Độ Luân,

Thích An Từ,

Con nay phát tâm rằng:

Chẳng cầu phước báo hàng Trời, Người,

Cùng Thanh Văn, Duyên Giác,

cho đến hàng Bồ Tát quyền thừa.

Duy nương Tối Thượng Thừa

mà phát Bồ Đề tâm.

Nguyện cùng Pháp Giới chúng sinh,

Nhất thời đồng đắc

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề."

1. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
2. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
3. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biển khắp Pháp Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
4. Nguyện rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, Người ở trong Tam Giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
5. Nguyện rằng nếu có một Người ở trong mười phương thế giới mà chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
6. Nguyện rằng nếu có một vị Trời, Người, A-tu-la chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.

7. Nguyên rằng trong thế giới loài Súc Sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
 8. Nguyên rằng trong thế giới loài Nga Quỷ, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
 9. Nguyên rằng trong thế giới loài Địa Ngục, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
 10. Nguyên rằng trong Tam Giới, nếu những kẻ từng quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A-tu-la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng, súc sinh, quỷ, thần, mà chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh Giác.
 11. Nguyên rằng tất cả những phước lạc mà tôi đáng được hưởng đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sinh trong Pháp Giới.
 12. Nguyên rằng một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sinh trong Pháp Giới.
 13. Nguyên rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sinh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, hối quá sửa mình, quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.
 14. Nguyên rằng tất cả chúng sinh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ Đề, mau đắc thành Phật Đạo.
 15. Nguyên rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.
 16. Nguyên giác ngộ loài hữu tình, khắp nhiếp thọ các loài căn cơ.
 17. Nguyên trong đời này tôi sẽ đắc Ngũ Nhân, Lục Thông, và phi hành tự tại.
 18. Nguyên tất cả mọi cầu nguyện đều hoạch đắc mãn túc.
- Cuối cùng:

"Chúng sinh vô biên thế nguyên độ.

Phiền não vô tận thế nguyên đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyên học.

Phật Đạo vô thượng thế nguyên thành."

Tám Quy Luật của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu tâm dưỡng tánh, dứt bỏ đi thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen rồi chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng Trạch Pháp Nhân để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng, Đại Đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch của mình.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi bản phiên dịch của mình được chứng minh là đúng đắn.

<http://antruong.free.fr/phetvang.html>

[Thư Viện 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#)

BỬU MINH ĐÀN CHIẾU MINH VÔ VI TAM THANH

Một Trang Web bất Vụ Lợi , Không Quyền góp,